



40 NĂM

BƯỚC CHÂN CHƯA MỎI

Chặng đường tìm đạo và tu tập
của một vị Du Hành Tăng Hòa Lan tại Tích Lan

OLANDE ANANDA

D. C. RANATUNGA ghi theo lời kể
HỒ THANH TRƯỚC dịch Việt ngữ



MONKS & MONKEYS
TRAVAILS OF
A FLYING DUTCH MONK
OVER 40+ YEARS
IN SRI LANKA



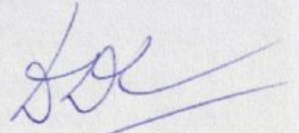
VIÊN GIÁC TÙNG THƯ

**40 năm
bước chân
chưa mỏi**

Xin hồi hướng công đức này
đến hương linh mẹ,
Sa-di Ni Thích Nữ Đàm Thiện

Hồ Thanh Trước

To Bhante @lande Ananda,
Thanks to your book, it give me
an idea to present your way to
follow the path of ~~Buddha~~ to my
Vietnamese compatriots.


H. D. Dao





OLANDE ANANDA

40 năm bước chân chưa mỏi

D. C. Ranatunga ghi theo lời kể

Hồ Thanh Trước Việt dịch

Hiệu đính và trình bày: Nguyễn Minh Tiến

Phụ bản: Họa sĩ Liều Dao

Thiết kế bìa sách: Nguyễn Hùng & Nguyễn Minh

ISBN-13: 978-1-6777-84974

ISBN-10: 1-6777-8497-0

Viên Giác Tùng Thư - Tháng 11/2019

United Buddhist Publisher

OLANDE ANANDA

D. C. Ranatunga ghi theo lời kể
Hồ Thanh Trước Việt dịch

40 năm bước chân chưa mỏi

Chặng đường tìm đạo và tu tập
của một vị Du Hành Tăng Hòa Lan tại Tích Lan

NGUYÊN TÁC ANH NGỮ

Monks & Monkeys

Travails of a Flying Dutch monk over 40+ years in Sri Lanka

Lời Giới Thiệu: Hòa Thượng Thích Như Điển

Lời Bạt: Văn Công Tuấn



2019

MỤC LỤC

✦ Lời Giới Thiệu - Thích Như Điển	7
✦ Lời Thưa - Hồ Thanh Trước	9
✦ 1. Hương vị Ấn Độ	19
✦ 2. Thời thơ ấu ở Hòa Lan.....	23
✦ 3. Tìm kiếm một "Ashram"	29
✦ 4. Cuộc tìm đạo vẫn tiếp tục	33
✦ 5. Trở về căn nhà nổi của tôi.....	39
✦ 6. Đến Sri Lanka bằng tàu thủy	41
✦ 7. Trong tám y Cà Sa.....	47
✦ 8. Thọ giới Cụ Túc	57
✦ 9. Tịnh tu	61
✦ 10. Phát triển "Hội Đối Thoại Liên Hiệp Các Tôn Giáo"	65
✦ 11. Khi y Cà Sa trở thành thời trang	73
✦ 12. Ananda "Anywhere" - Ananda "Vô sở trú"!.....	79
✦ 13. Thiền Tịnh Tâm.....	83
✦ 14. Lược thuật về những chuyến du hành của tôi.....	85
✦ 15. Người thầy đã hướng dẫn tôi trên đường tu tập	95
✦ LỜI BẠT - Nguyên Đạo Văn Công Tuấn	99
✦ P H Ụ L Ụ C - Hồ Thanh Trước	109
✦ Xứ hoa "Tulip" - quê hương của thầy Olande Ananda.....	109
✦ Hòa Lan, một trong những quốc gia hạnh phúc nhất thế giới.....	111
✦ Polder và hệ thống đê điều	112

INDEX

- 1. The first part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 2. The second part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 3. The third part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 4. The fourth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 5. The fifth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 6. The sixth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 7. The seventh part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 8. The eighth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 9. The ninth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 10. The tenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 11. The eleventh part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 12. The twelfth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 13. The thirteenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 14. The fourteenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 15. The fifteenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 16. The sixteenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 17. The seventeenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 18. The eighteenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 19. The nineteenth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.
- 20. The twentieth part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world.

Thích Như Điển

Lời Giới Thiệu

Cách đây hơn một năm, khi tôi có dịp sang tham dự Đại Lễ Phật Đản lần thứ 2561 (2018) tại chùa Vạn Hạnh Hòa Lan, Hòa thượng Ananda có ký tặng cho tôi một quyển sách bằng tiếng Anh nhan đề là *Monk & Monkeys - Travails of a Flying Dutch monk over 40+ years in Sri Lanka*. Thật tình thì tôi xem hình trước, vì những hình minh họa và các hình Ngài chụp kỷ niệm ở các nơi tại Tích Lan rất đẹp. Năm nay, vào cuối tháng 6 năm 2019 vừa qua, Ngài có qua chùa Viên Giác tại Hannover tham dự lễ khánh thọ 70 tuổi của tôi. Ngài có hỏi rằng: "Thầy đã đọc sách của tôi chưa?" Tôi trả lời Thầy bằng tiếng Anh và cả tiếng Đức rằng: "Tôi sẽ cố gắng."

Thế mà mãi cho đến hôm nay, đạo hữu Nguyên Trí Hồ Thanh Trước đã dịch hoàn toàn sang tiếng Việt với tiêu đề là "Hơn 40 năm khổ công của một Du Hành Tăng Hòa Lan tại Tích Lan" thì tôi mới có cơ hội đọc hết bản tiếng Việt từ đầu đến cuối, kèm theo bài viết của đạo hữu Nguyên Trí Hồ Thanh Trước về xứ Hòa Lan cũng như Lôi Ngò. Sau khi gấp bản thảo lại, tôi nghĩ rằng cái tựa đề mà Hòa Thượng Ananda đặt cho sách này không liên quan gì với nội dung cả, mặc dầu có thể Thầy ấy đã lấy hình ảnh nơi ẩn tu của Thầy tại Tích Lan có nhiều khi hơn người để làm cho độc giả tò mò chẳng? Nhưng tựa đề như vậy quá dài, mặc dầu dịch giả đã dịch đúng chữ, đúng nghĩa. Vì thế, Nguyên Đạo Văn Công Tuấn có đề nghị với tôi là nên đổi một tên sách khác ngắn gọn hơn. Do vậy, tôi đã đề nghị với tác giả

và dịch giả nên đổi tựa đề là "40 năm bước chân chưa mỏi - Hành trình tìm đạo và tu tập của một vị Du Hành Tăng Hòa Lan", chắc cũng không phải là kém phần hấp dẫn cho người đọc.

Tôi đã quen biết với Hòa Thượng Ananda từ những năm khi tôi qua chùa Vạn Hạnh tại Nederhorst den Berg và cả cho đến nay ở Almere. Lúc nào Ngài cũng tươi cười và nói được nhiều ngôn ngữ. Lúc thì tiếng Hoa, tiếng Nhật, lúc thì tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức v.v... nghe cũng thật là hoan hỷ. Ngoài ra tôi cũng thường hay gặp Ngài ở các Đại Hội Phật Giáo Thế Giới do *World Buddhist Shanga Council* tổ chức tại Đài Loan hay Mã Lai v.v... Có nhiều lần Ngài đã đến Viên Giác và Viên Đức để thăm viếng và dự lễ cùng chúng tôi. Ngài tuổi đời hơn tôi một tuổi, nhưng Ngài xuất gia sau (1975). Tuy vậy Ngài vẫn là bậc Thầy có tuổi hạ cao nhất nhì của Phật Giáo Nam Tông tại Âu Châu này.

Dịch giả Nguyên Trí Hồ Thanh Trước đã cố gắng hết sức để chuyển tải những danh từ Phật Pháp sang tiếng Việt, kể cả tiếng Pali hay tiếng địa phương ngoài tiếng Anh để cho độc giả Việt Nam dễ lãnh hội. Đây là một việc làm quá tuyệt vời và tôi xin chân thành viết lời giới thiệu này đến với quý độc giả Việt Nam. Quý vị có thể tìm trên trang mạng Amazon để đọc sách này. Tôi nghĩ rằng quý độc giả sẽ thu thập được nhiều điều thú vị và học hỏi nhiều điều cần thiết trên đường tìm cầu giác ngộ của những hành giả Đông phương hướng về những hành giả Tây phương đang thể hiện đức tin của mình vào ngôi Tam Bảo.

*Viết xong vào ngày 19 tháng 10 năm 2019
tại thư phòng chùa Khánh Anh Évry, Pháp Quốc*

Thích Như Điển

Phương Trượng Tổ Đình Viên Giác
Hannover, Đức Quốc

Hồ Thanh Trước

Lời Thưa

Năm 2019, phật tử khắp thế giới mừng lễ Phật Đản 2643, Phật lịch 2563. Mặc dù Phật giáo được chính thức truyền sang Âu Mỹ từ thế kỷ 19, tuy nhiên số Phật tử tại Âu, Mỹ chưa thật sự nhiều và chur tăng Âu Mỹ lại còn ít hơn.

Khi còn làm việc ở Pháp, tôi được xem trên truyền hình, cuộc phỏng vấn thầy *Matthieu Ricard*, một vị tăng Phật giáo Tây Tạng, gốc người Pháp, thông dịch viên Pháp ngữ của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Sinh trưởng trong một gia đình danh vọng, cha thầy, ông *Jean-François Revel* (ông còn mang tên *Jean-François Ricard*) một trong 40 thành viên trong Hàn Lâm Viện Pháp Quốc (*Académie Française*), mẹ thầy, bà *Yahne Le Toumelin*, một danh họa và trở thành ni sư trong Phật giáo Tây Tạng. Thành đạt trong khoa bảng, nhưng thầy *Matthieu Ricard* đã tìm đến Phật pháp quy y, tu học với ngài *Kangyour Rinpoché*. Hiện nay thầy tu tập tại tu viện *Shenchen* ở Nepal. Tôi vẫn mong hội ngộ thầy để được học hỏi và trao đổi Phật pháp với một vị tăng người Âu, nhưng vì nhân duyên chưa đến nên ý nguyện chưa thành.

Rồi cuộc đời vẫn tiếp tục trôi, theo chương trình làm việc, tôi lại chuyển đi nơi khác. Tôi được các đồng nghiệp tặng cho biệt hiệu "*pigeon voyageur*" (tạm dịch theo nghĩa bóng là "*người du hành*"), vì sau mỗi công việc hoàn thành, thường từ bốn đến sáu năm, tôi lại xin chuyển đi nơi khác, nhận chương trình mới. Tùy theo công việc ngắn hạn hay dài hạn, tôi đã trải qua gần 30 quốc gia. Đến năm 2007, tôi được chuyển đến Hòa Lan, một

vương quốc thanh bình, nơi mà người dân có cuộc sống hạnh phúc, tôi sẽ có dịp trình bày ở phần sau, và cũng vì lý do này, tôi tạm dừng chân tại Hòa Lan hơn 12 năm nay. Nơi đây tôi có duyên được gặp thầy Olande Ananda, cuộc hội ngộ giữa vị du hành tăng Hòa Lan (*Flying Dutchmonk*) và một người Việt du hành bắt đầu.

Riêng tôi, dù đã theo mẹ đi chùa từ lúc lên 5 tuổi và sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử, nhưng tại đất nước hoa tulip này tôi quy y Phật pháp, trở thành cư sĩ Phật tử và bắt đầu cộng tác với báo Viên Giác, tạp chí của kiều bào và Phật tử Việt Nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Hơn nữa, Ban Biên Tập báo Viên Giác thường khuyến khích và hỗ trợ tôi, tất cả đã tạo duyên đưa đến việc tôi nguyện dịch sách này từ nguyên bản Anh ngữ ra Việt ngữ để cống hiến quý độc giả.

Thầy Olande Ananda là một vị tăng Phật Giáo Tích Lan, gốc người Hòa Lan, lần đầu tiên tôi được nhìn thấy và nghe thầy giảng pháp tại chùa Vạn Hạnh Hòa Lan năm 2011, nhưng chưa có duyên được tiếp chuyện với thầy.

Năm 2015, do nhân lành đã tạo đời trước, gặp duyên công quả tại chùa Vạn Hạnh mới, kết quả vị "*Du Hành Tăng Hòa Lan*" hội ngộ với "*người du hành*" là tôi. Thoạt đầu, thầy nhìn tôi và hỏi bằng Anh ngữ rất lưu loát:

- Anh từ đâu đến? Thầy chưa bao giờ gặp anh trước đây.

- Thưa thầy, con từ Pháp chuyển sang làm việc tại Hòa Lan từ năm 2007 và thường đến công quả tại chùa mới này từ năm 2013.

- À, vậy là anh thông thạo tiếng Pháp?

Tiếp đó, câu chuyện giữa thầy và tôi tiếp tục bằng tiếng Pháp. Tôi được biết thầy sống và hoằng pháp tại Tích Lan, hàng năm thầy về Hòa Lan vào dịp lễ «Vesak» hoặc trong những chuyến hoằng pháp tại Âu châu, thầy thường trú ngụ tại chùa

Vạn Hạnh và đây là dịp tôi được gặp và tiếp chuyện với thầy. Mỗi khi có việc gì cần cho các chuyến hoằng pháp tại Âu châu, thầy thường nhờ tôi giúp, vì thế mối liên lạc giữa thầy và tôi càng thân thiết hơn.

Thầy tu theo Thiên tông và thường tổ chức các khóa tu thiền tại Tích Lan hoặc Âu Mỹ, việc này sẽ được lược thuật tuần tự sau đây.

Thầy thường giảng Pháp bằng Anh ngữ hoặc Sinhala (ngôn ngữ Tích Lan) trên các website dưới đây:

- <https://youtube.com/OlandeAnanda>
- <http://www.OlandeAnanda.org>
- <http://bswv.dharmaseed.org/teacher/426/talk/13687/>
- <http://www.facebook.com/VenOlandeAnanda/>

Thầy có đặc điểm là khi đối thoại với tôi thầy thường đổi ngôn ngữ, lúc Anh, lúc Pháp, rồi Hòa Lan. Điều thú vị này giúp tôi có dịp sử dụng các ngôn ngữ để tránh việc quên vì ít dùng đến sau khi hưu trí và vì tuổi già kề cận.

Một hôm thầy mang đến tặng tôi một quyển sách viết bằng Anh ngữ, với tựa đề: *Monks & Monkeys, Travails of a flying Dutch monk over 40+ years in Sri Lanka*, kể về nhân duyên đưa thầy đến với Phật giáo.

Sau khi đọc xong quyển sách, điều làm tôi chú ý nhất là con đường đi tìm đạo của thầy Olande Ananda. Là một thanh niên sanh trưởng tại Hòa Lan, với nếp sống, tư tưởng, ngôn ngữ, tập quán riêng biệt của Tây phương, tốt nghiệp Cao Học Kinh Tế, thầy từ bỏ tất cả, tìm về Đông phương, đến với Ấn Độ giáo và sau cùng do nhân đã gieo trồng đời trước, gặp duyên đời nay, và "nhất thiết duy tâm tạo", thầy tìm ra Ánh Đạo Vàng, theo con đường tu tập đã chọn và trở thành "Flying Dutch monk" (Vị Du Hành Tăng Hòa Lan).

Từ đó tôi nguyện phiên dịch quyển sách của thầy, từ Anh ngữ sang Việt ngữ, để phổ biến trong trong cộng đồng người Việt trong và ngoài nước. Tôi trình bày điều này và được thầy Olande Ananda vui vẻ chấp thuận. Thầy giới thiệu tôi với anh D. C. Ranatunga (DRC), người đã viết sách theo lời kể của thầy. Thầy và anh D. C. Ranatunga và nhà xuất bản cấp cho tôi giấy phép được quyền phiên dịch và phổ biến bản Việt ngữ.

Pagoda Meditation Centre

49/2, First Cross Street

Pagoda Road

Nugegoda

Sri Lanka

Websites: www.olandeananda.org

E-mail: olandeananda@gmail.com

To: Mr. Hieu-De Dao

Pagoda, 4th September 2019

Dear Mr. Dao,

Thank you for your willingness to publish my book "Monks and Monkeys" in Vietnamese translation and especially your efforts to get it published through Amazon.

We commend your great effort and determination and your selfless pursuit to give the book a wider reading public in this way. May the Triple Gem bless you for your good health and happiness!

Yours in the Dhamma,

Olande Ananda Thera

Nhận được giấy phép, tôi liên lạc với anh D. C. Ranatunga, người đã viết nguyên bản quyển sách nói trên, theo lời kể của thầy Olande Ananda, bằng Anh ngữ, để rõ thêm chi tiết hầu giúp cho việc phiên dịch được chính xác. Qua e-mail, anh kể:

«Tôi được biết thầy Olande Ananda từ nhiều năm trước, khi đi khất thực, thầy đến trước cửa nhà tôi. Tiếp theo đó, vợ tôi và tôi đã tham dự các lớp thiền của thầy tại trung tâm Pagoda Meditation và thường đi nghe các bài pháp thoại của thầy ở nhiều nơi.

Tôi xin giải thích sơ qua về pháp danh của thầy. Chúng tôi biết các chư tăng nước ngoài, sau khi xuất gia ở Sri Lanka (Tích Lan), chỉ sử dụng pháp danh nhận được lúc xuất gia. Trong trường hợp của thầy Ananda, theo truyền thống, thầy sử dụng nơi sinh của mình, đặt ở trước pháp danh. Hầu hết tên các quốc gia không phù hợp để sử dụng trong Sinhala, ngôn ngữ của Tích Lan. "Olande" – là tên phiên âm trong ngôn ngữ Sinhala của Hoà Lan (Holland) – phù hợp một cách tuyệt diệu với pháp danh Ananda để trở thành Olande Ananda.

Một hôm, người bạn chung của thầy Olande Ananda và tôi, anh Deepal điện thoại cho tôi ở Perth (nơi tôi cư ngụ hiện nay), anh kể cho tôi nghe những sự việc ngẫu nhiên mà thầy Ananda đã trải qua trong cuộc đời và khi Deepal nói với tôi: «Tại sao chúng ta không ghi lại các sự kiện này, viết thành sách cho mọi người cùng vui đọc?», tôi trả lời: «Đúng vậy, tại sao không?»

Sau khi anh Deepal bàn dự án viết thành sách với thầy Ananda, tôi cũng trình bày ý nguyện của tôi và thầy đã đồng ý. Đó là một thời điểm vào năm 2015, đúng 40 năm, ngày thầy xuất gia. Thầy nói với tôi, thầy nghĩ rằng câu chuyện cuộc đời thầy sẽ mang lại nhiều thú vị cho người đọc. Thầy đề nghị: «Chúng ta trao đổi câu chuyện qua Skype, anh ghi âm lại để viết sách», tôi đồng ý.

Tôi nghĩ rằng phương pháp tốt nhất để viết thành sách là «ghostwriter», viết theo lời kể của thầy Olande Ananda. Ghostwriter là một danh từ đặc biệt trong ngành báo chí, để chỉ việc một bài viết hay sách mà tác giả mượn một người khác viết giùm mình.

Công việc chúng tôi tiến triển tốt đẹp, ngoại trừ vài sự chậm trễ do những chuyến đi thường xuyên ra nước ngoài của thầy Ananda để thực hiện các khóa thiền định, tham dự hội nghị và hội thảo, hoặc về thăm quê hương của thầy.

Tôi rất ngạc nhiên về trí nhớ của thầy, nhớ từng chi tiết trong suốt cuộc sống từ quá khứ đến hiện tại của thầy. Tôi không thể yêu cầu bất cứ điều gì tốt hơn nữa để viết nên quyển sách này.

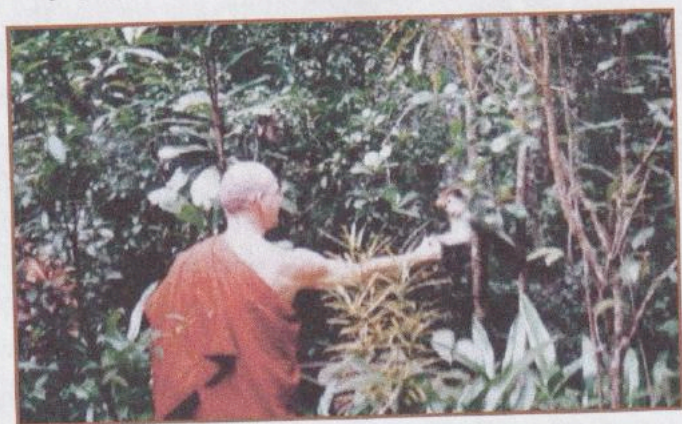
Đây là nhân duyên, phước đức lớn của tôi, vì thầy đã có niềm tin vào tôi để ghi lại câu chuyện cuộc đời của thầy hơn sáu thập kỷ.

DRC

Tháng Tám 2017»

Thầy Olande Ananda giải thích cho tôi hai lý do thầy chọn tên cho quyển sách nguyên bản Anh ngữ «Monks & Monkeys»:

- Một cách sử dụng vần, *monks* vần với *monkeys*.
- Gần thiên thất của thầy rất nhiều khi, nhưng ít người. Thầy gặp khi nhiều hơn người.



Thầy Olande Ananda ở gần thiên thất khi nhiều hơn người

Một vấn đề nữa tôi muốn trình bày cùng quý độc giả ở đây là về việc dịch tựa sách. Quả thật tôi đã hết sức “đau đầu” và phải

nhờ đến sự góp ý của nhiều người trước khi đi đến quyết định cuối cùng, trong đó có cả sự góp ý quý báu của Hòa thượng Phương trượng chùa Viên Giác. Không có sự góp ý của Thầy, có thể quyển sách đã phải in ra với một cái tựa dài lê thê mà tôi nghĩ sẽ không có mấy độc giả thấy là hứng thú.

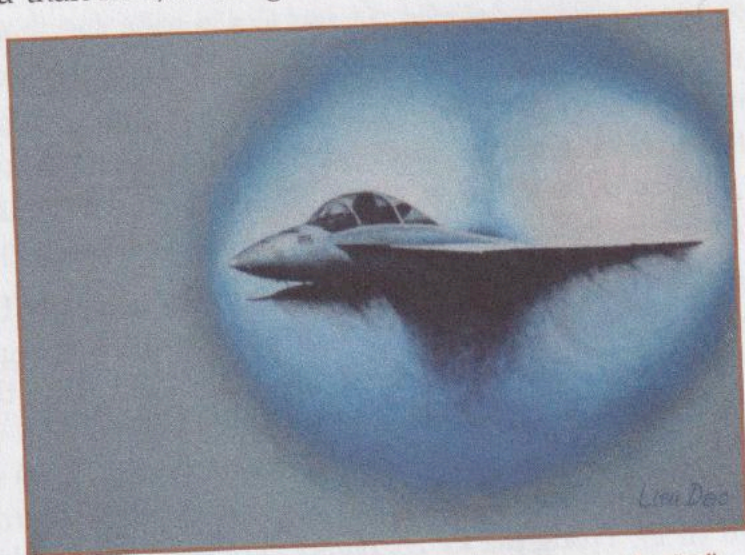
Tuy nhiên, ngắn gọn là một chuyện, mà yêu cầu trung thành với nguyên bản lại là một chuyện khác, vẫn không thể xem nhẹ. Và vì vậy mà tôi đã phải suy nghĩ không ít với cụm từ "*Flying Dutch monk*" trong nguyên bản. Với một người Âu châu thì đây là một cụm từ hết sức thú vị, vì nó gọi liên tưởng đến huyền thoại "*Flying Dutchman*" vô cùng quen thuộc và phổ biến.

Đây là huyền thoại viết về một con tàu Hòa Lan vượt biển trong hơn 30 năm, đi khắp Âu, Á, Phi, của nhà văn người Anh, *John MacDonal*d, xuất bản lần đầu năm 1790. Tiếp theo đó *Flying Dutchman* lại xuất hiện trong tác phẩm của nhà văn *George Barrington*, "*A Voyage to Botany Bay*", năm 1795, và các tác phẩm của *John Leyden* cũng như nhiều nhà văn khác trong thế kỷ 18 và 19. Trong thế kỷ 20, *Flying Dutchman* lại xuất hiện trong truyền hình và phim ảnh.

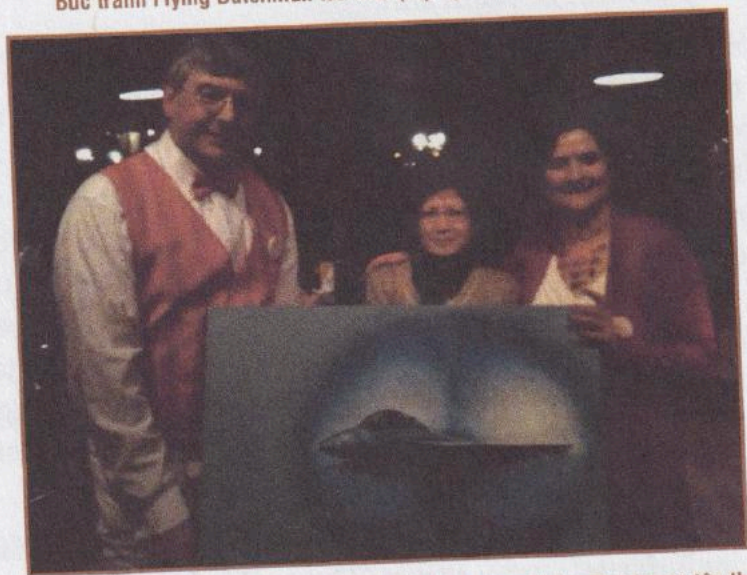
Nói chung, con tàu huyền thoại *Flying Dutchman* đã quá quen thuộc với mọi người dân Hòa Lan cũng như với nhiều dân tộc khác ở Châu Âu. Người Hòa Lan dường như hãnh diện về điều này nên đã sử dụng danh từ này trong nhiều lãnh vực: ca nhạc, sách báo v.v... Hãng hàng không Hòa Lan KLM cũng dùng danh từ này đặt tên cho quyền đặc san của họ. Và ngay cả đối với bà xã tôi, một họa sĩ xuất thân ngành hội họa tại Pháp, *Flying Dutchman* cũng là một đề tài cảm hứng để vẽ tặng, nhân dịp sinh nhật chồng cô bạn đồng nghiệp của tôi, người Hòa Lan, bức tranh *Flying Dutchman tân thời (Flying Dutchman modernized)*.

Và vì thế, không phải ngoại lệ khi thầy Olande Ananda đã mượn danh từ này và đổi thành "*Flying Dutch monk*" như một

lối chơi chữ. Và để dịch chữ này sang tiếng Việt mà không làm mất đi quá nhiều ý nghĩa thú vị của nguyên ngữ thật không phải dễ. Ban đầu, tôi đã dịch sát theo nghĩa của từng chữ là "vị tăng sĩ Hòa Lan bay". Nhưng sau khi tham khảo ý kiến của nhiều thân hữu, ai cũng nói rằng dịch như vậy thì người đọc



Bức tranh Flying Dutchman tân thời (Flying Dutchman modernized)



Vợ chồng cô bạn đồng nghiệp và họa sĩ vẽ bức tranh Flying Dutchman tân thời

chẳng những không có được chút liên tưởng nào với nguyên ngữ, mà còn có phần khó hiểu trong tiếng Việt, vì rất có thể bị hiểu nhầm là “*một vị tăng Hòa Lan biết bay*”.

Do vậy, sau rất nhiều suy nghĩ, tôi quyết định sử dụng một danh từ truyền thống là “*du tăng*”, vốn được dùng để chỉ các vị tăng không có trú xứ nhất định mà thường xuyên vân du đây đó, kết hợp với một danh từ hiện đại là “*du hành*”, thường được dùng để chỉ những chuyến đi vào vũ trụ mênh mông của các phi hành gia. Với kết hợp này, một danh từ mới được hình thành là “*du hành tăng*”, và cụm từ “*Flying Dutch monk*” được dịch là “*vị Du Hành Tăng Hòa Lan*”. Cụm từ này có được sự kết hợp giữa một từ cổ xưa đã quen dùng với một khái niệm hiện đại, và cũng hàm chứa được một ý nghĩa “*nước đôi*” khi có thể được hiểu là một vị tăng thường đi khắp đó đây, nhưng cũng có thể hiểu theo nghĩa hiện đại là là một vị tăng du hành vũ trụ. Vừa khéo cũng trùng hợp với ý tưởng của vợ tôi khi cô ấy thể hiện con tàu *Flying Dutchman* tân thời không phải là một con tàu vượt biển như trong huyền thoại, mà là một con tàu vũ trụ đầy bí ẩn. Tôi nghĩ, đây cũng là một lối “*chơi chữ*”, dù kém xa so với tác giả, nhưng cũng vót vát được phần nào so với cách dịch ban đầu. Quả là một nhiệm vụ quá khó khăn nên tôi chỉ có thể làm được đến thế, mong quý độc giả nếu chưa hài lòng cũng xin phần nào lượng thứ.

Cuối cùng, tuy phiên dịch xong, nhưng phổ biến không phải dễ như tôi nghĩ! Một lần nữa cũng nhờ phước duyên, tôi lại được quý đạo hữu trong Ban Biên Tập báo Viên Giác giúp ý kiến và nhất là anh Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn đã tận tình hỗ trợ trong việc hoàn chỉnh và phổ biến tác phẩm này.

Xin nguyện ghi ơn công đức vô lượng này.

Hồ Thanh Trước



Lighting the 'pol thel pahana'



Lighting the 'pol thel pahana'



Professor Asanka Tillekeratne with Ven. Ananda



Ven. Ananda with guests



Ven. Ananda with the monks



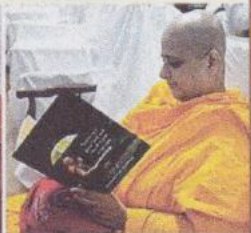
Observing 'Pansil'



Books from the hands of Ven. Ananda



Ven. Ananda with guests



Engrossed!



Ven. Ananda with guests



Professor J.B. Disanayaka glances through the pages

Một số hình ảnh buổi lễ ra mắt quyển sách "Monks & Monkeys" tại Tích Lan.

1. Hương vị Ấn Độ



AMSTERDAM - PHỐ NỔI DỌC BỜ KINH

Ngày 4 tháng 12 năm 1972 là ngày sinh nhật cha tôi. Tôi đi đến Ấn Độ để tìm kiếm một con đường mà tôi cảm thấy phù hợp với tương lai tôi. Tôi đã rời nhà được sáu năm - kể từ khi tôi vào đại học ở Amsterdam. Đó là điều bình thường đối với một chàng trai trẻ ở độ tuổi tự lập và tự lựa chọn cho mình một hướng đi. Vì vậy, tôi chuyển đến sống trong một ngôi nhà nổi ở dọc bờ kinh Amsterdam.

Sau khi lấy được cử nhân (Bachelor Degree) Kinh Tế và Xã hội học ngành "*Giúp Các Quốc Gia Đang Phát Triển*", vì tôi có mối quan tâm đến các quốc gia đó. Tôi bắt đầu theo học MA, nhưng cuối cùng tôi cảm thấy nhàm chán khi học các môn Thống Kê. Tôi đã nghĩ đến việc tham gia UNDP (*United Nations Development Programme* - Chương trình Phát triển Liên Hợp

Quốc) để giúp giảm bớt khoảng cách giàu nghèo và giúp đỡ thế giới. Tôi cảm thấy thế giới thật bất công và thường đi sai hướng. UNDP từ chối đơn xin của tôi, với lý do đã có quá nhiều người Hòa Lan tại Liên Hợp Quốc và phân ngạch Hòa Lan đã đủ. Lúc đó tôi không biết mình nên làm gì.

Lo lắng cho thế giới và quan tâm đến chính trị, tôi đã đến Mỹ năm 1968 để theo một khóa học mùa hè tại Đại học Cornell ở Ithaca, New York. Tôi tham gia vào Hội nghị của đảng Dân chủ ở Chicago, một thành phố nổi tiếng với bạo lực cùng tham gia cuộc vận động xóa nghèo của Jessy Jackson... Khi Nixon đắc cử Tổng thống Mỹ, tôi từ bỏ chính trị. Càng ngày tôi càng cảm thấy không vui về bản thân và thế giới, tôi cảm thấy cần phải làm gì đó để xóa đi nỗi bất hạnh của riêng tôi. Thật trùng hợp, ban nhạc *The Beatles* bắt đầu thực hành Thiền «Transcendental Meditation» (TM) với Maharishi Mahesh Yogi và tôi bắt đầu thực hành TM, từ bỏ ngành phân tích tâm lý mà tôi vừa mới nhập môn.

Sau đó, một người bạn Mỹ theo ngành Âm nhạc học ở Hòa Lan đến nhà nổi của tôi ở Amsterdam, tặng tôi một bản sao của cuốn "*Tự truyện một người yogi*" của *Swami Paramahansa Yogananda*. Tôi bị thu hút về hướng Ấn Độ sau khi đọc quyển sách này. Tôi đang định đi đến Ấn Độ thì một ngày nọ, tình cờ một người Ấn Độ bước vào nhà tôi. Anh đã đi nhờ xe cặp vợ chồng người Mỹ, bạn tôi, từ Đan Mạch đến Hoà Lan. Những người bạn đến gặp tôi và người lạ này cũng ghé vào cùng với họ. Anh làm việc trong ngành in, đến tham dự Hội chợ sách quốc tế ở Frankfurt. Anh tên Prabhu Narayan Sharma thuộc giai cấp Brahmin (Bà La Môn), ở Ranchi, Bihar và là người Ấn Độ đầu tiên mà tôi gặp.

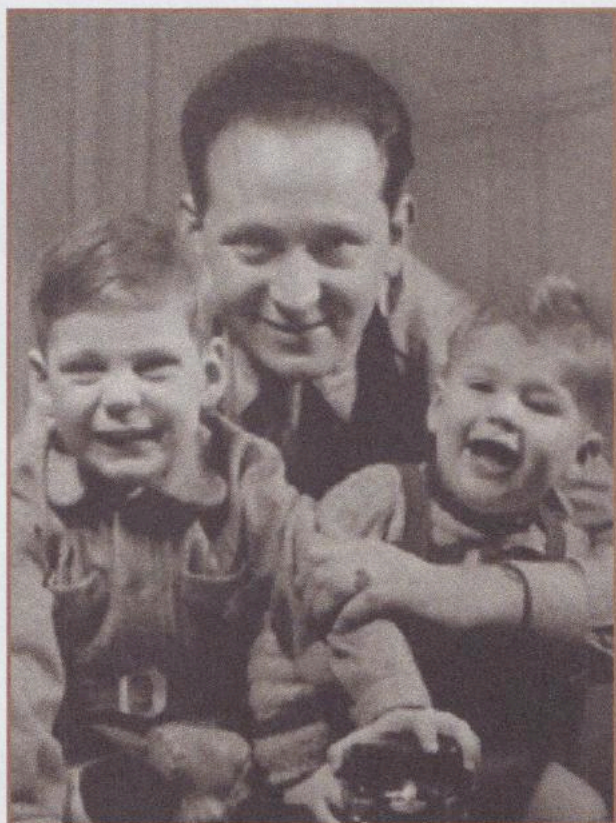
Nhìn thấy cuốn sách của Paramahansa Yogananda trên bàn, anh Prabhu Narayan Sharma hỏi tôi về sự quan tâm của tôi đối với

Yoga, tôi nói rằng tôi có dự tính đi Ấn Độ và đã có vé máy bay để đi Delhi. Anh cho biết gia đình anh sống gần nơi ngài *Paramahansa Yogananda* sinh sống và mời tôi đến ở nhà anh khi tôi đến Ấn Độ. Đó là một sự trùng hợp ngẫu nhiên nhưng là sự khởi đầu tốt nhất để tiếp xúc với văn hóa, xã hội và tôn giáo Ấn Độ. Không điều gì tốt hơn cho tôi được đến ở với một gia đình người Bà La Môn giàu có, trí thức, trong nhiều tháng. Tôi ở đó hai tháng đầu tiên, cho đến khi tôi bắt đầu đi tìm kiếm một Đạo sư từ bắc Hy Mã Lạp Sơn đến nam Kumari.



Cùng với cha, mẹ và anh tôi

2. Thời thơ ấu ở Hòa Lan

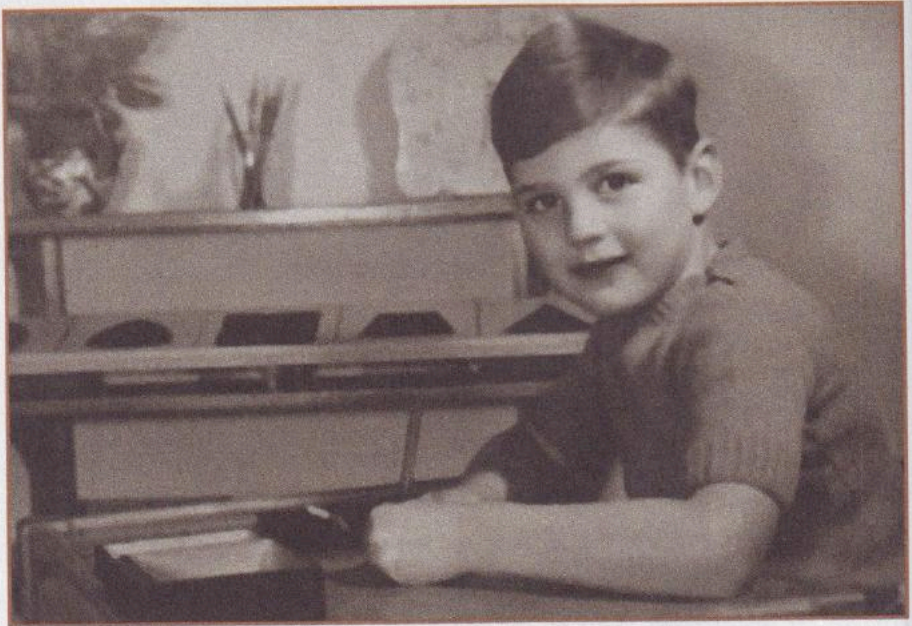


Tôi chào đời ở Amsterdam, gần Vondelpark ngày 2 tháng 1 năm 1948, chỉ 3 năm sau Đệ nhị Thế chiến, trong một gia đình cha theo Do Thái giáo, mẹ «cựu» Kitô giáo. Sau khi kết hôn, ông bà không tham gia bất cứ tổ chức tôn giáo nào, chỉ theo Chủ Nghĩa Nhân Đạo và gia nhập tổ chức Ancient Order of Foresters, một tổ chức xã hội và tự do ngôn luận. Anh trai tôi, Hans, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1945, chỉ một tuần trước ngày Hòa Lan thoát khỏi sự chiếm đóng của Đức Quốc Xã.

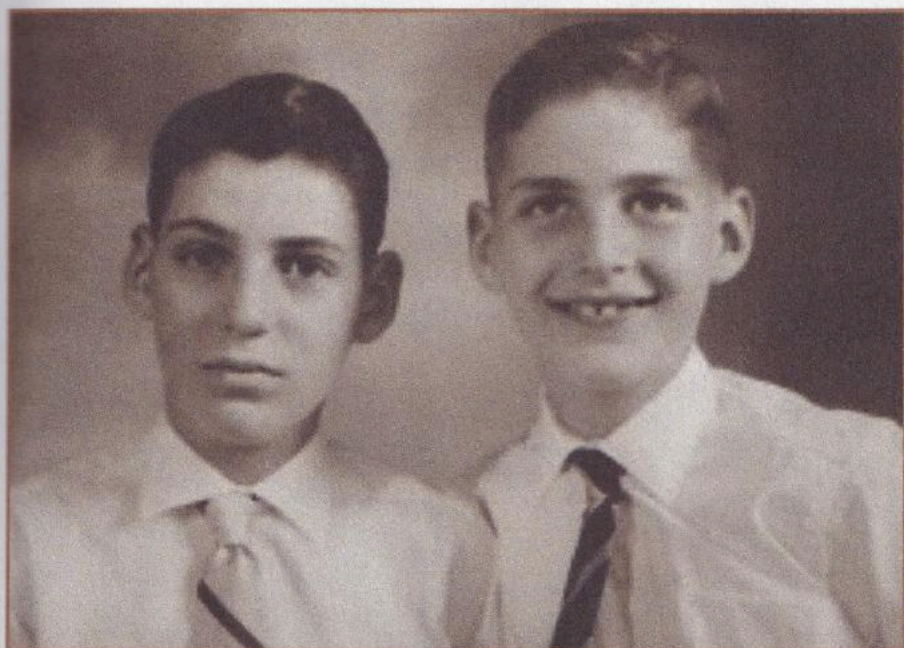
Chúng tôi sống gần Vondelpark, Concertgebouw và Rijksmuseum (Viện Bảo Tàng Quốc Gia) rất nổi tiếng.



Cảnh sinh hoạt trong VONDELPARK



Năm tôi học lớp 1 - Hilversum



Hình chụp cùng với anh tôi

Ông nội tôi, Nico Hammelburg, đã phải cống hiến tiệm kiếng quang học rất hưng thịnh của mình trên Công trường Dam (Khu phố thương mại lớn nhất trong trung tâm Amsterdam) cho một người Hòa Lan cộng tác viên với Đức Quốc Xã, chỉ vì ông là người Do Thái. Anh trai của cha tôi, bác Ab, đã bị Đức quốc xã bắt giữ, ông đã tự cứu mạng mình bằng cách lãnh chụp hình cho các sĩ quan Đức. Vợ sắp cưới của ông, Sonja, đã bị đưa đến trại tập trung khủng khiếp nhất, bà là một trong 125 người sống sót ở trại *Auschwitz* này vào cuối cuộc Thế chiến.

Cha tôi khởi đầu làm thợ kim hoàn ở Amsterdam, nhưng ông sớm chuyển sang ngành nhập cảng phân phối tất cả đồ bạc và pha lê từ Đức, Pháp và các nước khác.

Chúng tôi chuyển đến sống trong một thị trấn nhỏ gần Leiden. Chúng tôi đã trải qua 5 năm nơi đây và tôi bắt đầu vào lớp 1 tiểu học, học piano. Nơi đây tôi bị tai nạn xe hơi khủng khiếp với chiếc xe đạp nhỏ của tôi. Tôi thường có tâm trạng

kém vui giữa những đàn bò, đồng cỏ và những người dân tâm lượng hẹp hòi.

Năm 1955, gia đình tôi dọn đến Hilversum, ở phố Garden City gần trụ sở của tất cả các đài phát thanh và truyền hình Hòa



Hàng hóa bằng bạc và pha lê trong phòng trưng bày của cha tôi tại Trung Tâm thương mại Utrech



Ở trường tiểu học (Hàng đầu với quyển sách trong tay)

Lan, ngôi nhà chúng tôi thật rộng rãi, mang tên Hamaharu. Nó mang cho chúng tôi sự thoải mái và là cửa sổ mở ra cho một tương lai xán lạn. Công việc kinh doanh phát triển và tôi nghĩ đến việc cộng tác với cha tôi. Anh tôi trở thành Sĩ quan hạng 1 trong ngành Hàng hải thương thuyền và lập gia đình.

Tôi tiếp tục học piano và tham gia vào ban nhạc trường với kèn trumpet. Trong những ngày nghỉ mùa đông chúng tôi thường đi trượt tuyết ở dãy núi Alps và mùa hè chúng tôi thích lái xe đến Ý, Tây Ban Nha, Pháp, Thụy Sĩ và Áo vào các dịp lễ. Chơi tennis, chèo thuyền trên các hồ và tản bộ trong rừng gần nhà, chơi mini gôn là những sở thích của tôi. Không quên ba năm học khiêu vũ với Van Kralingen, vị giáo sư dạy vũ nổi tiếng, nơi Hoàng gia Hòa Lan thường gửi con gái của họ theo học. Tôi cũng được tham gia vào chương trình phát thanh của trường và giới trẻ những năm ở Hilversum.

Sau khi học xong trung học ở *Hilversum* năm 17 tuổi, tôi sang Mỹ trong chương trình trao đổi sinh viên YFU (*Youth for Understanding*) có trụ sở tại *Michigan*. Tôi tận hưởng niên học này với nhiều hoạt động phụ ngoài chương trình học, bao gồm

hợp xướng, ban nhạc, câu lạc bộ báo chí và là nhiếp ảnh viên của trường cho tờ báo *Edwardsburg Argus*.

Giáo sư Anh ngữ của tôi, bà *Kantovski* khuyến khích tôi vào đại học. Tôi làm theo lời khuyên của bà và dành sáu năm theo Kinh tế học và Kinh tế Xã hội học với các giáo sư nổi tiếng như Wim Duisenberg, sau này là Giám đốc *International Monetary Fund* (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế).





3. Tìm kiếm một "Ashram"¹

Cuộc gặp gỡ tình cờ với anh Prabhu Narayan Sharma mà tôi đã nói ở đoạn trước, hóa ra lại là một khởi đầu tốt cho sự thành công của tôi nơi đất nước của anh, Ấn Độ. Tôi sống với gia đình Bà La Môn đó và bắt đầu viếng thăm *Yogoda Sat Sangha, Ashram* của *Swami Yogananda*. Một sự trùng hợp kỳ lạ, nơi đây tôi được gặp bà *Daya Maatha*, Quốc tế Chủ tịch của Hiệp hội "*The Self Realization Fellowship from California*". Bà là một đệ tử trực tiếp của *Yogananda* và là người "Thầy, Truyền Thừa" (*Swami*) sau khi ông qua đời.

Khi *Daya Maatha* đi dạo quanh và thấy tôi ở *Ashram*, trong chiếc áo sơ mi hoa, quần jean xanh, một khuôn mặt với râu quai nón và mái tóc dài của tôi, bà hỏi: «Anh từ đâu đến?», tôi trả lời «Từ Amsterdam», bà nói «Ồ, thật thú vị!». Ngày thứ hai bà ấy lại đi đến chỗ tôi và hỏi: «Anh từ đâu đến?», tôi vẫn trả lời «Từ Amsterdam», bà lại nói «Ồ, thật thú vị!».

Tôi hỏi bà, tôi có thể ở lại *Ashram* này không và bà nói rằng *Ashram* chỉ dành cho người Ấn Độ. Bà nói tiếp: «*Ashram* có một chi nhánh ở Hòa Lan, anh sẽ phải theo một khóa học hàm thụ, sau đó được nhập môn trong sáu giai đoạn thực tập môn "*Kriya Yoga*". Tiếp theo anh sẽ có thể tiến từng bước một.». Qua lời giải thích đó, tôi nhận thấy rằng bà *Daya Maatha* từ chối một cách lịch sự việc tôi xin gia nhập vào đạo tràng (*Ashram*) của bà. Điều này khiến tôi bắt đầu tìm kiếm một đạo tràng từ bắc xuống nam theo chiều dài và chiều rộng của Ấn Độ. Tôi bắt đầu ở

¹ *Ashram*: Đạo Tràng, ở Ấn Độ nơi các môn đệ của một cộng đồng sống xung quanh một vị thầy.

Rishikesh, tại Shivananda Ashram, nơi Swami Chidananda là Chủ tịch tại thời điểm đó và tôi có thể học một số môn Yoga và nghe các bài nói chuyện về Bhagavad Gita.

TẠI VARANASI

Vì một số lý do, gia đình anh Prabhu Narayan Sharma nói với tôi rằng Phật giáo có thể tốt hơn cho tôi và đề nghị tôi nên thăm viếng một số thánh tích của Phật giáo. Họ giới thiệu với tôi với một người họ hàng sống ở Varanasi (Benares - Ba La Nại) gần Sarnath (Lộc Uyển), người mà tôi có thể đến trú ngụ. Tôi đến đó và được tiếp đón thân mật. Anh là một Cán bộ y tế (District Medical Officer) của toàn quận Varanasi, một người có thể lực lớn. Tôi nhớ lại ngay sau khi tôi đến đó, vào một buổi sáng rất lạnh trước khi mặt trời mọc, anh đưa tôi đi tắm ở sông Hằng "để thanh lọc bản thân mình". Nước sông đóng băng; anh ta nhảy xuống tắm và uống một ngụm nước thánh. Ngày hôm sau, có một bài báo viết về tất cả các mầm bệnh quanh sông Hằng. Là cán bộ y tế, lẽ ra anh ta nên nhận thức được tất cả những điều này, nhưng anh chỉ lặp lại câu châm ngôn: "*Chỉ nên quan tâm đến điều quan trọng.*" Tôi cũng nhớ cách anh ấy dạy tôi làm thế nào người ta có thể thiền trong khi đạp xe!

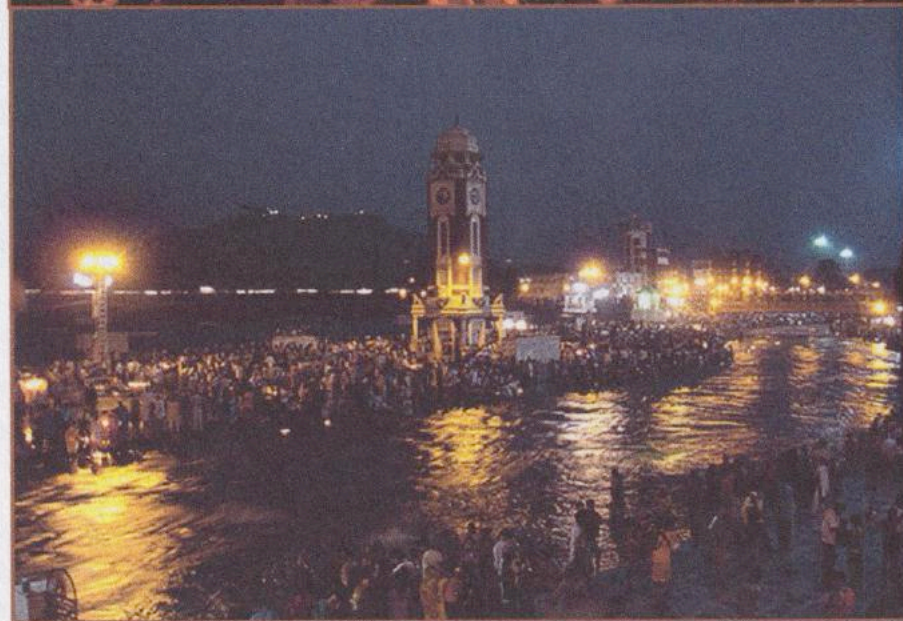
Tôi đã đến thăm các ngôi đền Phật giáo trong và xung quanh Sarnath (Lộc Uyển) và nhận được nhiều cảm tưởng tốt. Khắp nơi đều sạch sẽ và bình yên. Tôi đặc biệt thích môi trường thanh thản.

Ở Varanasi, khi tôi đang ngồi trên những bậc đá của một trong những bậc thang (Ghats) dọc theo sông Hằng và đọc một bản phiên dịch không được chuẩn của Bhagavad Gita do Gita Press xuất bản ở Ghorakpur, một cậu bé Bà La Môn cúi xuống nói với tôi: "Cảm ơn ông đã đọc Thánh Kinh của chúng tôi."

Điều này đã gây ấn tượng mạnh trong tôi, tôi nghĩ rằng tôi sẽ không phiền khi chết ở bờ sông Hằng!

Đã nếm được hương vị của các thánh tích Phật giáo, tôi tiếp tục chuyển đi phiêu lưu của mình để tìm kiếm một đạo tràng (ashram) khắp chiều dài và chiều rộng của Ấn Độ từ Rishikesh ở dãy Hy Mã Lạp Sơn đến Kanya Kumari (Cape Comarin) ở miền Nam.

Tôi đã viếng thăm ngài *Acharya Vinoba Bhave* (1895-1982) tại *Seva Ashram* ở *Wardha* gần *Nagpur*, miền Trung Ấn Độ, người của thế hệ *Mahatma Gandhi* và sống một cuộc sống đơn giản với suy nghĩ cao siêu. "*Suy nghĩ toàn cầu, hành động địa phương*", như Gandhi đã nói. Vì Vinoba không được khỏe và ông đang *maunam* (tĩnh khẩu), tôi chỉ có thể giao tiếp bằng bút đàm trên giấy. Tôi hỏi: «Ông nghĩ sao về việc tôi muốn tham dự *Maha Kumbha Mela*, thị trường tâm linh vĩ đại nhất thế giới, nơi 12 triệu người sẽ gặp nhau tại Prayag, nơi ba con sông Ganga (Hằng), Yamuna và Saraswati gặp nhau. Đây là cuộc họp mặt vĩ đại sau 144 năm. Nếu không, có một *Kumbha Mela* mỗi 3 năm. Vì tôi bị ho nặng và bị vết thương ở chân, tôi nghi ngờ, không biết đó có phải một ý định tốt hay không, vì vậy tôi đã hỏi Vinoba. ông chỉ viết: "Nếu anh muốn đi, thì nên đi!"



Maha Kumbh - Lễ hội tâm linh lớn nhất thế giới

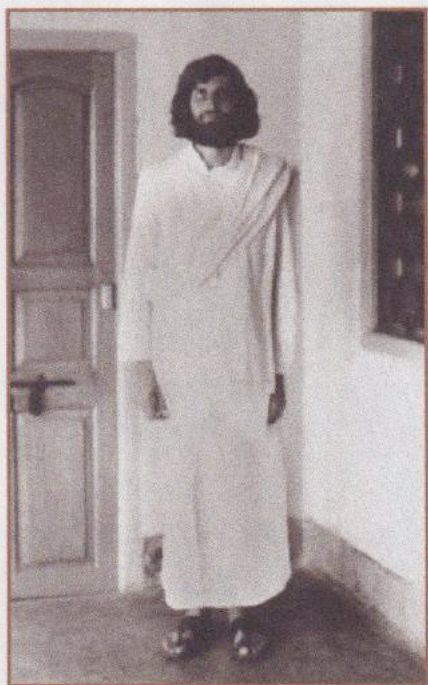
4. Cuộc tìm đạo vẫn tiếp tục

Trong khi tìm kiếm một đạo sư, tôi cũng đã dành một tháng nghỉ ở Goa, trên bãi biển Canhanghat. Ở đó, một cựu thanh niên Bà La Môn của đạo tràng *Shivananda Ashram, Krishna Santani*, đang dạy *Hatha Yoga* cho người nước ngoài, miễn phí, đồng thời thu thập địa chỉ của họ để liên lạc trong tương lai.

Tôi cũng đã đến thăm đạo tràng *Sri Aurobindo Ashram ở Pondichery* và "*Cộng Đồng Thử Nghiệm Tâm Linh ở thành phố Auroville*".

Vào ngày 21 tháng 2 năm 1973, bà *Mirra Alfassa* (thường được gọi là *French Mother*) đã ban "*darshan*" (lời tiên đoán) cuối cùng từ trên ban công, và tôi trong bộ y phục trắng của các Yogi, đứng chung trong số hàng ngàn người ở quảng trường bên dưới khi bà đang ở trên ban công. Bà có đôi mắt như nhìn xuyên thấu, cứ như thể chúng đang lơ lửng quanh tôi và tôi cảm thấy hoàn toàn bị thu hút, bất động trước đôi mắt của bà trong một chiều hướng khác. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng triết lý của *Aurobindo* quá phức tạp một cách không cần thiết. Điều này đã làm tôi xa rời triết lý này mãi mãi. Tôi nhớ đến những bông hồng xinh đẹp và những bông hoa khác phủ trên *Samadhi* (phần mộ) bằng cẩm thạch của *Sri Aurobindo* và *French Mother* và như thế, tôi chạm vào cái đầu đang cúi của mình và cảm thấy sự yên bình.

Đạo tràng của *Ramana Maharshi ở Thiruvannamalai, Tamil Nadu* cho ta một cảm giác khác. Người tuyệt đối bảo vệ triết lý *Advaita Vedanta* là *Ramana*, ông thường yêu cầu bạn chỉ cần



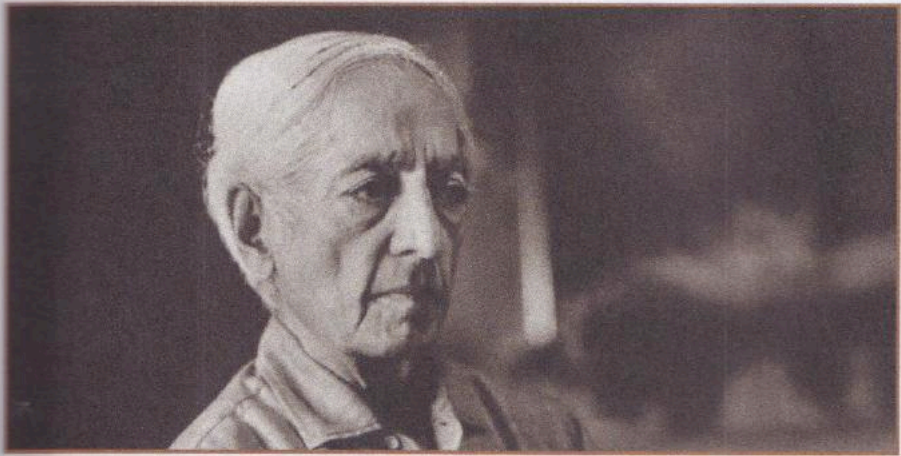
đặt một câu hỏi: «Tôi là ai». Ông thiền trong một hang động trên ngọn đồi phía sau Ashram, và bên trong Ashram là căn phòng nơi ông thường nằm một nửa thân trên trần, chỉ với một miếng vải quấn ngang thân dưới, mỉm cười với những người đến đây để được ông ban phúc lành.

Ở *Mahabalipuram*, phía nam *Madras*, tôi đã gặp con trai của nhà soạn âm nhạc điện ảnh *Tamil* nổi tiếng *K. V. Mahadevan* và là cháu trai của *Maharaja of Vengatagiri*, cả hai đều là tín đồ trung thành của *Sathya Sai Baba*.

Keith Jaffray đến từ *Queensland*, ở trọ chung với tôi và chúng tôi đã đi cùng với những người bạn mới của chúng tôi để xem *Sai Baba* trên *Maha Shivarathri*, đêm trăng tròn vào tháng Hai. Buổi sáng sớm khi chúng tôi đi xung quanh *Puttaparthi* theo lễ hội *Nagara Sankirtan*, bạn bè của tôi đã thúc giục tôi phải làm lễ "Pada Namaskaram" của Baba, tức chạm vào chân ông. Khi tôi đang bò về phía trước, trong bộ y phục Ấn Độ màu trắng, tôi nghe thấy giọng nói của ông ta phía trên tôi: "Không không không!"

Trong chuyến thăm *Sai Baba* lần thứ năm của tôi vào năm 1991, Baba có lẽ còn nhớ đến sự việc này, khi ông nói: "Anh đã từng đến đến nơi này trước đây, nhưng lúc đó anh chưa là tăng!"

Kể đó tôi trở thành một *Brahmachari Kriyananda* (tín đồ của một nhánh trong Ấn Giáo).



GẶP GỠ KRISHNAMURTI

Lần đầu tiên tôi nghe đến nhà triết học J. Krishnamurti (1895-1986) ở Amsterdam là vào năm 1971. Nếu tôi nhớ không lầm, năm 1973 tôi đã tham dự các buổi nói chuyện của ông ở Vasantha Vihar, Greenways Road, Adyar, Madras. Năm 1974 tôi tham dự buổi nói chuyện của ông ở Saanen Thụy Sĩ.

Từ năm 1976 trở đi, với tư cách một tăng sĩ, hằng năm tôi đến Madras để nghe Krishnamurti thuyết giảng ở Adyar, cùng đi có vài người Tích Lan, kể cả Tiến Sĩ E. W. Adikaram và S. M. Jayatillaka. Một lần, những người bạn Tích Lan yêu cầu tôi chụp ảnh họ cùng với Krishnamurti, chúng tôi thỉnh cầu ông đi theo chúng tôi dọc theo bãi biển Adyar, trước trụ sở Hiệp hội Triết-Thần học (Theosophical Society), nơi mà C. W. Leadbeater (1854-1934, nhà triết-thần học đến Sri Lanka với Đại tá Steele Olcott vào năm 1885 và là hiệu trưởng đầu tiên của Ananda College) đã phát hiện một thiếu niên vào năm 1909 mà ông tiên đoán rằng sẽ trở nên người «Hướng dẫn thế giới», «Hiện thân của Bồ Tát Di Lạc» mà Hiệp hội Triết-Thần học đang mong đợi, thiếu niên đó là Krishnamurti.

Tôi không muốn chỉ đơn thuần bấm máy hình, vì vậy tôi đã hỏi Krishnamurti: «Tôi có thể chụp hình ông với những người đó

không.» Ông trả lời: "Hãy chụp ảnh họ!" Tôi nói: "Tôi đã chụp rồi." Ông bảo: «Hãy chụp một tấm khác!». Sau đó, *Krishnamurti* ôm lấy tôi và nhanh chóng sai những bước chân khổng lồ, không để cho chúng tôi chụp bức hình nào.

Khi ở tại Hiệp hội Triết-Thần học, tôi đã đến *Kanchipuram* bái kiến thầy *Shankarachariya*, (một trong bốn vị thầy nổi tiếng trong Ấn Độ Giáo). Tôi đã đi cùng với một bạn trẻ người *Tamil*, anh có thể thông dịch nhiều câu hỏi của tôi. Khi chúng tôi đến *Kutiya* trong đạo tràng của *Shankarachariya*, chúng tôi thấy ông ngồi bên trong, trên bàn, với mái tóc rối và dài, thân hình đầy tro thánh "*Vibhuti*". Ông đang tịnh khâu "*maunam*", im lặng, vì vậy chúng tôi không thể nói chuyện với ông. Nhưng chỉ nhìn chăm chú vào ông, tôi cảm nhận được những rung động mạnh mẽ từ ông khắp trong phòng, thông qua cửa sổ, tất cả câu hỏi tôi dự định, tan biến như tuyết dưới ánh mặt trời!

Tôi cũng đã đi bái kiến *Shankarachariya* ở *Puri*, gần *Bhubaneswar* ở *Orissa* trên bờ biển phía đông. Ông tiếp và khuyên tôi rằng cách tốt nhất để đến với Thượng Đế trong thời đại này là tụng lớn tiếng tên của Rama (Hóa thân thần Vishnu trong Ấn Độ Giáo). (Đó cũng là "câu thần chú" mà mẹ tôi đã nhận được từ *Maharishi Mahesh Yogi* ở *Amsterdam* trong thời gian bà nhập môn vào năm 1972.)

Khi còn ở *Puri*, tôi cũng viếng thăm đạo tràng *Dwaraka* của *Swami Hariharananada*, đệ tử trực tiếp của *Yogananda*. Tuy nhiên, *Swami* đang ở nước ngoài vào thời điểm đó.

Trong một chuyến thăm khác đến Ấn Độ, ở *Kaladi, Kerala*, tôi đã đến thăm đền tưởng niệm của *Adi Shankara*, vị *Shankarachariya* đầu tiên của Ấn Độ Giáo, người lập ra 10 danh hiệu cho các thầy kế vị *Swami* trong Ấn Độ giáo. Ông là người chịu trách nhiệm trong sự biến mất của Phật giáo ở Ấn Độ, vì ông tin rằng Phật giáo không có gì mới so với Ấn Độ giáo, và Ấn Độ giáo có tất cả những điều trong Phật giáo, nên không ai cần phải trở thành Phật tử.

CÁC CHUYẾN THĂM VIẾNG SAU CÙNG

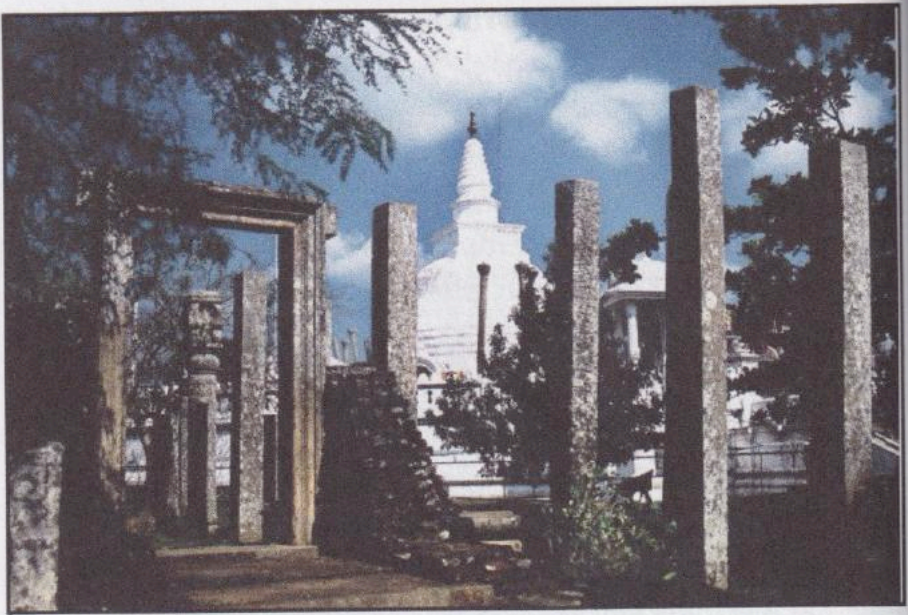
Vào năm 1991, tôi đã đi khắp nơi với *Michael Moebius*, liên lạc viên của Hội Liên Hiệp Tôn Giáo Đức Quốc. Chúng tôi đã thăm viếng nhiều nơi linh thiêng và tiếp xúc dân chúng ở Nam Ấn Độ, kể cả chuyến viếng thăm thành phố *Puttaparthi* và cuộc phỏng vấn thầy *Sathya Sai Baba*.

Năm 1993, Hội Nghị Tôn Giáo Thế Giới diễn ra tại Chicago, đúng 100 năm sau khi *Swami Vivekananda* đã có bài thuyết giảng nổi tiếng tại Hội nghị này.

Anagarika Dharmapala từ *Sri Lanka* cũng tham dự hội nghị lần này. *Swami Chinmayananda* cũng tham dự, nhưng trở lại như một xác chết, giống như xác chết ngồi bắt chéo chân, tôi đã may mắn nhìn thấy ở Delhi. Người *Sikh* đưa tôi đến đó nói: «Hãy nhìn xem, cung cách *Swami* mỉm cười với chúng ta và nói: "Tôi đã hạ gục tất cả các anh, phải không?"»

Tại sân bay *Cochin*, nhóm liên lạc viên chúng tôi với *Govind Bharathan* và các đại biểu khác, bao gồm cả người sáng lập nhóm liên lạc, *Rev. Reinhard von Kirchbach*, đã đến gặp *Amrithananda Mayi Ma*, còn được gọi là Mẹ (*The Mother*), ở *Quilon*, bà vừa trở về từ Hội Nghị Tôn Giáo Thế Giới ở *Chicago*.

Một lần ở *ashram* của bà, tôi đã bỏ lỡ cơ hội để có được "cái ôm" nổi tiếng của bà (*Al Hag*), nhưng lần này tôi có đặc quyền đón bà với các vòng hoa. Có ít nhất năm vòng hoa lớn quanh cổ bà, vì vậy khi bà ôm tôi, có một bức tường hoa giữa chúng tôi và tôi không thể cảm nhận được những rung động của "Tình thương bao quát" từ bà, như các đệ tử của bà thường cảm thấy khi được bà ôm, và có lẽ vì cái sân bay nhỏ ở *Cochin* này không phải khung cảnh tâm linh tốt đẹp nhất để có thể cảm nhận sự rung động này.



Thuparamaya - Ngọn tháp đầu tiên ở Tích Lan

5. Trở về căn nhà nổi của tôi

Visa chỉ có giá trị trong sáu tháng, đến tháng 5 năm 1973, đã đến lúc phải rời Ấn Độ, xin visa mới và trở lại. Tôi quyết định quay trở về Hòa Lan bằng xe buýt và xe lửa. Lại thêm một cuộc phiêu lưu nữa.

Tôi đã hết tiền và nhận được một ngân phiếu *American Express* 200 đô-la Mỹ từ cha mẹ tôi.

Thật không may, khi tôi đi lấy tiền, văn phòng *American Express* ở Ấn Độ thấy có một sự khác biệt trong chữ ký và từ chối đưa tiền cho tôi. Tôi phải bán máy ảnh của mình cho gia đình Brahmin. Với số tiền này cộng với tiền còn lại, tôi khởi hành.

Tôi đã đi bằng xe lửa từ *Amritsar* qua *Pakistan*, *Afghanistan*, *Iran*, Thổ Nhĩ Kỳ đến châu Âu. Trong suốt hành trình, tôi đã cố gắng đổi ngân phiếu lấy tiền mặt, nhưng không thành công.

Khi tôi đang đứng xếp hàng tại bưu điện ở *Kabul* để nhận e-mails của cha mẹ tôi, tôi đã gặp một người phụ nữ mà tôi bắt đầu trò chuyện. Bà là một người Mỹ sống ở *Amsterdam*. Tôi thuyết phục bà cho tôi mượn 50 đô la và tôi hứa sẽ trả lại khi tôi đến *Amsterdam*. Bà tin tưởng tôi và cho tôi mượn tiền. (Tôi đã hoàn lại bà số tiền này ở *Amsterdam*.)

Về Hòa Lan tôi đã trở lại ngôi nhà nổi của tôi. Tôi nhận làm một công việc nhỏ trong một ngân hàng và bắt đầu để dành tiền cho chuyến trở lại Ấn Độ. Sự phấn khởi trở lại Ấn Độ của tôi do sự bảo đảm của một Swami, người mà tôi đã gặp khi đang xếp hàng tại một bưu điện ngay trước khi tôi rời Ấn Độ (Bưu điện dường như đã mang lại may mắn cho tôi bất cứ nơi nào

tôi đến!) *Swami Omkarananda Giri* là đệ tử trực tiếp của *Swami Yogananda* từ năm 1935. Ông viết thư cho tôi, khi tôi trở về Hòa Lan, rằng ông sẵn sàng nhận tôi làm đệ tử khi tôi trở lại. Tôi cũng có thể ở trong ashram của ông.

Tôi trở lại Ấn Độ vào tháng 9 năm 1974 với visa một tháng vì tòa Đại sứ Ấn Độ ở Hòa Lan cho biết rằng tôi có thể gia hạn ở Ấn Độ. Khi visa hết hạn, tôi được biết đó là "giấy phép quá cảnh" không thể gia hạn. Tôi phải rời Ấn Độ và xin visa từ nước khác. Tôi quyết định đi Nepal. Trên đường đi *Kathmandu* bằng xe lửa, tôi đã gặp một vị tăng Phật giáo *Sri Lanka* đi cùng chuyến. Chúng tôi đã trở thành bạn và vị tăng này thậm chí còn chia sẻ *chapati* (một loại bánh mì mỏng ở các quốc gia theo truyền thống Ấn Độ) và bữa ăn thịnh soạn của mình với tôi. Ngài khuyên tôi nên đến *Sri Lanka* vào lần tới khi tôi phải xin gia hạn visa. Khi tôi trình bày rằng tôi tâm niệm đến với Phật giáo, ông đã cho tôi địa chỉ của *Vajiraramaya*, Trung tâm *Kassuboda Vipassana* và hai ngôi đền khác - một ở *Pitipana* và một ở *Ethul Kotte*.

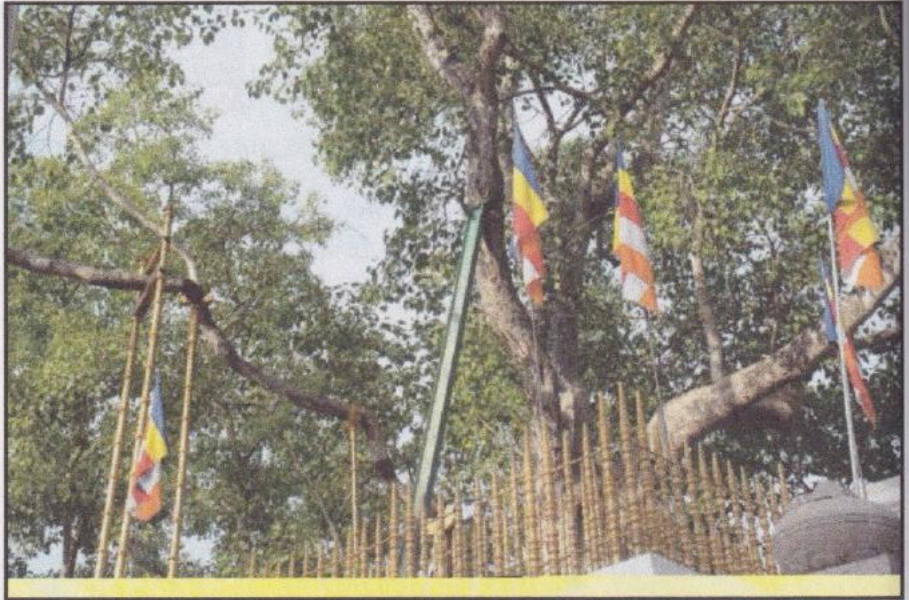
6. Đến Sri Lanka bằng tàu thủy

Theo lời khuyên của vị tăng *Sinhalese* (Tích Lan), tôi đã lên xe lửa đi Nepal, và quyết định sẽ đến *Sri Lanka*, điều mà tôi đã làm vào ngày 1 tháng 5 năm 1975. Tôi đi tàu thủy từ *Rameshwaram* đến *Talaimannar* và từ đó đến *Anuradhapura* bằng xe lửa.

Anuradhapura là một di sản thế giới, thủ đô đầu tiên của *Sri Lanka*, có từ thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên. Trung tâm của nền văn minh sớm nhất, vị trí đầu tiên của các thành phố cổ trên hòn đảo này, với di tích quan trọng của Phật giáo, Phật giáo đã được du nhập vào đây vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

Nơi đây có cây Bồ Đề *Sri Maha Bodhi*, được xác nhận là lâu đời nhất thế giới. Nó được chiết từ cây Bồ Đề nơi Đức Phật đạt được Phật quả tại *Bodh Gaya*. *Anuradhapura*, địa danh Phật giáo phổ biến nhất với khách hành hương thường xuyên viếng thăm *Atamasthana* – được cho là một trong tám thánh địa từng lưu dấu sự hiện hữu của Đức Phật.

Đã viếng một vài trung tâm tu tập, tôi quyết định ở lại nhà nghỉ *Dutugemunu* dành cho khách hành hương trong một tu viện Phật giáo. Khi đến đó, tôi gặp một người bán các hộp thức ăn trưa tên *Buddhaadasa*, anh đề nghị tôi nên đến ở lại nhà anh. Tôi quyết định ở lại với gia đình người *Sinhalese* (dân tộc Tích Lan) này một tuần. Người phụ trách Viện bảo tàng Dân Gian *Anuradhapura* (một người mang họ *Gunasekera*) cũng có mặt tại đó và tôi đã biết nhiều về thời kỳ đầu của nơi này qua lời kể của anh. Khi tôi nói với anh ấy rằng tôi sẽ đi đến Colombo và muốn ở lại trong một ngôi chùa, anh liền cho tôi địa chỉ của một ngôi



Cây Bồ Đề Sri Maha Bodhi - Anuradhapura

chùa, cách Colombo vài cây số. Anh đưa cho tôi một lá thư giới thiệu tôi với mẹ anh, bà là hội viên của *Kantha Samitiya*, hội phụ nữ trong chùa. Nhà bà ở đối diện chùa.

Tôi lấy xe lửa đi Colombo, thủ đô thương mại và xuống ga Fort, tôi nhìn xung quanh để xem làm thế nào tôi có thể đến chùa ở ngoại ô thị trấn *Nugegodac*. Tôi đã chọn hỏi thăm đường từ một người đàn ông trẻ có vẻ trí thức và nói với anh ta rằng tôi muốn đi đến "chùa ...". Mặc dù tôi phát âm sai tên chùa, anh nói anh biết chỗ. Anh đưa tôi lên xe buýt lộ trình số 114 và không gặp vấn đề gì, tôi đến nhà bà *Clara Gunasekera*, mẹ của người phụ trách Viện bảo tàng. Bà sống trong ngõ *Dhammaduta*. Bà đưa tôi đến ngôi chùa gần nhà bà.

Vị Trụ trì đề nghị cho tôi một phòng và nói rằng tôi có thể ở lại nếu muốn. Khi tôi nói với ngài tôi rất thích đến trung tâm thiền *Kanduboda*, ngài nói tôi có thể làm điều đó bất cứ lúc nào và luôn có thể trở lại cư trú ở chùa chừng nào ngài còn thở!

Vào buổi tối, một chàng trai trẻ đến chùa để thỉnh các thầy tụng kinh chant "pirith" (như kinh cầu an) để ban phước cho người cha đang nằm bệnh viện. Anh ấy nhìn thấy tôi và hỏi tôi có nhớ anh không? Tôi suy nghĩ một lúc và khi anh ấy nói "Tôi là người đưa ông lên xe buýt" thì tôi nhớ ngay. Thật là một sự trùng hợp, tôi nghĩ! Chàng trai trẻ tình cờ gặp lại nay là *Hema Kumara Nanayakkara*, anh của một nhà lãnh đạo phái tả nổi tiếng *Vasudeva Nanayakkara*. *Hema Kumara* cũng tham gia chính trị, được bầu làm Dân Biểu Quốc hội (2001), từng giữ chức Bộ trưởng thuộc đảng UNP và sau đó thành lập đảng phái của riêng mình. Ông hiện là (2015) Thống đốc tỉnh miền Nam.



Tôi ở lại tại *Sri Vidy Vijayaramaya*, nơi có Hòa Thượng viện chủ *Davuldena Gnanissara Nayaka Thera*, một nhà sư uyên bác, biết ít nhất bảy ngôn ngữ. Cho đến ngày nay, tôi vẫn sống trong ngôi chùa này, nơi cư ngụ và cũng là ngôi chùa sau cùng của Hòa Thượng. Ngài vừa viên tịch vào ngày 3 tháng 4 năm 2017, thọ hơn 101 tuổi. Ngài là người đứng đầu giáo phái *Uttaritara Mahanayaka* - Tổ sư tối cao của *Samastha Lanka Amarapura Maha*

Sangha Sabha – Cố vấn tối cao của Giáo phái *Sri Lanka Amarapura Nikaya*, bao gồm 23 môn phái.

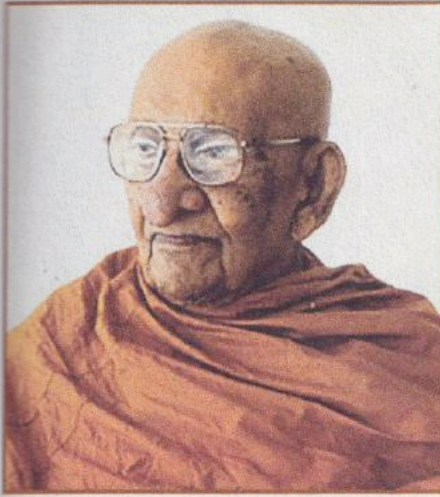
Các vị sư *Theravada* (Phật Giáo Nguyên Thủy) ở Sri Lanka thuộc về ba phái chánh *Nikayas*: *Siyam*, *Amarapura* và *Ramanna*. Ngài là người kế vị của vị thầy được kính trọng nhất, ngài *Madihe Pannasiha Mahanayakla Thera*.

Vì thích tu thiền, tôi đến tập tu tại trung tâm thiền *Kanduboda* trong ba tuần. Tôi may mắn gặp được Hòa thượng *Katukelle Seevali*, vị tăng sĩ *Sinhalese* nói tiếng Anh duy nhất thời điểm đó. Trung tâm thiền *Vipassana* nổi tiếng này được thành lập vào năm 1956 – nhân dịp lễ *Sambuddha Jayanthi*, kỷ niệm 2.500 năm Đức Phật nhập Niết Bàn (*Parinibbana*). Cách thủ đô Colombo khoảng 30km, khá thuận tiện để đi lại từ nơi tôi trú ngụ. Thầy trụ trì trung tâm thiền là ngài *Kahatapitiye Sumathipala Nayaka Thera*.

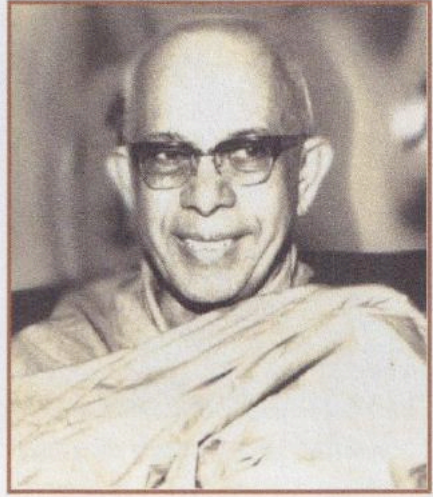
Tôi khâm phục bầu không khí thanh thản ở trung tâm thiền và có được cảm hứng hành thiền không bị xáo trộn. Thật thú vị khi nhận thấy rằng *Seevali Thera* có thể đọc được nội tâm của tôi từ xa.

Sau ba tuần thiền, tôi trở về lại chùa một thời gian, tiếp đó tôi thực tập lần thứ hai trong ba tuần, thiền định tập trung trong sự im lặng hoàn toàn. Đó là một thực nghiệm rất tốt cho tôi. Cuối cùng, tôi có ít nhiều quyết định con đường tu nào tôi nên chọn. Sau đó tôi tìm thấy cách tu của Ấn Độ giáo thông qua yoga hoặc thiền, một ngày nào đó, sẽ đưa mình về cõi Trời. Thiền *Vipassana* khác với thiền Ấn Độ giáo ở điểm, mọi khổ đau có thể được khắc phục ngay bây giờ và ở đây. Lúc đó, tôi bắt đầu gặp gỡ các vị cao tăng uyên bác cư ngụ trong và xung quanh thành phố Colombo.

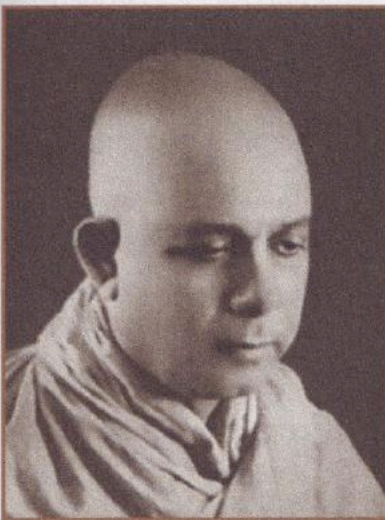
Tôi đã gặp *Most Ven. Balangoda Ananda Maitreya Mahanayake Thera* tại ngôi chùa ngài trụ, ở *Pannipitiya*; các nhà truyền giáo nổi tiếng thế giới như Hòa thượng *Narada* và Hòa thượng *Piyadassi Maha Thera* tại chùa *Vajiraramaya* ở *Bambalapitiya*; Hòa thượng *Madihe Pannyaseeha Mahanayaka Thera* và Hòa thượng *Ampitiye Rahula Maha Thera* tại Trung tâm đào tạo Khất Sĩ Tỳ Kheo tại *Maharagama*. Thỉnh thoảng tôi đi cùng với đạo sư của tôi, Hòa thượng *Davuldena Gnanissara*, ngài đang giảng dạy chư tăng tại Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo này.



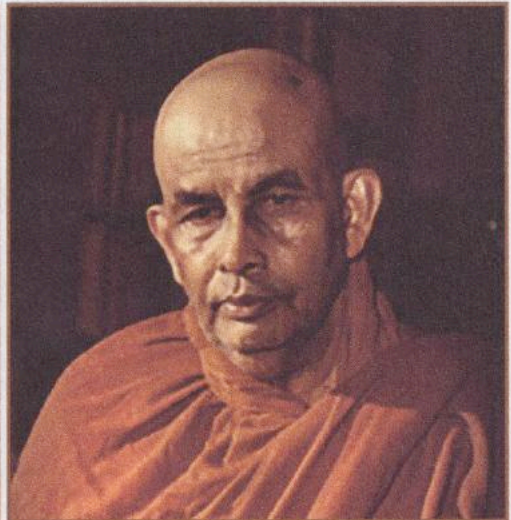
**Ven. Balangoda Ananda
Maitriya Mahanayaka Thera**



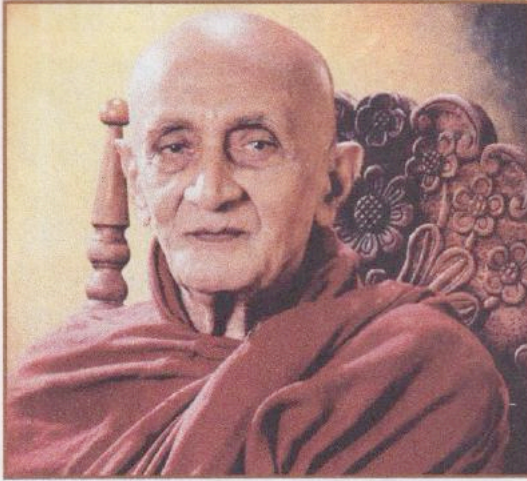
Venerable Narada Thera



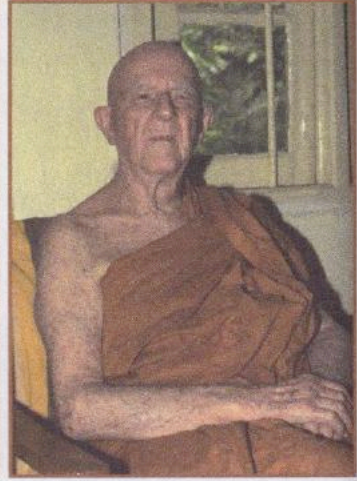
Venerable Piyadassi Maha Thera



**Venerable Madihe Pannyaseeha
Mahanayaka Thera**



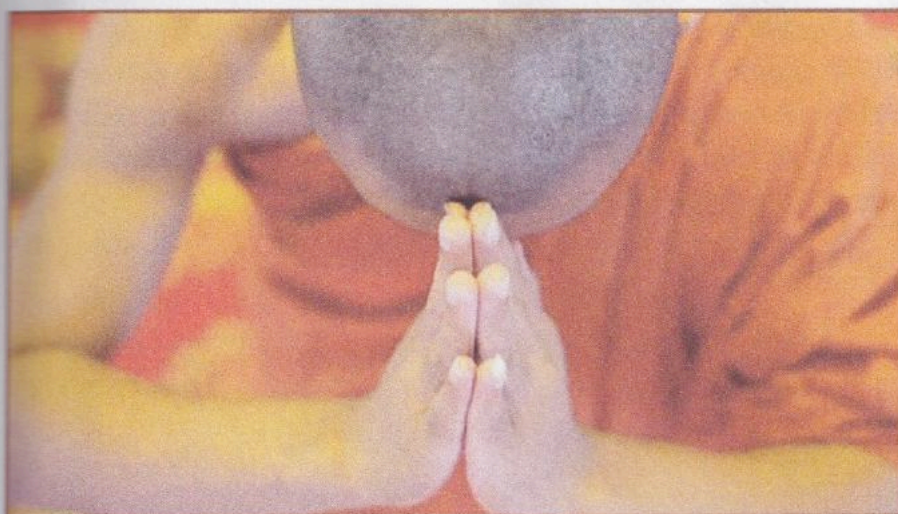
Venerable Ampitiye Rahula MahaThera



Venerable Nyanaponika Thera

Tại Kandy, tôi đã gặp Hòa thượng *Nyanaponika*, người *Sri Lanka* sinh ra ở Đức, trở thành một tỳ-kheo *Theravada*, nhà sư học giả, người sáng lập ra Ấn Phẩm Phật Giáo Xã Hội (Buddhist Publication Society), tổ chức quốc tế xuất bản sách Phật giáo rất có uy tín.

Lúc bấy giờ tôi đã cắt tóc ngắn và thường mặc áo tràng màu trắng.



7. Trong tấm y Cà Sa

Tôi có visa du lịch sáu tháng ở *Sri Lanka*. Qua tháng thứ năm, tôi nhận ra mình đã có quyết định giữa hai điều, quay trở lại Ấn Độ tu Yoga, hoặc xuất gia và tiếp tục ở lại *Sri Lanka*. Khi tôi trình bày với Đạo sư của tôi, ngài *Davuldena Nayaka Thera*, về ý định xuất gia của tôi, ngài nói với tôi rằng tôi nên có được sự cho phép của cha mẹ. Ở đây, một thanh niên 27 tuổi như tôi phải xin phép cha mẹ để xuất gia. "*Đó là truyền thống Phật giáo,*" ngài *Nayaka Thera* nói với tôi.

Gia đình tôi tôn trọng tự do cá nhân, với cái nhìn nhân bản đối với cuộc sống, tôi tin rằng cha mẹ tôi sẽ chấp thuận. Trong thời đại không có e-mail hoặc điện thoại di động (chùa cũng không có điện thoại). Tôi đã viết cho cha mẹ tôi một lá thư. Ngay lập tức tôi nhận được một câu trả lời rằng, cha mẹ tôi không phản đối nếu đó là quyết định của chính tôi và không do một sự ép buộc nào bắt tôi trở thành một vị tăng Phật Giáo.

Lễ xuất gia của tôi được ấn định vào ngày 21 tháng 9 năm 1975 tại ngôi chùa tôi đang trú ngụ. Vài ngày trước đó, một vài tín đồ *Jehovah* đến gặp tôi với Kinh Thánh trong tay và hỏi tại sao tôi đổi sang Phật giáo. Họ bắt đầu nói với tôi về Chúa và sau khi lắng nghe họ một lúc, tôi nói với họ rằng tôi không biết Chúa là ai; tôi nói nếu ngày nào tôi phát hiện ra Chúa, tôi sẽ trở về với Chúa.

Lễ xuất gia của tôi, ngoài các phong tục truyền thống phải tuân theo, Tiến sĩ *W. S. Karunaratne*, Giáo sư Triết học Phật giáo đã được mời đến nói chuyện tại buổi lễ. Hai ngày trước lễ xuất gia, Tiến sĩ *Karunaratne* nói với tôi rằng có một nữ giáo sư về Phật học và Pali người Hòa Lan đang ở *Sri Lanka*, muốn đến dự lễ xuất gia và liệu tôi có phản đối gì không. Tôi rất phấn khởi, khi có người đến từ Hòa Lan hiện diện tại một sự kiện quan trọng trong cuộc đời tôi. Bà *Ria Kloppenborg* đã đọc trên các tờ báo về lễ xuất gia. Bà muốn đến dự, hy vọng buổi lễ sẽ cho bà một kinh nghiệm mới.

Một vị tăng cao cấp trong Giáo phái chủ trì buổi lễ cho người mới xuất gia, người mới xuất gia được gọi là "*Samanera*". Tôi thọ nhận lễ xuất gia từ Hòa thượng *Kotugoda Dhammawasa Mahanayaka Thera* của giáo phái *Amarapura Nikaya*. Tôi lặp lại từng giới luật một, do Hòa Thượng truyền, Mười Giới Luật mà một "*samanera*" phải tuân theo. Hòa Thượng thực hiện một cử chỉ tượng trưng cho việc buộc "*sil patiya*" quanh cổ của tu sĩ được xuất gia. *Davuldena Nayaka Thera* được tuyên bố là "*upadyaya*" - giáo viên / người cố vấn của tôi.

Vị khách mời diễn giả trong lễ xuất gia là một học giả rất đáng mến, Tiến sĩ *W. S. Karunaratne* từng là một học sinh xuất sắc ở trung học lẫn đại học. Sau khi tốt nghiệp, ông được bổ nhiệm làm giảng viên tại Đại học Ceylon (Tích Lan), *Peradeniya*. Ông lấy bằng tiến sĩ tại Đại học London với luận án về "*Lý thuyết nhân quả trong Phật giáo Nguyên Thủy*", ở độ tuổi tương đối trẻ,

hai mươi tám. Ông được chọn làm Khoa trưởng khoa Triết học Phật giáo mới thành lập tại đại học Peradeniya. Ông gián đoạn một thời gian khi được bổ nhiệm làm Đại sứ Sri Lanka tại Hoa Kỳ và trở lại trường đại học sau đó.

Cha mẹ tôi không thể tham gia lễ xuất gia của tôi, ông bà chỉ đến Sri Lanka vào tháng 12 năm 1975. Ông bà đã tận hưởng chuyến thăm viếng đất nước Sri Lanka.

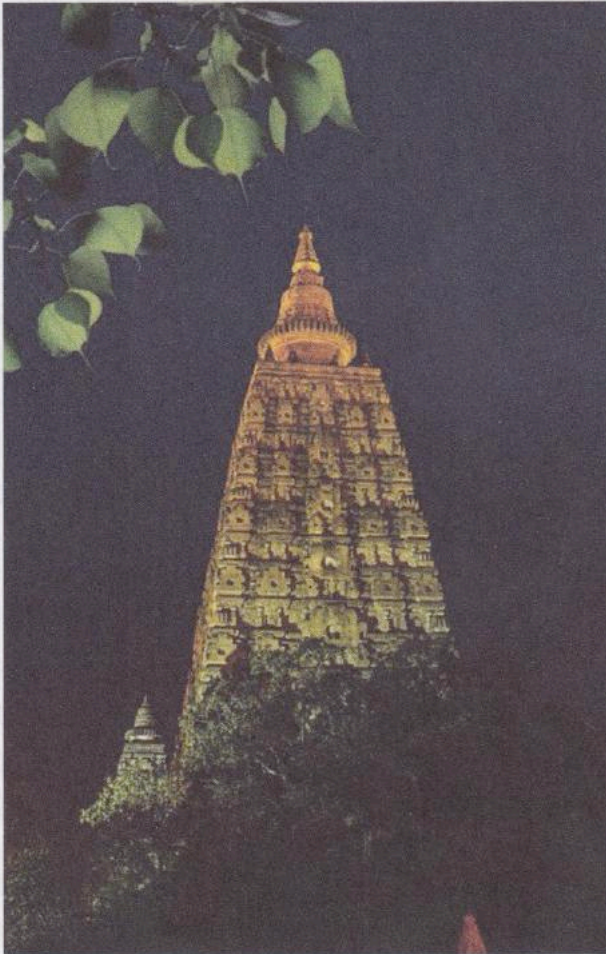
Tôi rất muốn được tiếp tục thực hành thiền định và cũng không biết việc giới luật quy định một Sa Di mới xuất gia phải đặt mình dưới sự dạy dỗ của vị thầy chỉ đạo trong năm năm sau khi xuất gia, cho nên tôi đã rời chùa và sống ba tháng tại Trung tâm thiền định Kanduboda. Tôi cũng bắt đầu tìm kiếm một nơi chốn trong một bầu không khí mát mẻ phù hợp với tôi hơn. Tôi cũng rất muốn đến một nơi mà tôi có thể thiền định một cách yên bình.

Tôi quyết định đi hành hương ở các nước Phật giáo láng giềng trước khi thọ giới Tỳ Kheo - "*Upasampada*", từ một sa di trở thành một Tỳ kheo chính thức. Lúc này, tôi đã nhận được visa mới với tư cách một "*công nhân Phật giáo*", có giá trị cho một năm.

HÀNH HƯƠNG

Cuối năm 1976, tôi lên đường hành hương đến Ấn Độ, Nepal, Miến Điện (Myanmar) và Thái Lan - tất cả các nước nơi mà Phật giáo Nguyên thủy rất phổ biến. Nhưng chuyến khởi hành này không thực sự tốt lành, khi chiếc máy bay Tri Star của chúng tôi bị trục trặc động cơ ngay lúc vừa cất cánh. Một động cơ bị cháy và chúng tôi nhận thấy mũi máy bay đâm xuống biển. Phi công đã điều khiển máy bay quay trở lại sân bay *Katunayake*. Chúng tôi lại cất cánh sau hai giờ chậm trễ.

Điểm dừng chân đầu tiên của tôi là Ấn Độ. Tôi đến *Bodh Gaya* (Bồ Đề Đạo Tràng), nơi Thái Tử *Siddhartha* đạt được giác ngộ. *Bodh Gaya* được điều hành và quản trị bởi Viện Khảo Cổ Ấn Độ sau khi *Agarika Dharmapala* (1864-1933), nhà lãnh đạo việc phục hồi Phật giáo đã giành lại *Bodh Gaya* từ sự kiểm soát của người Hindu. Một người Tích Lan can đảm, ái quốc, đã chiến đấu hết mình để giành lại các thánh địa Phật giáo ở Ấn Độ và thành lập Hiệp Hội Mahabodhi, quản lý các hoạt động Phật giáo tại Ấn Độ cho đến ngày nay



Bồ Đề Đạo Tràng

Tôi quyết định đi đến Ranchi để gặp gia đình Brahmin (Bà La Môn) mà tôi đã ở nhờ khi lần đầu tiên đến Ấn Độ. Chuyến hành trình trong chiếc xe hiệu *Hindustan Ambassador* do Ấn Độ chế tạo mất nhiều thời gian hơn so với thời giờ mà tài xế thông báo trước cho đoạn đường dài khoảng 275 km. Con đường đầy ổ gà và xe di chuyển rất chậm. Tôi cũng trình bày với gia đình Brahmin này là tôi rất biết ơn về lời khuyên của họ rằng tôi nên theo Phật giáo.

Tôi cũng đã gặp *Swami Omkarananda*, người muốn tôi tiếp tục làm *Yogi Hindu*. Đương nhiên anh rất thất vọng vì tôi đã chọn một con đường khác.

ĐẾN MIẾN ĐIỆN QUA NGÃ NEPAL

Khi tôi đến một ngôi chùa ở Kathmandu và nói với vị trụ trì rằng tôi đến từ Hòa Lan, ngài nói với tôi rằng ngài đang đợi gặp một nữ giáo sư đến từ Hoà Lan, người đang thực hiện một nghiên cứu về Phật giáo Nguyên thủy ở Nepal. Ngay lập tức tôi biết người mà vị trụ trì đang đề cập đến: Giáo sư *Ria Kloppenborg*, người đã tham dự lễ xuất gia của tôi. Tôi tự nghĩ "thật là một sự trùng hợp"!

Chuyến thăm Miến Điện của tôi là một sự kiện đáng ghi nhớ, vì tôi muốn ở lại lâu hơn, nhưng chính quyền Miến Điện chỉ cấp visa bảy ngày. Tôi đã gặp một tăng sĩ Trung Hoa lúc trên máy bay, ông không thông thạo tiếng Anh và nhờ tôi giúp đỡ điền mẫu đơn nhập cảnh. Ông mời tôi ở lại chùa ông trụ trì tại *Rangoon* (Yangon) và tôi nhận lời. Một cơ hội để tôi quan sát phong cách sống của họ. Một điều tôi nhận thấy là sự khác biệt giữa các bức tranh tường trên các bức tường của chùa Sri Lanka và các ngôi chùa Trung Hoa. Ở Sri Lanka tranh của tất cả A La Hán đều có cùng một khuôn mẫu; ở những ngôi chùa Trung Hoa khác hẳn, các vị A La Hán chia thành hai phần, mỗi

phần miêu tả chín vị, với nét mặt khác nhau từ hiền dịu đến khắc khổ.

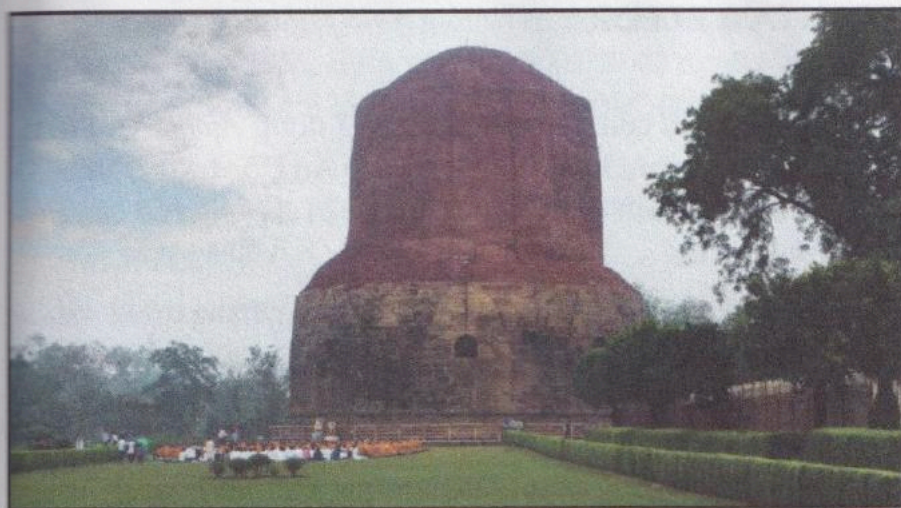
Tôi có thư giới thiệu của một Phật tử thuần thành người Sri Lanka, *Ayoma Wickremasinghe*, người đã giúp đỡ xây dựng một ngôi chùa ở *Shwebu* gần *Mandalay*, nơi một cao tăng nổi tiếng là *Webu Sayadaw* (Maha Thera) đã cư trú. Vị cao tăng này được cho là A La Hán tái sinh, tiếp đón nồng hậu và sẵn sàng tiếp chuyện với tôi. Tôi nhận thấy nơi ngài một biểu tượng của lòng từ ái, một yếu tố quan trọng trong Phật giáo. Tôi cũng đã gặp một cao tăng khác, *Mahasi Sayadaw*, người cũng được cho là một vị A La Hán tái sinh. Ngài tiếp tôi một cách lạnh nhạt. Khi tôi thỉnh cầu ngài giảng rõ cho tôi một vài vấn đề liên quan đến Giáo pháp, ngài chỉ cho tôi một giá sách và nói với một đệ tử giới thiệu cho tôi các cuốn sách cần thiết cho câu trả lời. Tình cờ, vào ngày *Webu Sayadaw* nhập diệt, ở *Sri Lanka* bị mất điện hoàn toàn, một số người cho rằng đó là vì ngài qua đời. Họ có rất nhiều niềm tin và kính trọng ngài.

Ở các quốc gia tôi đến viếng thăm, tôi quan sát được nhiều phong tục và truyền thống khác nhau. Đó là một kinh nghiệm học tập quý báu.

TRỞ LẠI ẤN ĐỘ

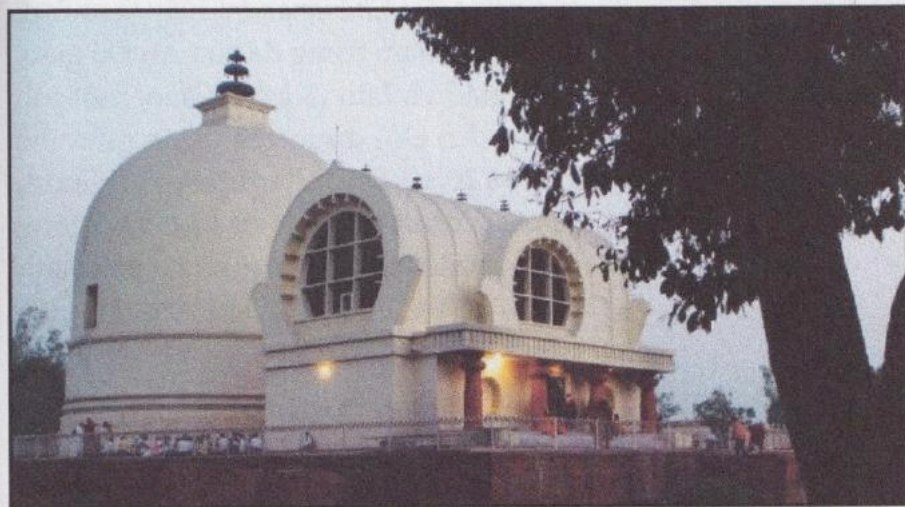
Tôi đi thăm viếng khắp nơi ở Ấn Độ, nghiên cứu các sự thay đổi mà Phật giáo đã trải qua trong nhiều thế kỷ.

Tôi có cảm giác đặc biệt về sự trang nghiêm tại *Sarnath* (Lộc Uyển), nơi Đức Phật chuyển Pháp Luân lần đầu tiên cho năm anh em ông *Kiêu Trần Như* sau khi ngài giác ngộ và *Shravasti* (thành *Xá Vệ*), nơi mà Đức Phật thường xuyên đến tu tập và giảng pháp.



Lộc Uyển

Tại Kushinagar (Câu Thi Na), nơi Đức Phật nhập niết bàn, một bầu không khí trang nghiêm và yên bình làm cho người ta cảm thấy buồn về việc "nhập diệt" của một người. Người ta có thể hình dung ra các đại đệ tử của Đức Phật đã cảm nhận như thế nào ngay lúc ngài nhập diệt.



Câu Thi Na

AJANTA & ELLORA

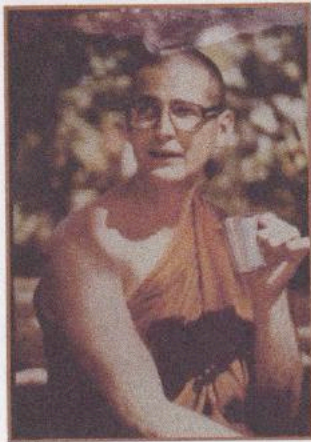
Chuyến thăm của tôi bao gồm hang động *Ajanta* và *Ellora*, những điểm thu hút khách du lịch lớn ở Ấn Độ, được UNESCO công nhận là di tích thế giới, nằm ở quận *Aurangabad* của tiểu bang *Mahrashtra*.

Khoảng 30 di tích Phật giáo bằng đá trong hang động *Ajanta* có từ thế kỷ 2 trước Công nguyên, bao gồm tranh và điêu khắc được viện Khảo Cổ Ấn Độ mô tả là «những phiên bản tốt nhất còn sót lại của nghệ thuật Ấn Độ», đặc biệt nhất là những bức tranh



kiệt tác trong nghệ thuật Phật giáo với hình ảnh Đức Phật được miêu tả trong kinh *Jataka* (kinh kể về tiền kiếp của Đức Phật).

Ellora, biểu tượng mẫu mực của kiến trúc điêu khắc trên đá của Ấn Độ. 34 “hang động” thực ra là các cấu trúc được thực hiện trên bề mặt thẳng đứng của ngọn đồi *Chananandri*. Đây là những ngôi đền chạm trong đá của Ấn Độ giáo, Phật giáo và Jain (Kỳ Na Giáo, một tôn giáo ở Ấn Độ) được xây dựng giữa thế kỷ 5 và 10, có 17 công trình thuộc Hindu, 12 công trình thuộc Phật giáo và 5 công trình thuộc Jain đã được xây dựng cạnh nhau, để thể hiện sự hòa đồng tôn giáo trong thời đại đó.



Tôi đã đến thăm *Deekshabhoomi* ở *Nagpur*, nơi đã trở thành trung tâm Phật giáo cận đại ở Ấn Độ sau khi Tiến sĩ *B. R. Ambedkar* (Luật Sư và chính trị gia Ấn

Độ) xin quy y, thọ nhận Năm giới và trở thành Phật tử vào ngày 14 tháng 10 năm 1956, cùng với hơn 500.000 đệ tử của ông theo Ấn Độ Giáo, được gọi là nhóm "untouchable" (không thể động tới).

Ở đó, tôi đã gặp Tiến sĩ *Ananda Kaushalyayana*, người kế vị tuyệt vời của *Baba Sahib B.R. Ambedkar*.

Tôi đã trở lại *Sri Lanka* cho buổi lễ *Upasampada* (lễ thọ giới Cụ Túc) của tôi vào ngày 13 tháng 8 1977.

8. Thọ giới Cụ Túc

Sau khi khoác y cà sa và học giáo pháp theo giới luật của mình, một sa di sẽ phải trình diện trước một hội đồng chư tăng cao cấp để thọ giới cao hơn, giới Cụ Túc (Upasampada). Trước tiên, vị sa di đến thăm từng vị cao tăng để thông báo ý định thọ giới Cụ Túc. Mặc dù vị sa di đã mặc y cà sa được vài năm, tuy nhiên trước khi được truyền giới Cụ Túc, theo truyền thống, vị sa di phải mặc lại y phục của một cư sĩ, và chỉ đắp lại y cà sa ngay trước buổi lễ. Kế đó, vị sa di này phải thọ mười giới.

Trước hội đồng cao tăng, vị sa di này phải trả lời một số câu hỏi căn bản theo giáo pháp và được khuyên không nên cảm thấy ngại ngùng mà hãy trả lời một cách trung thực với tất cả sự thật. Một số trong những câu hỏi được đặt ra là vị sa di này đủ hai mươi tuổi chưa, có thiếu nợ hoặc còn vướng bận các dịch vụ với chánh quyền không, có được sự cho phép của cha mẹ không, và có bị các bệnh nghiêm trọng không. Có sở hữu một bình bát và các y cà sa không. Vị này cũng phải trải qua cuộc sát hạch về kiến thức giáo pháp.

Sau khi hội đồng cao tăng chấp thuận rằng vị sa di đủ điều kiện thọ giới Cụ Túc, hội đồng tuyên bố lễ thọ giới sẽ được chuẩn bị tiến hành, đồng thời khuyên sa di thọ giới về những gì phải thực hành sau khi thọ giới.

Vài lời trên đây mô tả sơ lược về việc thọ giới Cụ Túc "Upasampada".

Đạo sư của tôi, ngài *Davuldena Gnanissara Mahanayaka Thera*, người đứng đầu của *Udarata Amarapura Samagri Sangha Nikaya*,

một trong 21 chi phái của *Sri Lanka Amarapura Nikaya*. Vì vậy lễ thọ giới Cụ Túc "*Upasamapada*" của tôi phải được tổ chức tại trụ sở của *Nikaya* tại chùa *Sapugolla* ở *Uva Paranagama* thuộc quận *Badulla*.

Cha mẹ tôi có mặt tại buổi lễ và cảm thấy toàn bộ nghi lễ khá thú vị và có chút khôi hài. Cha tôi đã quay toàn cảnh buổi lễ bằng máy quay phim 8mm. Một kinh nghiệm hoàn toàn mới đối với cha mẹ tôi - và ngay cả đối với tôi.

"*Upasamapada Pinkama*" (lễ rước thọ giới Cụ Túc) là một buổi lễ kỳ lạ và luôn có rất nhiều sự kích thích trong tâm trí và đòi hỏi nhiều sự chuẩn bị.

Vị sa di thọ giới được đưa vào một "*perahera*" - một đám rước với trống và vũ công biểu diễn vũ điệu truyền thống, người dân trong khu vực tập trung dọc theo hai bên đường để xem lễ.



Tôi phải mặc y phục của một cư sĩ, một chiếc váy hoàn toàn xa lạ đối với tôi, một bộ đồ "*nilame*" màu đỏ và vàng lạ mắt - một kiểu váy được mặc bởi các thủ lĩnh *Kandyan* thời xưa hay các vị vua *Sinhalese* cai trị vùng *Kandy* ở thủ đô *Sri Lanka*. Đó là một chiếc váy khá cồng kềnh nhưng tôi không có quyền lựa chọn nào khác. Tôi nghĩ: lại một kinh nghiệm mới!

Hơn nữa, tôi phải ngồi trên lưng một chú voi đi qua 3km để đến chùa. Đoàn rước đi qua cánh đồng lúa, các đường làng và con đường

chính, kể cả vượt qua các kinh dẫn thủy nhập điền, khá gập ghềnh. Lúc này sức khỏe tôi không được tốt và bị sốt sau chuyến đi bận rộn ở châu Á.

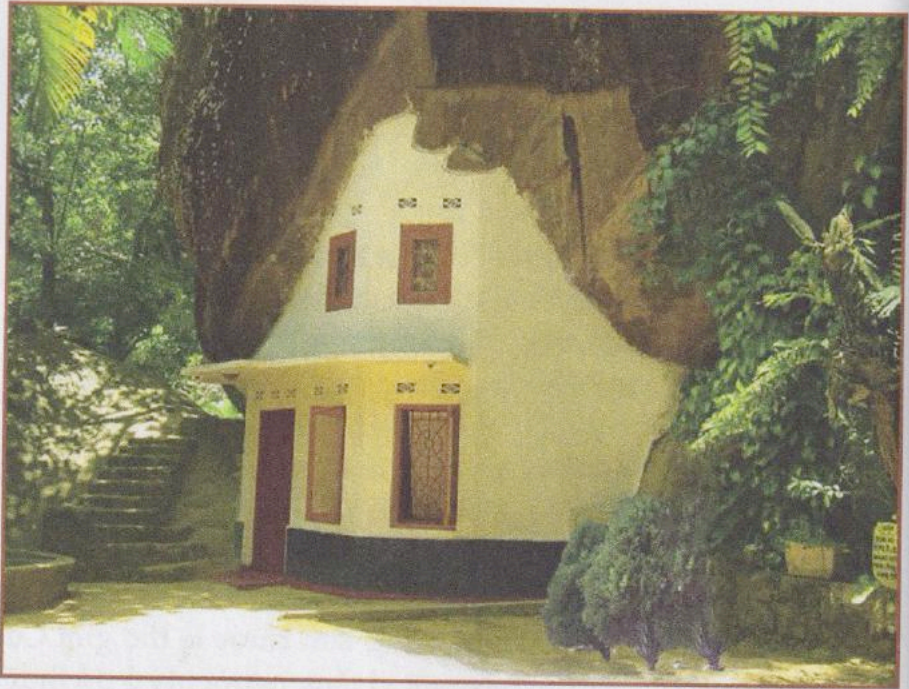
Một người bạn thân từ lúc chúng tôi lên năm tuổi cũng có mặt trong số những người dự lễ. Anh *Peter Flik*, anh làm việc ở *Pakistan* tại NOVIB, cơ quan Viện Trợ Phát Triển của Hòa Lan. Trước đó, anh đã ở *Sri Lanka* phụ trách Chương trình Phát Triển Nông Thôn (IRDP) do Hòa Lan tài trợ. Anh đã làm một nghĩa cử đẹp đến dự lễ vì tình bạn lâu đời của chúng tôi. Trên thực tế, anh ấy rất thích *Sri Lanka* và đã trở lại phụ trách chương trình Nuwara Eliya IRDP và ở đây cho đến năm 1985.

Khi buổi lễ kết thúc, chúng tôi đến Colombo và nghỉ đêm tại khách sạn Mount Lavinia. Tôi đến Colombo là để đi đến chùa vào ngày hôm sau và một lần nữa, một đám rước được chuẩn bị để đưa tôi từ thị trấn *Nugegoda* gần đó đến chùa. Tuy nhiên, lệnh giới nghiêm đã được ban hành vào ngày hôm đó vì tình hình bất ổn trong nước. Tôi phải trải qua một đêm nữa tại khách sạn và trở lại chùa mà không có chút hào nhoáng và lễ nghi. Tôi đã thoát được *tamasha* (những màn dân vũ) khác!

9. Tịnh tu

Khi tôi đang tìm kiếm một tu viện yên tĩnh hơn, nơi tôi có thể thiền định thanh thản, một vị tăng Phần Lan, người mà tôi đã gặp tại trung tâm thiền *Kanduboda*, đã kể cho tôi nghe về *Wegirikanda* ở ngoại ô quận Kandy, phố Gampola, còn được gọi là "*Rockhill Hermitage*", một vùng đồi đá. Tôi đã đến thăm và nhận thấy nơi này phù hợp với điều tôi đang tìm kiếm. Trung tâm thiền này được thành lập bởi Hòa thượng *Kassapa*, đệ tử của vị cao tăng uyên bác, đáng kính trọng, Hòa thượng *Balangoda Ananda Maitriya Mahanayaka Thera*. Trong một chuyến viếng thăm trung tâm trước lễ thọ giới Cụ Túc "*Upasampada*", tôi đã thấy một vị tăng người Mỹ ở đó thực hành tinh tâm thiền định.

Đã thích sự yên tĩnh và bình yên của trung tâm này trong chuyến thăm đầu tiên, nên sau khi thọ giới Cụ Túc "*Upasampada*" tôi trở lại trung tâm và thấy nhà sư người Mỹ đã trở lại đây. Tôi nghĩ tôi cũng có thể xin ở lại đó, nhưng Ven. *Kassapa* không có mặt tại trung tâm thiền trong lúc này để quyết định lời thỉnh nguyện của tôi. Tôi đã viết một bức thư cho ngài *Kassapa* và hy vọng sẽ gửi bức thư ở Kandy trên đường trở về Colombo. Khi tôi đang đi xuống đường chính ở Kandy, ai đó vỗ nhẹ vào sau vai tôi. Khi tôi dừng chân và xoay lại nhìn, người này (một người Đức trông giống thần Shiva) chỉ cho tôi một tăng sĩ trong một chiếc xe hơi ngừng bên lề đường và nói rằng vị tăng sĩ muốn nói chuyện với tôi. Tôi nhìn vào xe và nhận ra ngài là người mà tôi định gửi bức thư, ngài *Kassapa*. Thật kỳ diệu! thật bất ngờ tôi gặp ngài nơi đây!



Thiền thất Rockhill

Tôi không gặp vấn đề gì khi ở *Rockhill Hermitage* và dọn đến đó vào tháng 6 năm 1979.

Đây lại một kinh nghiệm mới cho tôi. Chỗ ở của tôi là một túp lều nhỏ với mái tranh. Gần đó, một hang đá được dùng làm văn phòng/nhà kho, bên trong không có ánh sáng. Đó là một cái hang cũ được phát hiện từ thế kỷ 14 - thời đại mà Gampola còn là thủ đô nơi các vị vua ngự trị. Trước cửa hang động có một máng xối - một "*kattarama*" hứng nước mưa rơi từ trên đỉnh để nước mưa khỏi hắt vào hang - nơi đây đã từng là chỗ trú ngụ của các tăng sĩ. Đó cũng là thời kỳ mà các vị vua chúa chuyển thủ đô từ một nơi này đến nơi khác do tình trạng bất ổn trong nước. Trong thực tế, tôi nghe kể rằng gần hang động này có một lối đi ngầm bí mật để nhà vua trốn thoát trong trường hợp khẩn cấp.

Tôi bắt đầu hoàn thiện nơi chốn để tổ chức các khóa thiền định thường xuyên cho người nước ngoài. Các hang đã được

đơn sạch và một tầng khác được xây dựng để tôi ngủ. Có một số "kutis" (thiền thất) và một phòng thiền rộng rãi. Kế hoạch đã được soạn thảo để xây dựng một ni viện và chúng tôi đang sắp xếp để tiến hành việc xây cất.

Vị Dân Biểu Quốc Hội địa phận nơi có trung tâm thiền *Kanduboda*, ông *Dingiri Banda Wijetunga*, người đã giữ nhiều



chức vụ quan trọng trước khi trở thành Thủ tướng và cuối cùng là Tổng thống *Sri Lanka* sau khi Tổng thống *Ranasinghe Premadasa* bị ám sát. Khi còn là Bộ trưởng của bộ Bưu Điện và Viễn Thông, ông đã thiết lập một hộp thư tại khuôn viên chùa, điều này đã giúp các thiền giả nước ngoài gửi thư về gia đình một cách dễ dàng (thời gian mà laptop, điện thoại di động và Wi-fi chưa hiện hữu). Ông cũng đã cho đường dây điện

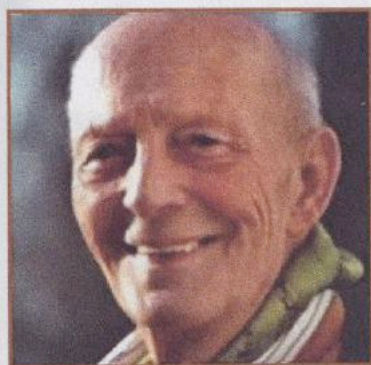
thoại đến chùa. Khi ông trở thành Bộ trưởng Bộ Xa Lộ Giao Thông ông đã xây dựng một con đường riêng dẫn đến chùa và khi ông phụ trách về Động Lực & Năng Lượng, chúng tôi có điện. Chắc chắn rằng ông tạo được nhiều công đức bằng cách giúp các phương tiện cần bản cần thiết cho trung tâm thiền định.

Mỗi tháng một lần, tôi tổ chức một khóa tu thiền mười ngày cho 15-20 người tham gia. Họ thường là những người ngoại quốc, được biết về trung tâm thiền qua lời giới thiệu của những người đã tham gia trước đó. Hầu hết trong số họ đến từ Đức. Một số tài liệu trưng bày tại *Trung tâm Giới Thiệu Phật Giáo (BPS)* tại *Kandy* cũng trình bày về trung tâm thiền ở *Rockhill Hermitage*.

The first part of the book is devoted to a general introduction to the subject of the history of the world. It begins with a chapter on the prehistoric period, and then proceeds to a chapter on the ancient world. The second part of the book is devoted to a detailed study of the Middle Ages. It begins with a chapter on the early Middle Ages, and then proceeds to a chapter on the high Middle Ages. The third part of the book is devoted to a study of the modern world. It begins with a chapter on the Renaissance, and then proceeds to a chapter on the Enlightenment. The fourth part of the book is devoted to a study of the nineteenth century. It begins with a chapter on the Industrial Revolution, and then proceeds to a chapter on the Victorian era. The fifth part of the book is devoted to a study of the twentieth century. It begins with a chapter on the First World War, and then proceeds to a chapter on the Second World War. The final part of the book is devoted to a study of the present day. It begins with a chapter on the Cold War, and then proceeds to a chapter on the present day.

10. Phát triển “Hội Đối Thoại Liên Hiệp Các Tôn Giáo”

Năm 1980, vị trụ trì tại *Rockhill Hermitage, Ven. Polpitiye Kassapa* đã tham dự một buổi họp mặt của “những người khác tín ngưỡng” được tổ chức bởi một linh mục hưu trí thuộc giáo hội *Lutheran* người Đức, ngài *Reinhard von Kirchbach*. Với tâm niệm thành lập một nhóm những người có cùng chí hướng từ những tín ngưỡng khác nhau, ngài *Reinhard* đã tìm kiếm những người có cùng chí hướng trong khi đi du lịch ở châu Âu và Nam Á. Sau đó, ngài mời những người được tuyển chọn đến dự lễ khai mạc hội “*Đối thoại liên hiệp các tôn giáo*”, một phiên họp hai tháng tại nhà của ngài ở *Altenhof* gần *Eckernfoerde*, Đức quốc.



Năm sau 1981, *Ven. Kassapa* tham dự phiên họp thứ hai của hội “*Đối thoại liên tôn giáo*” và năm 1982, nhân lễ hội lần thứ ba, tôi có cơ hội dự lễ. *Sri Lanka* được chọn cho các phiên họp vào năm 1984. *Rockhill Hermitage* là địa điểm họp. Trong những năm kế tiếp thường xuyên có mặt các nhóm thuộc Ấn giáo, Phật giáo, Cơ đốc giáo và Hồi giáo (thỉnh thoảng các nhóm Do Thái giáo cũng tham dự) tại các cuộc họp ở Đức, Pháp, Sri Lanka, Kerala, Nhật Bản, Pakistan Kashmir, Bali, v.v.

Họ sống với nhau, thiên định, tham gia vào đời sống tôn giáo tín ngưỡng của các nhóm khác; họ cùng chung tiếp chuyện,

nghiên cứu, hành lễ, làm việc, nấu ăn, đi bộ và giải trí. Trong dịp này, những người dự lễ hội "Đôi thoại liên tôn giáo", nam cũng như nữ, tự trình bày, trao đổi những nỗi đau khổ, những khuyến khích, những hành động, giải pháp. Dần dần chúng tôi nhận ra rằng sự thay đổi từ trao đổi trí tuệ cùng nhau, sang sự cầu nguyện và thiên định trong im lặng.

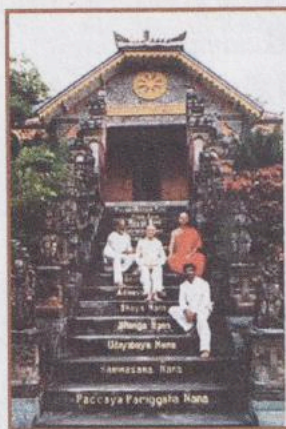
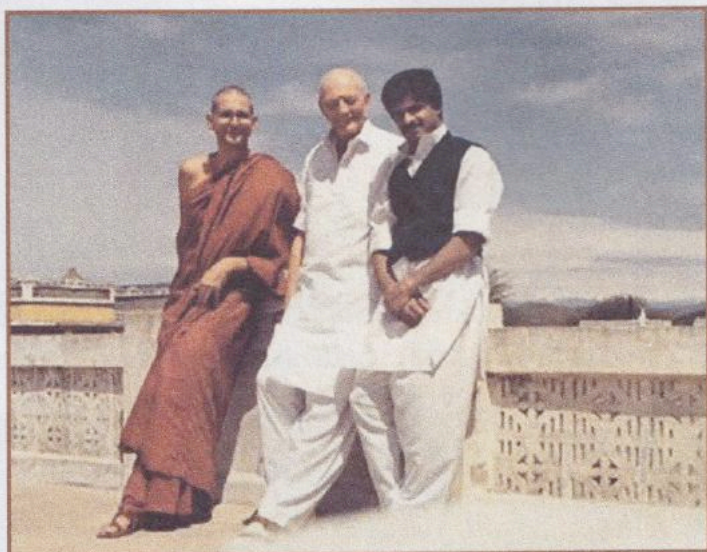


Nhóm Đôi Thoại Liên Tôn, chúng tôi chụp trước Trung tâm La Grande Pháp Quốc



Đôi thoại Liên Tôn 1987 tại Bathroi, Azad Kashmir, Pakistan
tại nhà tổ tiên của Sheikh Mahmood Rasheed (và các hình trên trang bên)

10. PHÁT TRIỂN "HỘI ĐỐI THOẠI LIÊN HIỆP CÁC TÔN GIÁO"



1992 Đối Thoại Liên Tôn tại Brahmavihara Arama, Bali, Indonesia.
Thầy Ananda có mối liên hệ chặt chẽ với vị tăng sĩ sáng lập, thầy Girirakkhite Maha Thera



1994 - Đối Thoại Liên Tôn tại lâu đài Wulfshagen gần Hamburg, Đức quốc. Chủ của Trung Tâm này, Bá Tước Friedrich von Reventlow là bạn thân của người sáng lập Hội Đối Thoại Liên Tôn, Reinhard von Kirchbach



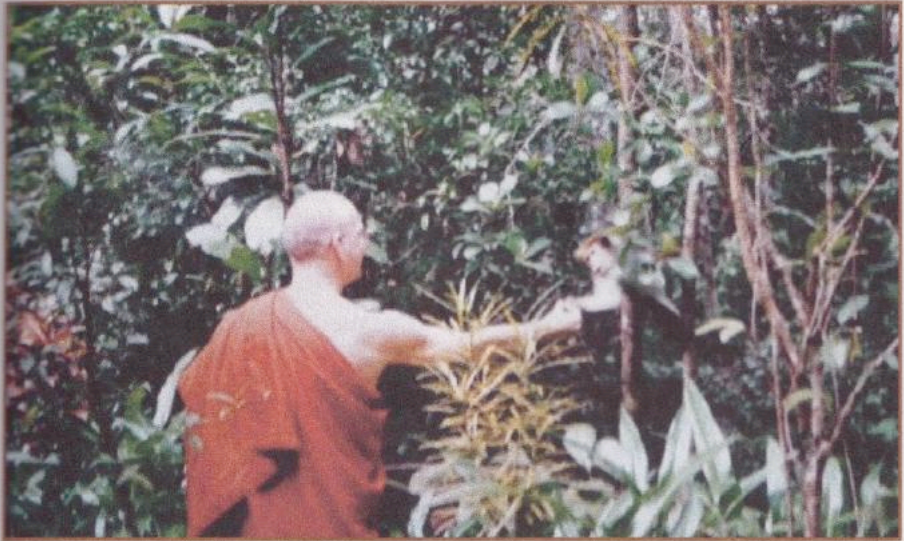
1995 Đối Thoại Liên Tôn tại Trung Tâm Phật giáo Tây Tạng ở Pisselberg, gần Hamburg, vị chủ Trung Tâm Halima Krausen có liên hệ với Trung Tâm Tây Tạng tại Hamburg.

Trong khi đó, vào năm 1984, tôi nhận được lời mời từ London cho ba tháng "an cư mùa mưa". Lời mời đến đúng lúc tôi đang dự định một chương trình rời Sri Lanka. Tôi dự định trong tâm trí của tôi, đã đến lúc rời nơi này và nghĩ rằng tôi nên gặp và nói lời tạm biệt với Hema Kumara Nanayakkara, người đầu tiên tôi gặp khi đến Colombo, người đã mở cho tôi con đường đến đây. Tôi đã gặp ông tại Unawatuna gần Galle, thủ phủ của Southern Province và qua các câu chuyện trao đổi cùng nhau, ông nói về một mật thất trong rừng tại một nơi mang tên Kottawa Nagarannya gần Yakkalamulla trên đường Galle-Udugama. Ông nói với tôi rằng vị tăng trụ trì ở đó đã lớn tuổi và sức khỏe không được tốt, đó sẽ là nơi tốt để tôi trải qua một cuộc sống bình lặng.

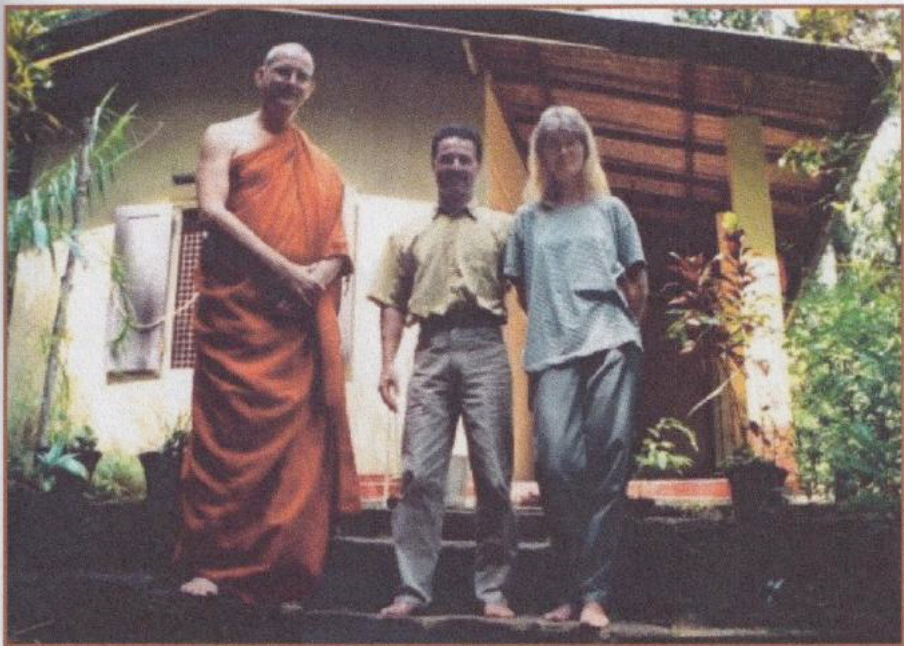
Chúng tôi đã đến xem mật thất và thấy đó là một nơi hoang sơ, nơi mà tôi khó có thể nhìn thấy một con người, nhưng lại có đây những bầy khí! Vị tăng 90 tuổi đã ở đó từ năm 1936. Tôi được ngài mời ở lại và tôi thích môi trường sống nơi này. Đó là một phần của khu rừng nhiệt đới Sinharaja, di sản thế giới được UNESCO công nhận. Xa hơn chút có một ngôi chùa làng. Tôi đã gặp Phật tử trong khu vực và sắp xếp để họ cung cấp cho

10. PHÁT TRIỂN "HỘI ĐỐI THOẠI LIÊN HIỆP CÁC TÔN GIÁO"

chúng tôi mọi thứ cần thiết. Một danh sách đã được trình bày và chúng tôi yên tâm về sự cúng dường cho suốt năm.



Rất nhiều khí quanh thiền thất



Cuộc viếng thăm của cô em họ Annemarieke và chồng cô tại Kottawa Naga Arannya

Khi ở mật thất *Kottawa* trong rừng nhiệt đới, tôi đã có những sự sợ hãi, đặc biệt những lần gặp loài bò sát. Tôi nhớ rất rõ một lần tôi gặp một con trăn khổng lồ - dài ít nhất 15 feet (5 mét) trên đường đến cái thất của tôi. Tôi lập tức thiền định "Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả" và nhìn con trăn đang di chuyển đi nơi khác, không làm hại gì tôi.

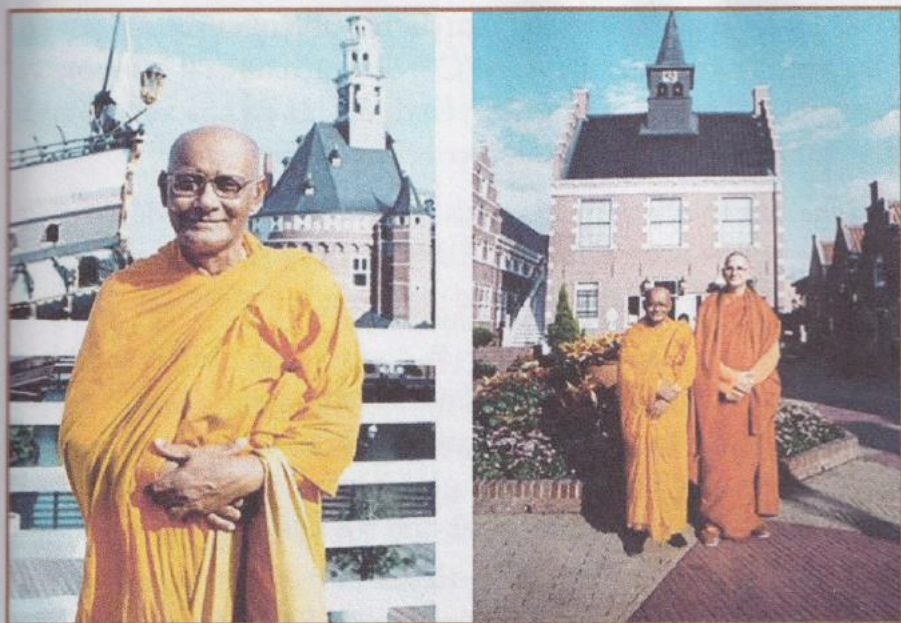
Tôi dành thời gian nghỉ ngơi để đến London như đã sắp xếp, và trải qua mùa "an cư" nơi đó. Năm sau tôi dự định đi và dành vài tháng dừng chân ở Hòa Lan. Tôi đã dần dần được nhiều người biết đến ở châu Âu và có những lời mời thường xuyên đến tổ chức các khóa tu thiền. Bởi vì những khóa thiền liên tục này, tôi sắp xếp để có được sự giúp đỡ của một vị tăng từ một tu viện ở *Waturuvila*, không xa Galle.

Tôi thường xuyên tham dự các phiên họp Đối thoại Liên tôn và danh sách địa chỉ liên lạc của tôi ngày càng tăng. Tôi đã du hành nhiều hơn là có mặt tại căn cứ của tôi ở Sri Lanka. Tôi đã thuyết giảng, do lời mời từ các ngôi chùa Sri Lanka ở Hoa Kỳ và Canada; trải qua mùa "an cư" ở Bonn, thiền định tại tịnh xá Phật giáo ở Berlin năm 1988. Đầu năm 1989, tôi đã ở Singapore trong ngôi chùa của ngài *Ven. Bellanwila Dhammaratana*. Tôi chỉ trở về Sri Lanka khi visa của tôi hết hạn.

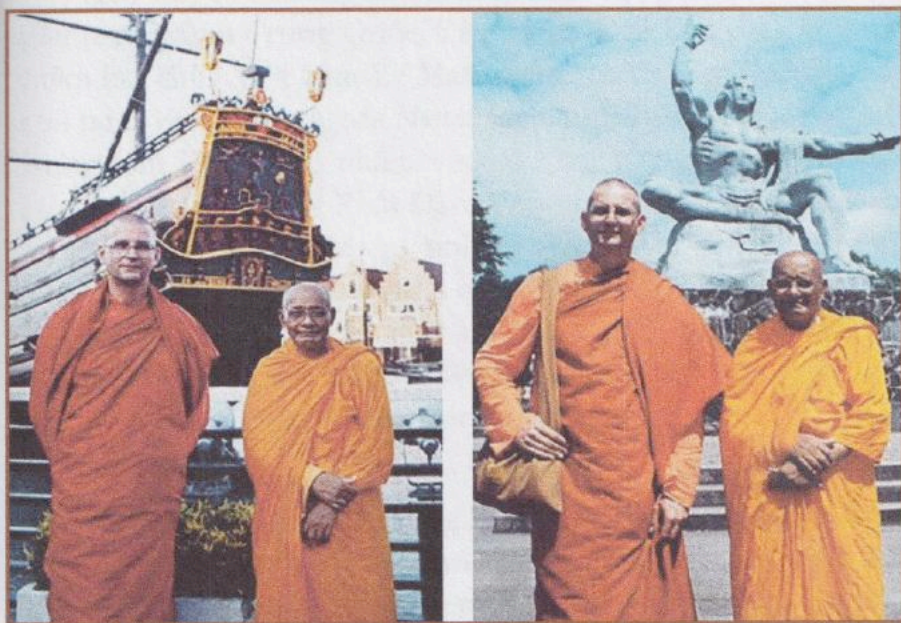
ĐẠO SƯ CỦA TÔI VIẾNG THĂM HÒA LAN

Một lần khi tôi trở về Hòa Lan, tôi có cơ hội đóng vai chủ nhà cho đạo sư của tôi ngài *Davuldena Gnanissara Nayaka Thera*. Tôi cố tình tránh cạo tóc lúc đó vì ở quê hương đất nước tôi, một cái đầu cạo tóc rất nguy hiểm, người có đầu cạo tóc được xem là một "Skinhead" (đảng đầu cạo) - một nhóm những người bạo lực, với đầu cạo tóc. Để tránh bị nhầm lẫn với họ, tôi đã để tóc dài khoảng 2,5cm. Điều này tạo một cái nhìn khác biệt to lớn!

10. PHÁT TRIỂN "HỘI ĐỐI THOẠI LIÊN HIỆP CÁC TÔN GIÁO"



Cùng thầy Ven. Davuldena Gnanissara Maha Thera
viếng thăm một thành phố đặc sắc Hòa Lan - 1978



Cùng thầy Ven. Davuldena Gnanissara Maha Thera viếng Viện Bảo Tàng Hàng Hải Amsterdam

Ngài *Nayaka Thera* từng tham dự các phiên họp của Hội nghị Hòa bình Phật giáo châu Á (ABCP) được tổ chức tại Moscow và Buriyat. Một trong những chuyến đi đó, tôi đã sắp xếp để ngài ghé qua Amsterdam và đến ở với cha mẹ tôi.

Ngài đã thường du hành khắp nơi trong công việc truyền giáo, ngài đã sống vài năm tại Đài Loan dạy Pali và nghiên cứu Phật học, đồng thời ngài tự học nhiều ngôn ngữ khác.

Những chuyến đi diễn thuyết đưa tôi đến những nơi khác nhau trên thế giới ít nhất tám lần mỗi năm. Trong khi đó, vị trụ trì ở *Kottawa* đã tự mình trông coi, điều hành mọi công việc. Đôi khi tôi thấy cách làm việc của ngài khác với tôi và để tránh mọi xung đột, tôi nghĩ rằng tốt nhất nên rời khỏi nơi này và tôi đã thực hiện vào năm 1997.

11. Khi y Cà Sa trở thành thời trang

Mặc dù có một sự quan tâm rất lớn đến Phật giáo ở phương Tây ngày nay, vào thời điểm tôi rời Hòa Lan đầu những năm 1970, mọi việc khác hẳn. Lúc đó không có một trung tâm Phật giáo nào ở Hòa Lan. Một vài người đã hợp tác và thành lập một nhóm gọi là "Hội Thân Hữu Phật giáo", họp mặt hai lần một năm - một ngày vào mùa xuân và một ngày khác vào mùa thu. Khoảng hai mươi lăm người, từ khắp miền đất nước Hòa Lan, gặp gỡ và thảo luận về Phật giáo. Họ là "Phật tử" - những học giả về Phật giáo.

Ngày nay có khoảng 250 Trung tâm Phật giáo ở Hòa Lan và gần mười chùa Trung Quốc, Tây Tạng, Thái Lan (và ngày nay thêm hai chùa Việt Nam). "*Mahanevunava*", nhóm hoàng pháp của ngài Ven. *Kiribathgoda Nanamadna*, nghiên cứu việc mở một trung tâm Phật Giáo nhằm vào số Phật tử người *Sri Lanka* ở Hòa Lan. Một buổi lễ Phật Đản (Vesak) được "*Mahamevunava*" tổ chức vào năm 2016 tại tỉnh lỵ *Nederhorst den Berg* (chùa Vạn Hạnh cũ, nay nhượng lại cho Phật Giáo Tích Lan và chùa Vạn Hạnh mới, được hoàn thành năm 2015 tại *Almere*, ngoại ô *Amsterdam*) đã tạo được nhiều chú ý của mọi người và xuất hiện trên trang chánh các tờ báo địa phương.

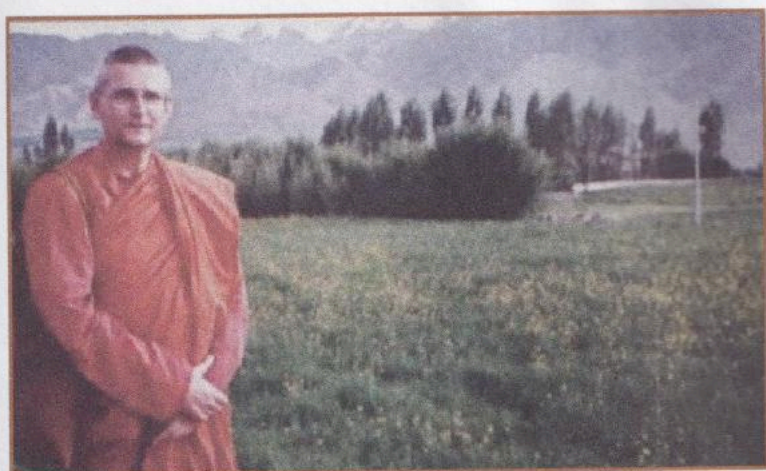
Trở lại những năm 1970, tôi nhớ lại hai việc ngộ nhận ở Paris. Khi tôi cùng một vị tăng khác ở ga xe lửa, người ta nhận lầm chúng tôi thuộc phong trào "*Hari Krishna*" (một phong trào trong Ấn Độ Giáo). Chúng tôi nói: "*Chúng tôi không phải là Hari Krishna, chúng tôi là những tăng Phật giáo như Hari Lama.*" Người

ta trả lời: "Ồ, tất cả cũng giống nhau." Một lần nữa, vào năm 1978, một phụ nữ nhìn chúng tôi trong bộ y Cà Sa, bà hỏi: "Y phục quý vị đang mặc là thời trang mới nhất phải không?"

Tôi cũng gặp một sự ngẫu nhiên khá thú vị khi trở lại Sri Lanka sau một chuyến du hành ở ngoại quốc, trong lúc xếp hàng tại trạm kiểm soát nhập cảnh tại sân bay quốc tế *Bandaranaike*. Một nhân viên trạm kiểm soát chú ý đến tôi, đã áp dụng thông lệ dành cho chư tăng, gọi tôi lên trước. Một người nước ngoài đứng sau tôi trong hàng đợi – thật tình cờ, một người đến từ Hòa Lan, nói rằng: "Tôi cũng sẽ mua một bức màn màu cam", một lần nữa màu tím y tôi choàng lại được đề cập đến.

Tôi nhớ vào năm 1978, tôi ở Hòa Lan, đến xem triển lãm tại viện Bảo tàng Nhiệt đới ở *Amsterdam*. Gian hàng triển lãm của Thái Lan là phóng bản của một ngôi chùa Phật giáo. Một số học sinh đến thăm gian hàng, chỉ vào bức tượng Phật, một cậu bé hỏi giáo viên: "Ai vậy?" Giáo viên trả lời: "Ngài là Đức Phật." Câu hỏi tiếp theo của cậu bé: "Đức Phật là ai?" Câu trả lời của vị giáo viên: "Ồ, ngài là một trong những vị thần Ấn Độ." Kiến thức về Phật giáo tại thời điểm đó chưa được phổ biến!

Tại Hòa Lan, sự phát triển Phật giáo trong nhiều thập kỷ đáng được ghi chú. Hôm nay có chương trình Phật giáo được phát thanh trên đài phát thanh và phát hình trên truyền hình quốc gia ở Hòa Lan. Quyền phát sóng các chương trình Phật giáo đã được chấp thuận với sự tài trợ của chánh phủ. Trong thực tế, trong lần đầu tiên xin phép phát sóng chương trình Phật giáo trên đài phát thanh và truyền hình, Nha Truyền Thông đã yêu cầu thống kê về việc có bao nhiêu Phật tử tại Hòa Lan. Một cuộc trưng cầu ý kiến đã được thực hiện, kết quả có khoảng 30.000 phật tử, và từ 100 đến 200 ngàn người quan tâm đến Phật giáo. Nha Truyền Thông cho biết rằng số lượng không đủ và từ chối cấp giấy phép, trong khi đó hội *Humanistic Society* chỉ có 15.000 thành viên mà vẫn được cấp giấy phép.

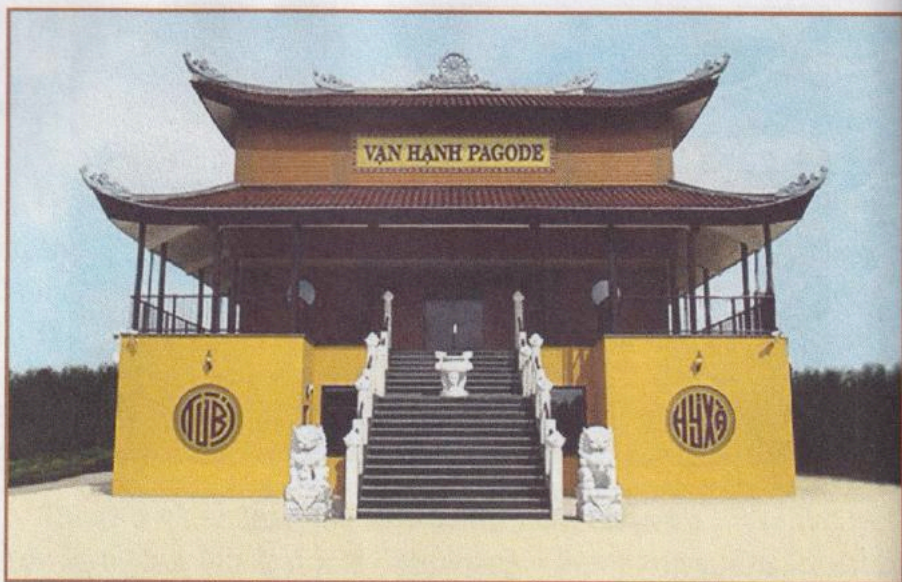


Hình chụp ở Ladakh trên cao độ 10.800 ft (3000 thước) trên mực nước biển ở tây Himalaya, một trong 10 chuyến du hành.

Người dẫn đầu cuộc vận động xin phép tổ chức phát thanh Phật giáo là Giáo sư *Ria Kloppenborg*, người đã có mặt trong lễ xuất gia của tôi.

Hiện nay sách Phật giáo được xuất bản ở Hòa Lan. Có nhiều sách được phiên dịch từ các ngôn ngữ khác, và cũng có những cuốn sách viết bằng tiếng Hòa Lan. Qua sự nhận xét một cách tổng quát về Phật giáo tại Hòa Lan, tầm quan trọng ít nhiều được chia đều giữa Thiên tông, Phật giáo Tây Tạng và Phật giáo Nguyên thủy.

Thời gian này, tôi đã tham gia vào nhiều tổ chức quốc tế có khuynh hướng Phật giáo. Nhất là Hội nghị các giảng sư Phật giáo phương Tây, một hội nghị mà các thành viên hầu hết đều đến từ Mỹ, có đông đủ thành phần: cư sĩ, tăng, ni tham dự, và tôi nhớ đến cuộc họp tổ chức tại Dharamsala, thành phố ở Tiểu Bang Himachal Pradesh, Ấn Độ, nơi Đức Đạt Lai Lạt Ma cư trú từ năm 1993, Jack Kornfield trình lên Đức Đạt Lai Lạt Ma một cuốn sách viết về các trung tâm Phật giáo ở vùng Bắc Mỹ, với sáu trăm địa chỉ. Một tái bản mới đã được in và con số đã lên tới một ngàn trung tâm.



Chùa Vạn Hạnh, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, nơi tôi trú ngụ khi trở về Hòa Lan.

Năm 1988, tôi tham dự một phiên họp của Liên Minh Phật Giáo Âu Châu (*European Buddhist Union*) được tổ chức tại UNESCO ở Paris, bởi học giả Phật giáo nổi tiếng, Tiến sĩ *Ananda Guruge*, người từng là Đại diện Sri Lanka và là người bảo trợ của EBU. EBU là tổ chức tài trợ các tổ chức Phật giáo quốc gia ở châu Âu, EBU đón nhận tất cả các trường phái và truyền thống Phật giáo ở châu Âu muốn hợp nhất trên căn bản giáo lý Phật giáo và làm việc cùng nhau trong tinh thần đồng đạo và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng, mục đích là để tạo điều kiện trao đổi quốc tế và thúc đẩy tinh thần hữu nghị giữa các Phật tử châu Âu, để hỗ trợ các hoạt động xã hội, khuyến khích phát triển tư tưởng theo tinh thần Phật giáo, cùng phổ biến rộng rãi tiếng nói Phật giáo ở châu Âu và trên toàn thế giới.

Tôi cũng là thành viên của Quốc Tế Phật Quang Hội (*Buddha's Light International Association, BLIA*) với trụ sở chính tại Đài Loan và *Los Angeles*, một tổ chức của tu viện và Phật tử,

được thành lập bởi Hòa Thượng Tinh Vân (Hsing Yun), người đã chuyển từ Trung Hoa sang Đài Loan vào năm 1949. BLIA khuyến khích Phật Giáo Đại Thừa, Phật Giáo Phát Triển, tham gia vào các dịch vụ và hoạt động có lợi cho xã hội nói chung và duy trì sự thân thiện với tín đồ của các giáo phái và tôn giáo khác. Một trong số các dự án của BLIA là chương trình hoằng pháp giúp các người trẻ châu Phi, nhất là ở Congo, trở thành các tăng sĩ Phật giáo và họ được đưa từ Johannesburg đến Đài Loan để học tiếng Trung Hoa và được đào tạo về Phật giáo. Sau đó, một ngôi chùa lớn được xây dựng tại *Bronkhorstspruyt* gần *Johannesburg* cho mục đích này. Dự án này hoàn toàn thành công mặc dù hầu hết trong số những người được giúp đỡ xa xứ, hoàn tục và thành công trong việc kinh doanh với Trung Hoa và Đài Loan!

12. Ananda “Anywhere” - Ananda “Vô sở trú”!

Việc thường xuyên được mời thuyết giảng khắp nơi, tổ chức các buổi thiền hướng dẫn và thường tham gia các hội nghị quốc tế khiến tôi thực sự trở thành “*vị tăng lang thang*” và tôi đã nhận được danh hiệu “*Flying Dutch monk*” (Du Hành Tăng Hòa Lan). Tôi nhớ ngài Đại sứ Sri Lanka ở UNESCO, Tiến sĩ *Ananda Guruge*, một người rất bận rộn, di chuyển khắp châu Âu tham dự các hội nghị Phật giáo và thường bất ngờ gặp tôi ở những nơi này, có lần nói với tôi rằng đã đến lúc tôi đổi tên từ *Olande Ananda* thành “*Ananda Anywhere*” (Ananda Vô sở trú)!

Sau khi cha tôi qua đời vào tháng 4 năm 1997, tôi đã dành khoảng tám tháng ở Hòa Lan, trước khi trở về Sri Lanka, tôi hy vọng ở lại *Kottawa Nagarannya* gần *Galle*, nhưng cuối cùng lại quay trở lại chốn cũ, ngôi chùa nơi tôi đã xuất gia. Khi tôi đến, tôi được cho biết rằng một phụ nữ lớn tuổi, *Sriyawathie Gonsalkorale* đã hiến nửa mẫu đất với một ngôi nhà ở *First Cross Street* cho đạo sư của tôi, *Gnanissara Nayaka Thera*. Ngài *Nayaka Thera* đang đi hoằng pháp ở Úc, khi tôi về đến chùa, vị nữ thí chủ nói với tôi rằng chúng tôi có thể sử dụng nhà đất bà cúng dường như một trung tâm dưỡng bệnh cho chư tăng trong một thời gian, sau khi rời khỏi bệnh viện, hầu nhanh chóng phục hồi sức khỏe, trước khi trở về tu viện của họ ở các nơi xa. Khi vị nữ thí chủ hỏi tôi có muốn nhận trách nhiệm trung tâm dưỡng bệnh này hay không, tôi đã từ chối và nói rằng tôi sẽ chỉ quan tâm trong việc thiết lập một trung tâm thiền. Bà thấy không có ý kiến nào khác và khi *Nayaka Thera* trở về, ngài cũng đồng ý với ý kiến của tôi. Lúc đó tôi đã bắt đầu lập dự án sử dụng tòa

nhà một cách phù hợp theo dự kiến của tôi. Sau đó tôi lại được biết rằng *Nayaka Thera* đã tự thiết lập dự án xây dựng một tòa nhà hai tầng. Tôi đành hủy bỏ dự án của tôi.

Đầu năm 1998, tôi chuyển đến ngôi nhà đó và kể từ đó là nơi trú ngụ của tôi. Mặc dù hoạt động chính như một trung tâm thiền định nhưng đồng thời khi cần thiết cũng được dùng làm nơi dưỡng bệnh cho chư tăng sau khi rời khỏi bệnh viện. Trung tâm được đặt tên là "*Đạo Tràng Bhikkhu Viveka và Trung tâm Thiền*". Tôi đã biến nơi này thành Trung Tâm Thiền tại chùa.

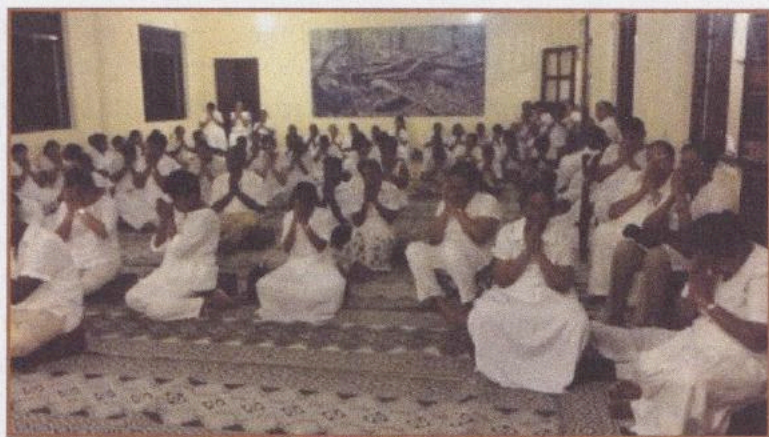
HỌC NGÔN NGỮ TÍCH LAN SINHALA

Từ ngày đầu tiên sau khi trở thành tăng, tôi rất muốn học tiếng Sinhala để tôi có thể giao tiếp với cộng đồng địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn ở đây, tôi nhận ra rằng người Phật tử Tích Lan (Sinhalese) rất tận tâm trong việc cúng dường chư tăng. Họ không những chuẩn bị rất nhiều món ăn ngon, đặc biệt của Tích Lan (Sinhalese, với một lượng lớn ớt và gia vị!), họ mong đợi chư tăng dùng thử từng món ăn họ cúng dường, nếu không họ cảm thấy thất vọng.

Khi chúng tôi được mời cho bữa cúng dường trai tăng (dana) tại nhà, sau khi chào đón chư tăng theo thông lệ bằng cách rửa và lau bàn chân, mọi người trong gia đình, thân hữu và quan khách quán niệm Năm giới (Pancha Sila). Họ lặp lại từng giới sau khi một vị cao tăng đọc mỗi giới. Vị cao tăng sẽ giảng pháp về sự bố thí (thường là để tưởng nhớ người thân đã qua đời hoặc để chúc mừng sinh nhật) sẽ tạo nên nhiều công đức. Sau đó, nước được cung cấp để rửa tay và bát của chư tăng mang theo. Phật tử xếp hàng, để cúng dường các món ăn cho từng vị tăng, luôn luôn khá dài. Mỗi Phật tử đều muốn cúng dường ít nhất một muống món ăn của mình cho từng vị tăng, vì vậy cuối cùng là một bát khá đầy. Tôi sớm nhận thấy số lượng mà Phật

tử cúng dường quá nhiều - vì vậy trước tiên tôi đã học cách lịch sự nói "atthi" (đã đủ rồi) để ngăn chặn họ cúng dường quá nhiều, nhưng thường không mấy người chịu nghe tôi!

Trong khi nghe và nói chuyện với người khác tôi học được một vài danh từ, ngoài ra tôi cũng nghiên cứu một số sách đơn giản, và kể cả sách của nhà ngôn ngữ học nổi tiếng, Giáo sư J. B. Disanayaka. Đạo sư của tôi, *Nayaka Thera* dạy tôi bằng chữ cái và dần dần tôi cũng học viết. Tôi không những muốn trò chuyện bằng Sinhala mà còn muốn thuyết giảng Phật pháp bằng Sinhala. Sự nhạy bén và quyết tâm của tôi đã biến điều này thành sự thật và ngày nay tôi khá tự tin khi thuyết giảng ở chùa hay tại gia, bằng Sinhala. Cuộc sống trở thành dễ dàng hơn nhiều khi chúng ta biết ngôn ngữ được sử dụng bởi hầu hết mọi người trong quốc gia đó. Trên thực tế Phật tử cũng cảm thấy thoải mái khi họ tiếp xúc với tôi. Tôi rất vui vì đã theo truyền thống *Sri Lanka*, sử dụng nơi sinh của mình đặt trước pháp danh được ban khi xuất gia. Mọi người cũng thấy thuận tiện khi gọi tôi là "*Olande Ananda*" - Olande nghĩa là Hòa Lan trong ngôn ngữ Sinhala. Mặt khác, Ananda là pháp danh rất thông dụng, nên dễ gây nhầm lẫn người này với người khác (chư tăng *Sri Lanka* sử dụng tên của ngôi làng hoặc thị trấn mà họ sinh ra đặt trước pháp danh).



Quán niệm năm giới trước khi thiền định

Khi mọi việc trong ngôi nhà trên đường *First Cross* đã ổn định và một tòa nhà được xây dựng, đạo sư "*hamuduruwo*" của tôi cũng chuyển đi nơi khác. Năm 2002 tôi bắt đầu một lớp thiền định vào các buổi chiều chủ nhật và buổi tối thứ ba. Một trường dạy Phật pháp bằng tiếng Anh cũng được khai giảng, đặc biệt dành cho học sinh các trường quốc tế. Các lớp thiền được nhiều người tham dự và tôi nhận thấy sẽ nhiều người tham dự hơn nữa nếu lớp học được tổ chức tại các ngôi chùa đại chúng và các tổ chức Phật giáo khác trong thành phố. Năm 2004, một lớp học hằng tuần được khai giảng tại *Gangaramaya* và bốn năm sau đó, thêm một lớp tại Trung tâm Phật giáo *Yamuna* trên đại lộ *Maya*, ở *Thimbirigasyaya*. Năm 2011, lớp học được chuyển đến Trung tâm văn hóa Phật giáo *Sambuddhatva Jayanthi* mới được xây dựng tại ngã ba *Tummulla* và tiếp tục cho đến ngày nay. Chương trình *Poya* đặc sắc được tổ chức nơi Trung tâm Thiền tại chùa.

Tôi thuyết pháp trên đài phát thanh và hệ thống truyền hình Phật giáo bằng tiếng *Sinhala* và tiếng Anh, cùng tham gia vào các cuộc thảo luận được tổ chức bằng tiếng Anh và tiếng *Sinhala*.

13. Thiền Tĩnh Tâm

Ngày nay, Thiền rất được quan tâm trên toàn thế giới. Nhiều người cho rằng Phật giáo là Thiền.

Thật ra có nhiều pháp thiền khác nhau, nhưng những người tu tập thiền Phật giáo trước tiên sẽ đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tức nhận thức được những gì mình đang làm ở thời điểm hiện tại. Chúng ta không nên có cao vọng rằng tâm trí của chúng ta có thể ngay lập tức tập trung hoàn toàn vào một đối tượng mà không có ý nghĩ khác chen vào. Để bắt đầu thiền định, chúng ta phải ngồi xuống chú tâm vào hiện thực ngay thời điểm hiện tại. Điều này có nghĩa là cảm nghiệm cơ thể và xúc cảm của chính mình trong một thời điểm nhất định trong trạng thái an tịnh.

Tôi cố gắng làm cho thiền tịnh tâm trở thành một bài tập đơn giản. Chúng ta ngồi xuống và chú tâm đến khoảnh khắc hiện tại. Ngồi ở một nơi nhất định theo một cách nhất định, và khởi tâm cảm nhận cơ thể từ trên đầu xuống đến ngón chân, và ngược lại. Kế đó, giữ cho tâm trí thoát khỏi xu hướng quay về quá khứ hoặc nghĩ đến tương lai, chỉ chú tâm vào thời điểm hiện tại, tập trung tâm trí vào một đối tượng thực sự có tại thời điểm đó, trong thời gian đó. Mục đích làm cho tâm ta cảm thấy rằng ta đang ngồi ở đó, một nơi chốn cụ thể. Tiếp theo, chúng ta có thể bắt đầu tập trung vào một cái gì đó mà chúng ta đã rất quen thuộc. Điều đơn giản nhất là chú tâm quan sát hơi thở của ta - thực hành thở vào và thở ra. Hình thức thiền này được gọi là "*aanaapana sati bhavana*" - "Quán Niệm hơi thở". Hơi thở là "*đối tượng*" để tập trung vào, càng chú tâm nhiều càng tốt, để trở về khi tâm trí bắt đầu lang thang, và cũng nhận thức được

tất cả các đối tượng mà tâm trí lang thang của ta đưa ta đến, do âm thanh và cảm xúc. Ta không thể ngăn chặn chúng đến, nhưng không nên gắn bó với chúng hay giữ chúng lại - hãy để chúng qua đi.

Thực hành liên tục giúp ta dễ dàng tập trung với đối tượng đã chọn. Nếu tâm trí của ta không tập trung được, không có nghĩa là ta đang thất bại trong thiền định. Thực ra ban đầu thiền chỉ là để có sự linh hoạt tinh giác với các đối tượng khác và chú tâm hoặc thậm chí lưu tâm đến các đối tượng khác đang ảnh hưởng đến cơ thể của ta, tâm trí và ý thức của ta.

Trước khi bắt đầu "*aanaapana*", tôi thích khởi đầu với "*Thiền có hướng dẫn*" bằng cách trước tiên tạo môi trường phù hợp cho các thiền giả an tịnh và sau đó tiến hành quán nguyện lòng *tì-bi-hỉ-xả* (tứ vô lượng tâm) hướng về tất cả mọi loài chúng sinh - người, súc sinh, hữu hình, vô hình và kể cả chính mình. Quán nguyện xong chúng ta tập trung vào quán niệm hơi thở. Phương pháp này được gọi là "*Samatha bhavana*" - thiền tĩnh lặng, mà theo tôi, là một điều kiện tiên quyết để tiến đến hình thức thiền khác được gọi là "*Vipassana bhavana*" - thiền minh sát. Việc thực tập chánh niệm dẫn đến những hiểu biết mang đến cái nhìn thực tế về thực thể mọi sự vật - như Đức Phật thường dạy "*yatha bhuta nyaana dassana*". Điều này giúp chúng ta xóa bỏ vô minh, vọng tưởng và dần dần vượt qua mọi nguyên nhân của khổ đau, như tham, sân, si.

Những người thường xuyên theo các chương trình thiền hướng dẫn của tôi và luôn thực hành theo phương pháp được mô tả ở trên, họ khá mãn nguyện với sự tiến bộ từng bước một, trước khi tiến đến các phương pháp cao hơn, sâu xa hơn.

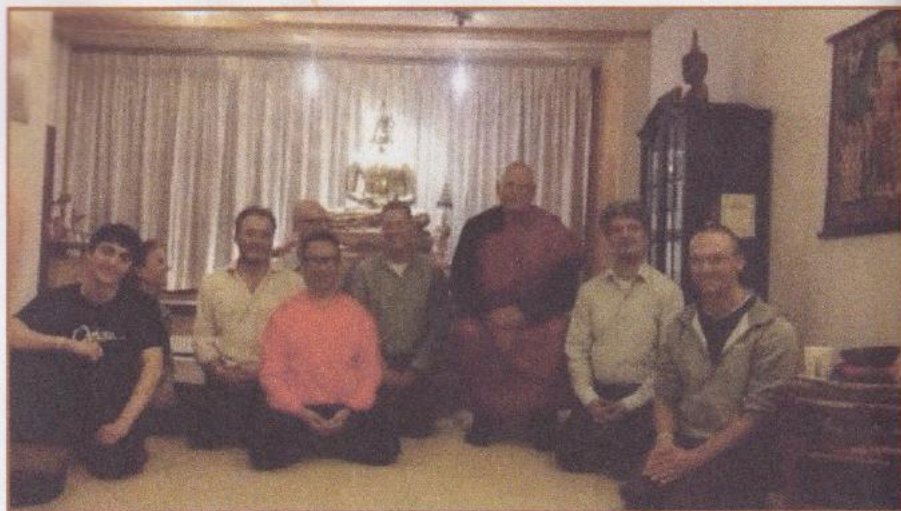
14. Lược thuật về những chuyến du hành của tôi

Trong các chuyến du hành, tôi đã diện kiến nhiều vị lãnh đạo tôn giáo và các vị lãnh đạo khác ở nhiều nơi trên thế giới. Trong số những cuộc gặp gỡ đáng nhớ đó là cuộc gặp gỡ của tôi với Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Trung Tâm Quốc Tế Ấn Độ, ở New Delhi vào khoảng năm 2000.

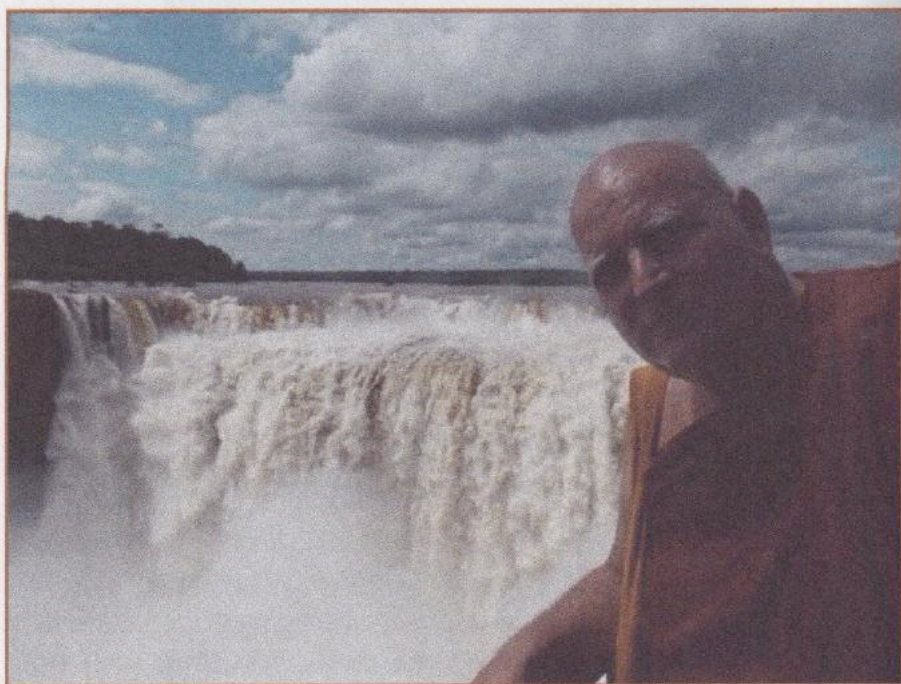


Với sự phát triển rộng lớn của Phật giáo trên toàn thế giới, tôi luôn luôn được mời thực hiện các buổi thuyết pháp và tiến hành các khóa thiền.

Với sự quan tâm đối với nhân loại và thiên nhiên tôi tận dụng các chuyến du hành để tiếp xúc những người có quốc tịch khác nhau và đến thăm những địa danh. Tôi đã đi xem thác *Iguazu* của sông *Iguazu* ở biên giới tỉnh *Misiones* của *Argentina* và tiểu bang *Parana* của *Brazil* (Ba Tây), trong chuyến thăm của



Tại Trung tâm Dhammadipa, Amsterdam vào tháng 4 năm 2016 với một nhóm các thiện giả.

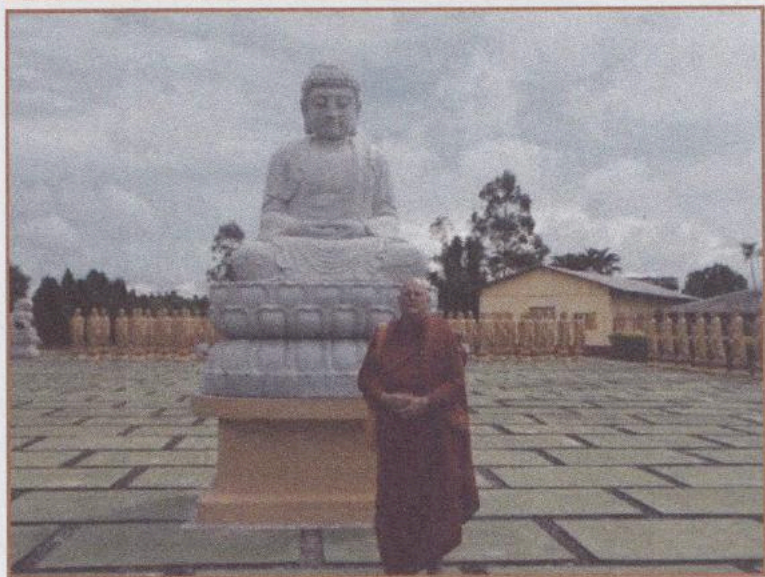
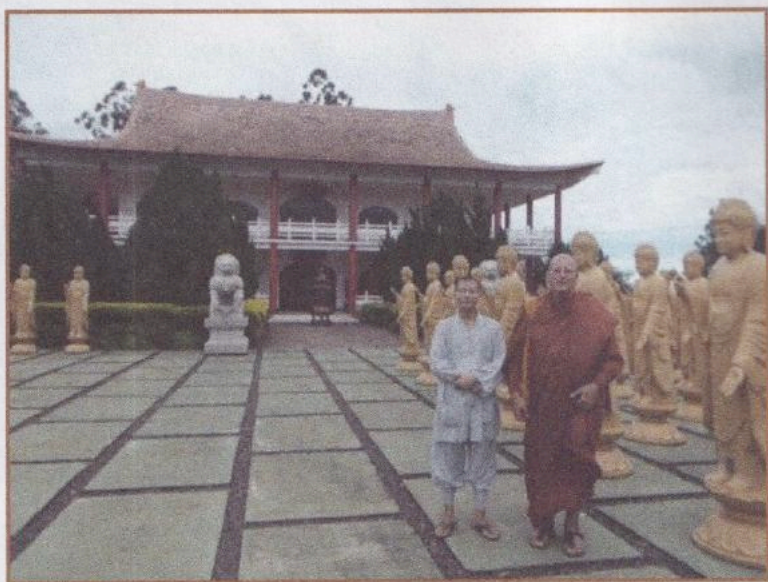


Thăm ngôi chùa Trung Hoa nằm trong lãnh thổ Brazil, gần thác Iguazu.

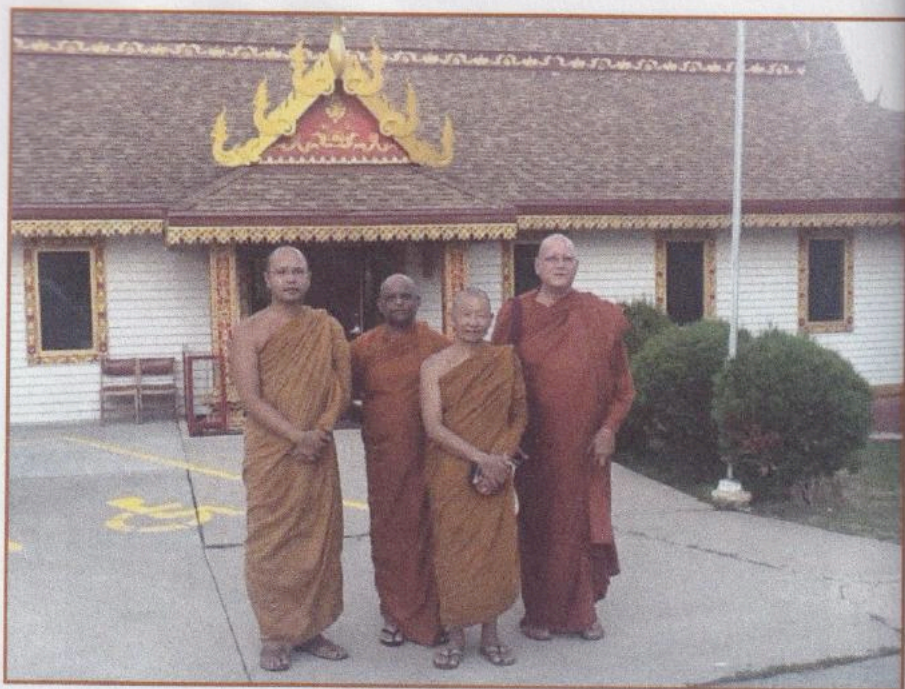
14. LƯỢC THUẬT VỀ NHỮNG CHUYẾN DU HÀNH CỦA TÔI

tôi tới các nước vùng châu Mỹ Latinh năm 2013. Nơi đã từng được công nhận thác nước lớn nhất thế giới.

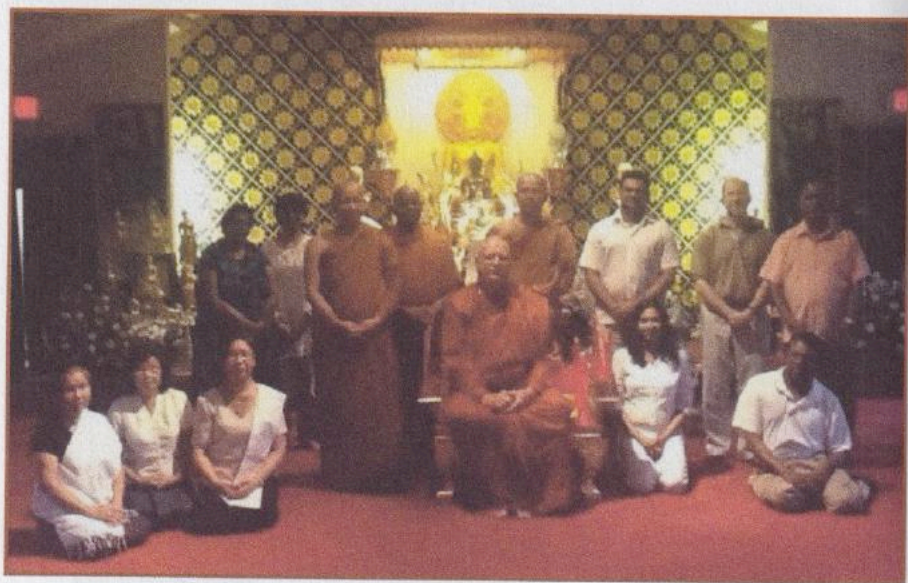
Tôi hầu như không bỏ lỡ một chuyến viếng thăm nào các ngôi chùa ở các quốc gia mà tôi đặt chân đến.



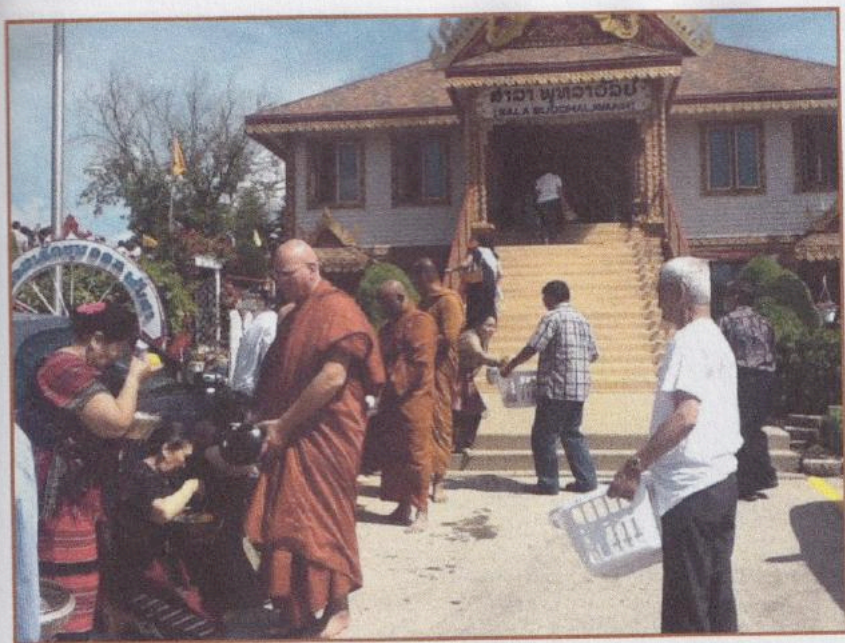
Tại chùa Fo Guang Shan gần Sao Paulo, một thành phố lớn ở Brazil.



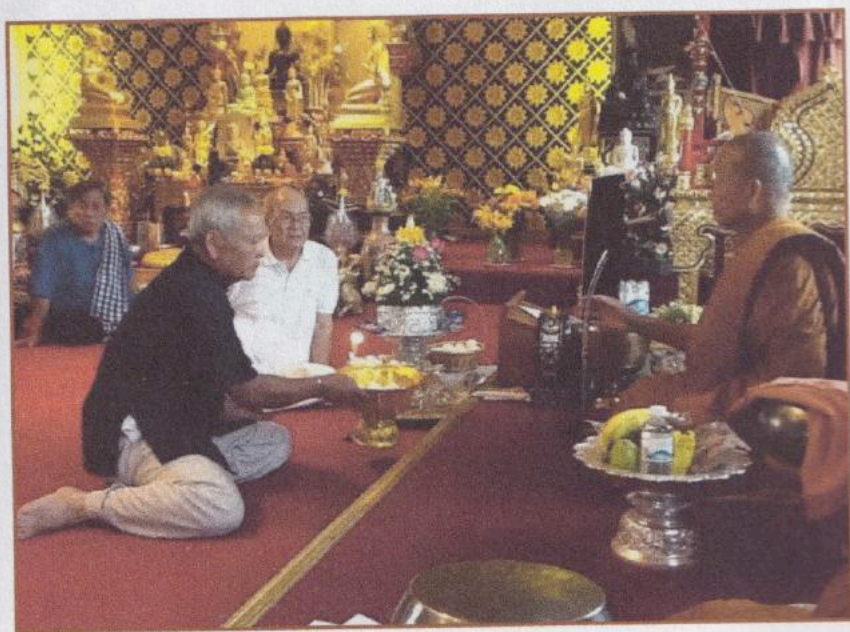
Cùng với các tăng sĩ Lào tại chùa Buddha Haksa ở Waukesha, Wisconsin Hoa Kỳ năm 2013



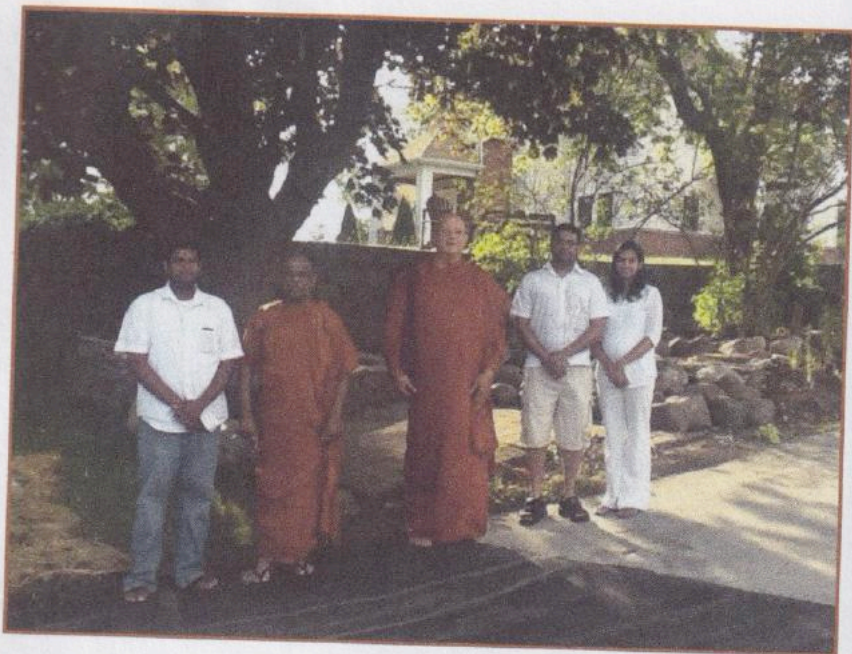
Phật tử Sri Lanka, Lào và Campuchia sau buổi thuyết Pháp của tôi tại chùa Buddha Haksa.



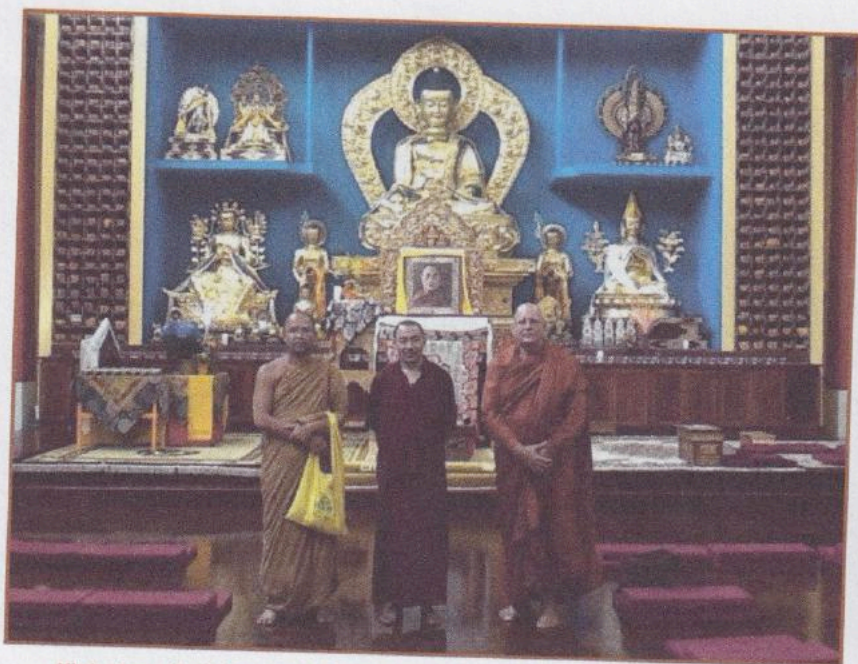
Pindapata (khất thực) tại chùa Wat Buddha Haksa - Wisconsin 2012



Phật tử Lào hành lễ Punnya Anumodana, dâng nước cúng dường người quá cố.

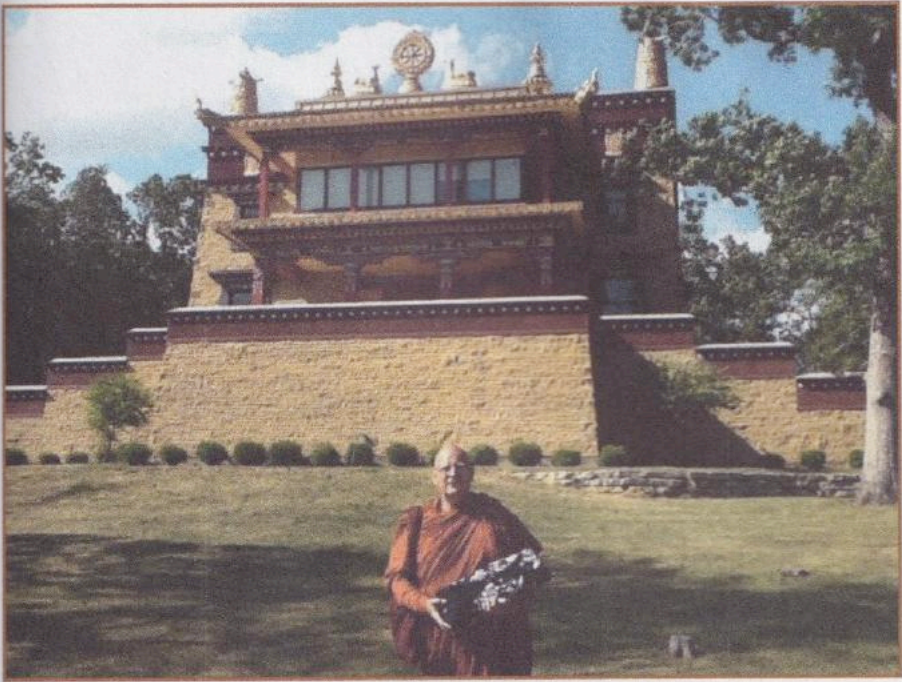


Cùng với phật tử Sri Lanka ở Wisconsin



Hình chụp với vị Lama trụ trì chùa Deer Park Tây Tạng ở miền Nam Wisconsin, chùa được khánh thành bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma.

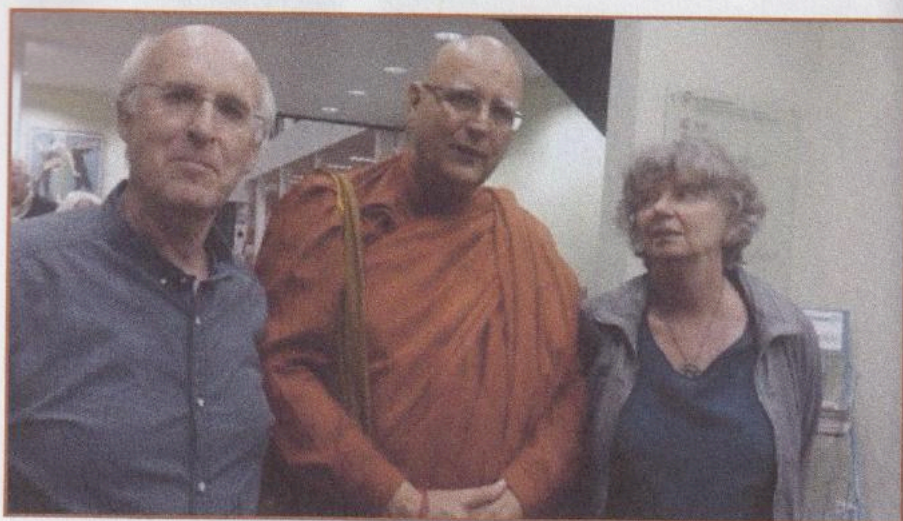
14. LƯỢC THUẬT VỀ NHỮNG CHUYẾN DU HÀNH CỦA TÔI



Cầm trong tay quyển kinh của Sri Lanka viết trên lá Ola (một loại lá giống lá dừa), do Lama trụ trì chùa Deer Park Tây Tạng tặng. (Vi Lama không đọc được tiếng Sinhala.)



Tờ giới thiệu chương trình thuyết pháp của tôi ở Brinkhuis, Laren, Hòa Lan 2014



Cùng với Bertil một người bạn khi còn ở Đại học Amsterdam, cùng vợ, chị José đến nghe pháp ở Brinkhuis, Laren.

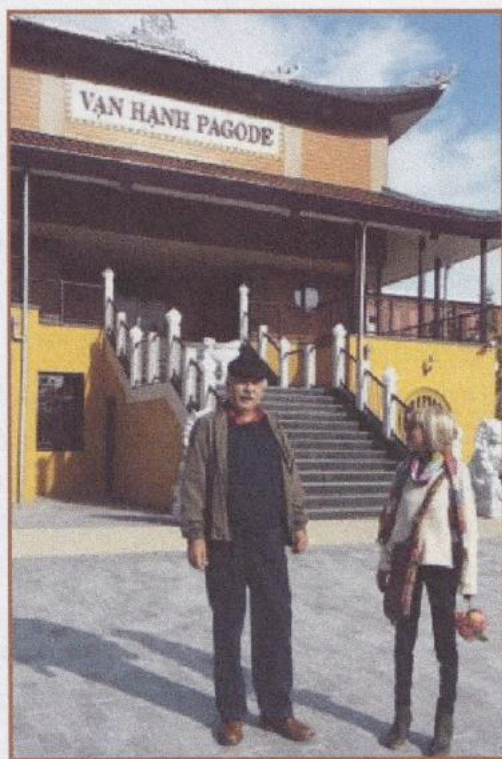


Đôi khi tôi trú ngụ tại nhà Tiến sĩ Wim và Ellen Brakel ở Laren, khi tôi trở về Hòa Lan.

14. LƯỢC THUẬT VỀ NHỮNG CHUYẾN DU HÀNH CỦA TÔI



Tại Buddha Haus ở Allgäu, Đức quốc cùng với hai vị Tỳ Kheo người Đức, một trong hai vị được tôi truyền giới tháng 10 năm 2000.



Người anh họ của tôi, Nico và vợ Annelies đến thăm tôi tại chùa Vạn Hạnh ở Almere, Hà Lan

ARTICLE

THE JOURNAL OF THE AMERICAN MEDICAL ASSOCIATION
PUBLISHED WEEKLY
CHICAGO, ILL., U.S.A.

ARTICLE

THE JOURNAL OF THE AMERICAN MEDICAL ASSOCIATION
PUBLISHED WEEKLY
CHICAGO, ILL., U.S.A.

15. Người thầy đã hướng dẫn tôi trên đường tu tập

«Vào một ngày nào đó vào tháng 5 năm 1975, một chàng trai trẻ vẻ mặt thông minh trong trang phục màu trắng, tên là Rudy Hammelburg đến gặp tôi. Tôi cảm thấy ngay giữa anh ta và tôi thật không xa lạ, anh ta không phải ai khác mà chính là con trai của tôi từ kiếp trước đã trở lại với tôi. Mắt tôi đắm lệ. Trái tim tôi tan chảy vì cảm động.»

Đây là những lời thuật lại của "guru hamuduruwo" của tôi – ngài *Agga Maha Pandita Davuldena Gnanissara Mahanayaka Thera* với cha mẹ tôi, khi cha mẹ tôi đến gặp ngài trong chuyến thăm Sri Lanka, và đến tham dự buổi lễ thọ giới Cụ Túc của tôi vào năm 1977. Ngài đã kể về ngày tôi gặp ngài lần đầu tiên khi tôi đến Sri Lanka.

Ở độ tuổi 102,¹ *Mahanayaka Thera* hoạt động với tư cách Tổ sư tối cao của *Amarapura Nikaya* - một trong ba giáo phái chính của Phật giáo Sri Lanka. Tổ chức tối cao này được tạo ra sau cuộc họp của chư tăng uyên bác trong giáo phái Nikaya vào đầu những năm 1950 để thảo luận về sự cần thiết cho sự thống nhất giữa 21 tiểu giáo phái của Nikaya. Đặc biệt liên quan đến các vấn đề quan trọng của quốc gia, khi ngài *Mahanayaka Thera* hoặc toàn bộ Giáo phái Nikaya đưa ra một quan điểm cho một vấn đề được chính phủ ghi nhận.

¹ Với tất cả lòng tiếc nuối, tôi ghi chú thêm là Đạo sư của tôi đã viên tịch vào ngày 03 tháng tư 2017.

Mahanayaka Thera được công nhận là một trong những học giả tiếng Pali (Nam Phạn) và tiếng Sankrit (Bắc Phạn) đầu tiên và ngay cả ở độ tuổi chín mười này, ngài vẫn suy nghĩ minh mẫn và có một trí nhớ hoàn hảo. Mặc dù bằng cấp về học vấn và tước hiệu công nhận kiến thức của ngài không nhiều.

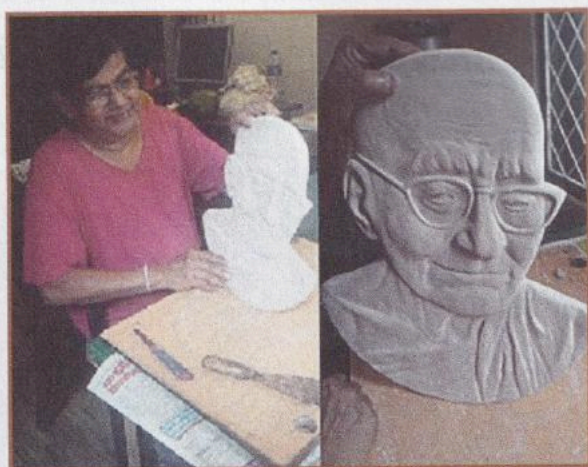
Sinh trưởng nơi làng *Davuldena* ở *Uva Paranagama* thuộc vùng đồi núi *Welimade*, ngài xuất gia ở tuổi 12. Cha của ngài, ông *Aloka Mudiyanselage Kavurala* và mẹ bà *Gajanayake Mudiyanselage Kirimenike* đã nuôi dưỡng mười một người con, ba trong số đó chết sớm. Là một tỳ-kheo, ngài được theo học tại *Vidyodaya Pirivena*, tổ chức giáo dục Phật giáo đầu tiên ở Colombo bắt đầu từ khi những người theo Phật giáo trong thành phố bị quấy rối bởi các thế lực phi Phật giáo thịnh hành trong nước, sau khi người Anh nắm quyền cai trị trong nước và sáp nhập vương quốc *Kandyan* vào năm 1815. Họ cho phép các nhà truyền giáo Kitô giáo đến và truyền bá đức tin của họ và thiết lập trường học. Một vài lãnh đạo Phật tử ở Colombo đã mời tỳ kheo học giả *Hikkakduwe Sri Sumanangala Nayaka Thera* từ Nam *Sri Lanka* đến thành lập một tổ chức giáo dục về các môn Phật học cho chư tăng và Phật tử, ưu tiên cho người cũ. Cơ sở được thành lập tại *Maligakanda* ở *Maradana* và được khai trương vào tháng 12 năm 1873 với bảy sinh viên, và nhanh chóng phát triển với đông đảo chư tăng đến tham dự các khóa học.

Sau khi hoàn thành việc học của mình, ngài *Davuldena Gnanissara Thera* đã giảng dạy trong một số tổ chức Phật giáo trong đó có *Pirivena* mà ngài đã từng theo học, *Sri Vajiranana Dharmayanaya* - Trung tâm đào tạo Phật giáo tại *Maharagama*, *Gangaramaya* tại *Hunupitiya* và *Bhuvanekaba Pirivena* tại *Gampola*.

Ngài thuộc về giáo hội tăng già *Udarata Amarapura Samagri Sangha Sabha*, nơi kiến thức về Phật Pháp của ngài được công nhận và ngài được nâng lên thành *Nayaka Thera*, tiếp theo đó

được bổ nhiệm làm *Mahanayaka Thera* để đứng đầu *Nikaya*. Sau khi ngài *Madihe Pannasiha Mahanayaka Thera* viên tịch, ngài được chọn làm Tổ sư tối cao của *Amarapura Nikaya*.

Mahanayaka Thera rất thành thạo nhiều ngôn ngữ và là tác giả của nhiều tác phẩm. Ngài đi khắp nơi tham dự các hội nghị và hội thảo Phật giáo cũng như lời mời cá nhân của nhiều tổ chức Phật giáo. Ngài đã từng dạy Phật học ở Đài Loan trong nhiều năm từ 1988 - 1994.



Tượng ngài Mahanayaka Thera được thực hiện bởi điêu khắc gia Rahula Tawalandana

Như đã đề cập trước đó, khi tôi gặp ngài lần đầu tiên, ngài đề nghị tôi ở lại chùa của ngài nếu tôi thích và cho phép tôi đến trung tâm thiền *Kanduboda* để học Phật Pháp và thực hành thiền định. Ngài rất muốn dạy tôi tiếng Pali mà ngài nói người ta nên biết để hiểu rõ Phật pháp. Tôi không hoàn toàn đồng ý với ngài và không theo ý ngài muốn. Tuy nhiên, tôi đã học Pali từ sách giáo khoa.

Tôi biết ơn sự quan tâm của ngài khi hướng dẫn tôi theo đời sống của một tỳ-kheo, trước tiên truyền giới xuất gia cho tôi trở thành một sa-di, và sau đó chuẩn bị con đường cho tôi

thọ giới Cụ Túc. Trong khi đó, tôi nguyện nhận Hòa thượng *Kahatapitiye Sumathipala Nayaka Thera* và Hòa thượng *Katukele Seevali* của Trung tâm *Kanduboda* là những vị thầy tâm linh của tôi. Tôi rất phục khả năng đoán biết tâm lý người đối diện của Hòa thượng *Seevali*, người có thể đọc được ý nghĩ và biết trước được khi có ai đó muốn đến gặp ngài và biết được lý do vì sao người đó đến. *Mahanayaka Thera* luôn vui vẻ chào đón và chấp nhận tôi bất cứ khi nào tôi trở về sau những chuyến đi dài ở nước ngoài hoặc tại các nơi ở khác ở *Sri Lanka*.

Viết xong ngày 11 tháng bảy 2016.



That monk who while young
devotes himself to the
Teaching of the Buddha,
illuminates this world
like the moon freed from clouds.

The Monk
- DHAMMAPADA

Tỳ-kheo tuy tuổi nhỏ
Siêng tu giáo pháp Phật,
Sôi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

Kinh Pháp Cú
Phẩm Tỳ-kheo, kệ số 382
Việt dịch: Hòa thượng Thích Minh Châu

NGUYỄN ĐẠO VĂN CÔNG TUẤN

LỜI BẠT

*Đọc và nghĩ về tác phẩm: 40 năm bước chân chưa mỏi
- Chặng đường tìm đạo và tu tập của một vị Du Hành
Tăng Hòa Lan (Nguyên tác: Monks & Monkeys, Travails
of a Flying Dutch monk over 40+ years in Sri Lanka.)*

Tác giả: Olande Ananda

Dịch giả: Hồ Thanh Trước

Hân hạnh cho tôi quá khi anh Hồ Thanh Trước đề nghị tôi viết những lời này cho tác phẩm. Đầu tiên anh có ý nhờ tôi viết Lời Giới Thiệu. Tôi nói ngay, trong địa vị (cương vị) của Ngài Olande Ananda thì ta nên thỉnh cầu Hòa Thượng Như Điển viết mới xứng đáng (và HT đã hứa khả). Tôi tự thấy mình trong cương vị một cư sĩ với trình độ học Phật còn sơ cơ thì sẽ rất vô lễ khi viết giới thiệu tác phẩm của Ngài. Nhưng tôi lại tham lam muốn ghi lại những “duyên” kỳ ngộ thú vị của tôi với Ngài nên xin viết Lời Bạt ở cuối sách.

Trước tiên, khi nhận bản thảo còn “rất thảo” với mớ chữ đen, xanh, đỏ của anh bạn Thanh Trước, tôi đã mở email ngay trong smartphone và đọc một mạch, bỏ qua những lỗi của câu, chữ, của chấm, phết. Đọc thích thú. Câu chuyện rất thú vị, nhiều bất ngờ và quá thật của một Người Lang Thang. Nhưng người ấy không phải chỉ là “kẻ lang thang” chỉ để lang thang (như tôi

từng làm) mà còn mang trong lòng tâm niệm đi tìm một con đường, một nẻo đạo cho mình và cho đời. Hệt như câu chuyện một ngày 2.600 năm trước xa xưa, có một người trẻ tuổi ở lưu vực đồng bằng sông Hằng đã làm như vậy.

Những ngày nhận được bản thảo này tôi lại đang đọc cuốn sách *“What make you not a Buddhist?”* của một đạo sư Phật giáo gốc *Bhutan*, Ngài *Dzongsar Jamyang Khyentse*.¹ Tôi nghĩ ngay đến sự trùng hợp với câu viết mà tôi rất đặc ý của Ngài ở ngay lời đề tặng rất trang trọng ở đầu tác phẩm. Câu văn đề tặng của đạo sư *Dzongsar Jamyang Khyentse* ấy là:

“Kính tặng người con trai của Đức Vua Tịnh Phạn – Thái Tử của Ấn Độ. Không có Ngài tôi sẽ không thể biết rằng mình vẫn chỉ là kẻ lang thang.”

Câu chuyện *“Monks & Monkey, Travails of a Flying Dutch monk over 40+ years in Sri Lanka”* của Sư Olande Ananda cũng đúng là câu chuyện của một Kẻ Lang Thang. Độc giả có thể nghĩ rằng, cái khởi đầu mớ lang thang của chàng thanh niên *Rudy Hammelburg* (thế danh của Sư Olande Ananda) là từ năm 18 tuổi, lúc rời khỏi nhà ở *Hilversum* đến sống trên căn nhà nổi ở ven sông thành phố *Amsterdam*. Nhưng không, dù sống xa nhà nhưng anh chàng Rudy này vẫn còn ngụp lặn trong quỹ đạo của cuộc sống quen thuộc như mọi thanh niên khác thường làm: sau khi đậu tú tài thì vào đại học. Kể cả lúc đi đến New York theo học ở đại học Cornell thì anh cũng còn lẩn quẩn trong cái hộp của một cấu trúc trật tự thường tình như bất cứ thanh niên nào lớn lên ở Âu Châu.

May thay, ngay thời gian đó tiếng trống, tiếng đàn của Ban Nhạc nổi tiếng thế giới The Beatles đã bắt đầu réo gọi trong tâm hồn chàng trai Hòa Lan ấy. Chỉ có tiếng trống, tiếng đàn, chỉ lời

¹ Dzongsar Jamyang Khyentse, Trần Tuấn Mẫn và Nguyễn thị Tú Oanh dịch: Thế nào là Phật tử? - NXB Lao Động, 2019

ca tiếng nhạc thôi ư? Không, cả những hoạt động về thiền định "Transcendental Meditation" (TM) với Maharishi Mahesh Yogi của The Beatles đã đập mạnh trong lòng chàng thanh niên xứ Hoa Tulip, nơi từng nổi danh với tên gọi qua cuốn phim nổi tiếng "Người Hòa Lan Bay - Flying Dutchman".

Sau một thời gian lao mình vào các hoạt động chính trị và xã hội, anh thanh niên Rudy Hammelburg (tức Sư Ananda sau này) ủ ấp đầy thao thức về cuộc sống ấy đã tìm đến Ấn Độ. Đây mới là lúc anh thực sự bắt đầu cuộc lang thang tâm đạo. Chàng ta tìm hiểu và lao vào các công trình tu tập của đạo Hindu Ấn Độ. Tiếp xúc nhiều bậc đạo sư Ấn Độ Giáo, những hành giả Bà La Môn, đi thăm viếng và đến tu tập ở nhiều đạo tràng, nhiều trung tâm Yoga tiếng tăm ở toàn cõi Ấn Độ. Anh Rudy đã kể lại những chi tiết thật thú vị. Xin trích một đoạn ngắn trong sách:

Đạo tràng của Ramana Maharshi ở Thiruvannamalai, Tamil Nadu cho ta một cảm giác khác. Người tuyệt đối bảo vệ triết lý Advaita Vedanta là Ramana, ông thường yêu cầu bạn chỉ cần đặt một câu hỏi: «Tôi là ai». Ông thiền trong một hang động trên ngọn đồi phía sau Ashram, và bên trong Ashram là căn phòng nơi ông thường nằm một nửa thân trên trần, chỉ với một miếng vải quấn ngang thân dưới, mỉm cười với những người đến đây để được ông ban phước lành.

Ở Mahabalipuram, phía nam Madras, tôi đã gặp con trai của nhà soạn âm nhạc điện ảnh Tamil nổi tiếng K. V. Mahadevan và là cháu trai của Maharaja of Vengatagiri, cả hai đều là tín đồ trung thành của Sathya Sai Baba. Keith Jaffray đến từ Queensland, ở trọ chung với tôi và chúng tôi đã đi cùng với những người bạn mới của chúng tôi để xem Sai Baba trên Maha Shivarathri, đêm trăng tròn vào tháng Hai. Buổi sáng sớm khi chúng tôi đi xung quanh Puttaparthi theo lễ hội Nagara Sankirtan, bạn bè của tôi đã thúc giục tôi phải làm lễ "Pada Namaskaram" của Baba, tức chạm vào chân

ông. Khi tôi đang bò về phía trước, trong bộ y phục Ấn Độ màu trắng, tôi nghe thấy giọng nói của ông ta phía trên tôi: "Không không không!"

Trong chuyến thăm Sai Baba lần thứ năm của tôi vào năm 1991, Baba có lẽ còn nhớ đến sự việc này, khi ông nói: "Anh đã từng đến đến nơi này trước đây, nhưng lúc đó anh chưa là tăng!"

Kể đó tôi trở thành một Brahmachari Kriyananda (tín đồ của một nhánh trong Ấn Giáo).

Nhưng tất cả những trải nghiệm trong nhiều truyền thống Ấn Độ Giáo đó đã không thỏa mãn lòng mong cầu của chàng thanh niên Hòa Lan. Anh Rudy đã quay về Hòa Lan một thời gian ngắn rồi lại bay qua Ấn Độ. Từ Ấn Độ đi đến Nepal. Một duyên lành hiếm có đã đến với anh ngay lúc đó.

Tôi trở lại Ấn Độ vào tháng 9 năm 1974 với visa một tháng vì tòa Đại sứ Ấn Độ ở Hòa Lan cho biết rằng tôi có thể gia hạn ở Ấn Độ. Khi visa hết hạn, tôi được biết đó là "giấy phép quá cảnh" không thể gia hạn. Tôi phải rời Ấn Độ và xin visa từ nước khác. Tôi quyết định đi Nepal. Trên đường đi Kathmandu bằng xe lửa, tôi đã gặp một vị tăng Phật giáo Sri Lanka đi cùng chuyến. Chúng tôi đã trở thành bạn và vị tăng này thậm chí còn chia sẻ chapati (một loại bánh mì mỏng ở các quốc gia theo truyền thống Ấn Độ) và bữa ăn thịnh soạn của mình với tôi. Ngài khuyên tôi nên đến Sri Lanka vào lần tới khi tôi phải xin gia hạn visa. Khi tôi trình bày rằng tôi tâm niệm đến với Phật giáo, ông đã cho tôi địa chỉ của Vajiraramaya, Trung tâm Kassuboda Vipassana và hai ngôi đền khác - một ở Pitipana và một ở Ethul Kotte.

Từ ngày này, tuy con tàu du hành Hòa Lan cứ vẫn còn bay tiếp (và mãi đến hôm nay) nhưng dần dần con tàu đã định hướng. Vì sao Bắc Đẩu đã mọc và người lái tàu đã nhìn thấy.

Suốt trong 5 năm tiếp theo đó, Sư đã đến đánh lễ các Thánh Địa Phật Giáo, cầu đạo ở nhiều đạo sư Phật Giáo. Sau đó Sư chính thức xuất gia với Đại Lão Hòa Thượng *Davuldena Gnanissara Nayaka Thera* ở tu viện *Sri Vidy Vijayaramaya*, Tích Lan vào năm 1975 (27 tuổi). Hai năm sau Sư thọ Cụ Túc Giới (1977).

Tất cả những câu chuyện từ khi là Trưởng Tử Như Lai (thọ Cụ Túc giới) được Sư kể lại thật thú vị, đôi khi có phần khôi hài trong những trang sách ít ỏi của tác phẩm. Ví dụ Sư nói về việc có người phụ nữ đã gặp và nghĩ rằng, chiếc cà sa màu vàng của Sư là "mốt" y phục mới.

Trên con đường dài ấy, Sư đã gặp và đàm đạo với triết gia *Krishnamurti*. Sư cũng đã tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma v.v...

Tôi không có tham vọng tóm tắt hay giới thiệu từng phần cuốn sách. Quý độc giả nên tự đọc để tự chiêm nghiệm, cảm nhận nhiều hơn. Tôi chỉ xin được phép được nhắc lại những cái "duyên" đưa tôi đến gần gũi với tác phẩm này, hay nói đúng hơn, với Sư Olande Ananda.

Tôi biết đến tên Sư *Olande Ananda* qua đoàn hành hương Tích Lan, Ấn Độ... do Sư Bà Diệu Tâm hướng dẫn vào năm 2002, dù tôi không có mặt trong đoàn ấy. Sau chuyến hành hương, Sư Bà giao tôi trách nhiệm thực hiện cuốn phim về các Thánh Địa mà đoàn đã đi qua, như đã từng làm cho các chuyến đi ở Tứ Đại Danh Sơn Trung Quốc và Tứ Động Tâm Ấn Độ những năm trước đó. Khi xem những đoạn phim do người anh của tôi đã quay và bắt tay chuẩn bị biên tập nội dung tôi mới phát hiện ra rằng, trong thời gian ở Tích Lan, chính Sư Olande Ananda đã hướng dẫn tận tình đoàn thăm các Phật tích tại đây. Chuyện ấy rồi cũng qua đi. Đến năm sau tôi lại nghe được tên Sư lần nữa từ những vị mục sư Tin Lành người Đức.

Số là bắt đầu từ năm 1999, trong các dịp Lễ Hiện Xuống (Pfingsten) truyền thống Cơ Đốc, tôi được hiệp hội EED

*Evangelischer Entwicklungsdienst*¹ mời đến hướng dẫn khóa sinh hoạt trong dịp nghỉ lễ cuối tuần nối dài suốt 4 ngày. Trong các chương trình sinh hoạt này thường có 3 nhóm tôn giáo cùng hướng dẫn sinh hoạt, tu tập cho các thiện nguyện viên của tổ chức. Năm đó, ngoài tôi phụ trách phần Phật giáo, còn có một bà giáo sư ở đại học Hamburg phụ trách phần Hồi giáo và một vị nữ mục sư phụ trách phần đạo Tin Lành. Chúng tôi sinh hoạt chung trong suốt 4 ngày từ thứ sáu đến thứ hai, thuyết trình, thảo luận nhiều đề tài trong phạm vi trách nhiệm của mình. Cuối cùng bà mục sư hỏi tôi, bà xin phép giới thiệu tôi với một mục sư khác ở vùng Flensburg gần tỉnh Kiel tôi đang ở. Vị mục sư này thường tổ chức những sinh hoạt liên tôn giáo. Tôi đồng ý ngay.

Về nhà, vài tuần sau tôi nhận được email của mục sư *Michael Möbius*. Mục sư mời tôi cùng tham dự một khóa sinh hoạt liên tôn giáo được tổ chức ở tiểu bang Hessen trong vòng 5 ngày. Chúng tôi đã liên lạc qua lại bằng email và điện thoại vài lần. Khi tôi hỏi thêm về đề tài, nội dung... cụ thể để chuẩn bị trước (do hiểu biết Phật học của mình có giới hạn, nhất là khi phải trình bày bằng ngoại ngữ). Mục sư Möbius trả lời rằng đây là một cuộc hội thảo của "*Hội Đồi Thoại Liên Hiệp Các Tôn Giáo*". Ông còn viết thêm: "*Không, anh không cần phải lo lắng, chuẩn bị gì nhiều, ở đó có một người bạn lâu năm của tôi là tu sĩ Phật giáo cùng tham dự, có gì thì quý vị trao đổi với nhau.*" Tôi hơi ngạc nhiên và hỏi vị ấy là ai, ông mục sư nói đó là Sư Olande Ananda từ Tích Lan. Tôi vội trả lời ngay với ông ta rằng: "*Thật hạnh phúc cho các ông, Sư Olande Ananda là một tăng sĩ vào hàng bậc thầy của tôi. Kiến thức và mức độ tu trì của Sư tôi chạy học hơi theo 50 năm nữa chưa chắc có được.*" Vậy là tôi xin rút lui có trật tự. Mặt khác vào thời gian đó tôi cũng có ít thì giờ lắm. Nhưng mãi đến ngày ấy

¹ EED tạm dịch là Bộ phận Hỗ trợ các nước phát triển của Hội Thánh Nhà Thờ Tin Lành Đức quốc. Từ khoảng năm 2015 Bộ phận này không còn sinh hoạt độc lập mà trực thuộc vào Hội Bánh Mì Thế Giới – Brot für die Welt, cũng của nhà thờ Tin Lành.

tôi cũng chỉ nhìn thấy hình, phim của Sư Olande Ananda chứ chưa có dịp gặp mặt.

Vào tháng 6 năm 2019, tại Lễ Hội 40 năm Viên Giác ở Hannover, tôi và giáo sư Olaf Beuchling được Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác giao cho nhiệm vụ thuyết trình khoa học trong Lễ Hội. Buổi chiều ngày 27 tháng 6 năm 2019, hai chúng tôi thuyết trình bằng hai ngôn ngữ Đức-Việt về đề tài *"Toàn cầu hóa Phật giáo và công cuộc phát triển của Phật giáo Việt Nam tại nước Đức"*. Từ diễn đàn trên sân khấu nhìn xuống cử tọa tôi thấy ở hàng đầu có một vị Sư người to lớn lắng nghe rất chăm chú, có khi còn gật gù mỉm cười tán thưởng. Vị đó chính là Sư Olande Ananda.

Thú thật, hôm đó tôi rất hồi hộp vì lần đầu tiên phải trình bày một vấn đề Phật giáo trước một cử tọa mấy trăm vị, trong đó có rất nhiều bậc Cao tăng Thạc đức từ các châu lục về tham dự. Ánh mắt ấy của Sư Ananda đã trấn an và động viên tôi rất nhiều.

Đến buổi tối, tôi thuyết trình bằng tiếng Việt về ba tác phẩm của Viên Giác Tùng Thư mới xuất bản, cũng có Sư đến tham dự (dù có thể Sư không hiểu gì cả do chương trình đêm này không dịch ra ngoại ngữ). Tôi đón nhận những ánh mắt từ bi của Sư khi từ sân khấu nhìn xuống cử tọa.

Hôm sau trong giờ ăn trưa, anh Olaf Beuchling nói với tôi rằng, Sư Olande Ananda khen bài thuyết trình của chúng tôi súc tích, hấp dẫn, Sư ngồi nghe cả giờ mà không chán. Tôi mừng lắm nhưng vì công việc nên chưa thể đến chào Sư để vấn an.

Từ Viên Giác về nhà khoảng mấy tuần sau thì anh Hồ Thanh Trước liên lạc yêu cầu tôi phụ lục để cho xuất bản tác phẩm này. Tôi mừng và cảm ơn anh đã cho tôi cơ duyên ấy. Mừng vì do nhân này, biết đâu tôi sẽ còn có cơ hội kết duyên lành cùng một vị đạo sư trong con đường tu tập trong tương lai, cả ở kiếp này hay những kiếp lai sinh.

Xin lỗi, tôi đã quá tham lam khi nói đông dài về cái “*co duyên hội ngộ*” dù chỉ với chiếc bóng của Sư Olande Ananda. Nói ra để tự dặn lòng sẽ có ngày mình phải trực tiếp gặp và vấn đạo Sư.

Tôi thường luôn khâm phục những con người không biếng nhác chấp nhận dễ dàng việc xỏ chân vào những đôi giày của các thế hệ trước. Những kẻ can đảm từ chối việc nhắm mắt để cho mình rơi tự do vào quỹ đạo cuộc sống đã được cuộc đời cấu trúc sẵn như: đi học, kiếm tiền, lập gia đình, sinh con đẻ cái, sắm nhà cửa xe cộ... Tôi khâm phục những người có đủ ý chí và thông minh tự quản lý những chặng đường đời của mình một cách cá biệt. Và tôi cũng khâm phục những con người suốt đời đi tìm kiếm như con đường gian nan tìm đạo của Sư Olande Ananda.

Đời người ai mà chẳng vậy. Chỉ mới vừa mở mắt chào đời là bắt đầu bước chân lang thang trong cuộc lữ. Nhà thơ vào hàng thi bá là Vũ Hoàng Chương có viết những câu như sau trong bài thơ “*Nguyện Cầu*”:

(...) *Lang thang từ độ luân hồi*
U minh nẻo trước, xa xôi dặm về.
Trông ra bến hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương ...

Kẻ lang thang ấy có thể có tên là Tất Đạt của *Hermann Hese*, tên là *Zarathustra* của *Friedrich Nietzsche*, hay anh A chị B, hoặc người hàng xóm của tôi, hay cả đến những người vô danh tôi chẳng biết tên. Chúng ta lên đường, đi lang thang có khi chỉ để nhìn thấy bình minh trên đại dương xanh. Đi để có lúc ngấm hoàng hôn sau rặng núi già. Đi để cái ta trong lồng ngực phồng lên xẹp xuống hòa với nhịp đập của vũ trụ bao la. Tôi nghĩ khi *Nietzsche* nói “*Thượng Đế đã chết! - Gott ist tot!*” không phải ông muốn ám chỉ đến hình ảnh Thượng Đế được con người định nghĩa như một đấng sáng tạo của các tôn giáo có mặt trên cõi

đời này. Nghĩa là không nói về một đấng Thượng Đế từ bên ngoài đây quyền lực được áp đặt vào ta. Ý nghĩa câu nói ấy, theo tôi là, ta phải đánh thức cái sức mạnh tự ngã trong ta. Nhà Phật gọi vòn vẹn bằng hai chữ: *Phật tánh*.

Tôi đã cảm nhận lời của *Nietzsche* rõ hơn khi tôi đọc tác phẩm *Monks & Monkeys, Travails of a Flying Dutch monk over 40+ years in Sri Lanka* này của Sư Olande Ananda. Tôi đã gật gù khi đọc đến đoạn văn này:

Lễ xuất gia của tôi được ấn định vào ngày 21 tháng 9 năm 1975 tại ngôi chùa tôi đang trú ngụ. Vài ngày trước đó, một vài tín đồ Jehovah đến gặp tôi với Kinh Thánh trong tay và hỏi tại sao tôi đổi sang Phật giáo. Họ bắt đầu nói với tôi về Chúa và sau khi lắng nghe họ một lúc, tôi nói với họ rằng tôi không biết Chúa là ai; tôi nói nếu ngày nào tôi phát hiện ra Chúa, tôi sẽ trở về với Chúa.¹

Ta thừa hiểu rằng, Sư Olande Ananda, một cố động viên tích cực trong "Hội Đôi Thoại Liên Hiệp Các Tôn Giáo" sẽ không bao giờ có ý mĩa mai các tôn giáo khác. Lại là một thanh niên sinh ra và lớn lên ở Hòa Lan, không phải Sư chưa hề nghe đến chữ "Đức Chúa" trong nhà thờ. Nhưng cũng như *Nietzsche*, Sư chỉ muốn khuyên những ai từng thao thức đi tìm một con đường, đi tìm một đấng đạo sư thì hãy quay về đánh thức chính đấng đạo sư trong tâm mình trước. Khi "Đấng" ấy hiển hiện lên thì người đời không thể dùng chữ nghĩa thế gian (như Chúa, như Phật, Thánh Thần...) để đặt tên được. Đấng ấy sẽ hiển hiện lên như *chân như tự tánh*.

Và tôi biết chắc, con đường còn lại của vị Du Hành Tăng Hòa Lan này sẽ còn dài lắm. Hy vọng Sư còn kể và có người sẽ ghi lại, sẽ dịch ra tiếng Việt để chúng ta còn có thể đọc thêm nữa. Mong được như vậy.

¹ Người viết bài này xin mạn phép tô đậm câu văn của tác giả Olande Ananda.

Cuối cùng tôi xin nói thêm một ý quan trọng khác: dịch giả Hồ Thanh Trước đã dịch tác phẩm này tuyệt vời lắm. Giữa khối chữ Anh ngữ, Pali ngữ, Hán ngữ... anh đã lọc ra, đã nhào nặn, nối kéo thật tài tình và ăn khớp với nhau. Có lẽ việc này không phải dịch giả nào cũng làm được. Anh sở hữu một ưu điểm hiếm có, anh vừa là người tinh thông ngôn ngữ mà lại vừa có khả năng sắp xếp, đầu óc so sánh rất khoa học của một kỹ sư. Và trên hết là tấm lòng của một cư sĩ Phật tử. Chỉ có tấm lòng Phật tử mới cảm nhận được đường mây lối gió của một Du Hành Tăng Hòa Lan (*Flying Dutch monk*) như vậy.

Đức quốc, Mùa Thu 2019

Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn

HỒ THANH TRƯỚC

PHỤ LỤC

XỨ HOA “TULIP”

QUÊ HƯƠNG CỦA THẦY OLANDE ANANDA

Như hoa Anh Đào là biểu tượng của xứ Phù Tang, khi nói đến hoa «tulip», chúng ta nghĩ ngay đến Hòa Lan, vì vương quốc này xuất cảng nhiều hoa tulip nhất thế giới. Tulip, Việt Nam gọi là hoa Uất Kim Hương, vì được dịch từ tiếng Trung Hoa (yùjinxianghua - 鬱金香花). Tulip xuất xứ từ các vùng đất ấm thời «Cựu Thế Giới (Old World)» và ngày nay vẫn còn được trồng ở Bắc Phi, vùng Trung Đông và vùng Tiểu Á. Từ nhiều thế kỷ trước, hoa này được nhập vào Hòa Lan từ Đế Quốc Ottoman, sau đó, các nhà trồng hoa Hòa Lan nhận thấy rằng hoa tulip được trồng thử, thích hợp với điều kiện khí hậu khắc nghiệt ở vùng Lowlands này, và họ đã đạt đến kết quả hiện tại.

Tulip thuộc loài hoa được vươn lên từ củ (bulb), tựa như củ hành tây. Vào cuối tháng ba hằng năm, hoa bắt đầu nở, cuối tháng năm hoa héo tàn, sau khi hoa tàn, củ sẽ lớn, củ này được đưa đến tay người tiêu thụ để trồng giữa thu, khoảng tháng mười một. Vì vậy, chúng ta thường thấy những cánh đồng hoa đủ loại, đủ màu, nở rộ khắp Hòa Lan trong khoảng thời gian

này. *Keukenhof* ở *Lisse* là nơi hằng năm các nhà trồng hoa đến trưng bày sản phẩm và là một điểm du lịch nổi tiếng của Hòa Lan.



Cánh đồng tulip đủ màu sắc

Nhưng Hòa Lan không phải chỉ có Tulip, mà còn là vương quốc của *windmolen* (*windmill* hay *moulin à vent* - chong chóng gió), được dùng để xay ngũ cốc và nhứt là bơm nước chống lũ lụt hoặc để tạo những vùng đất mới được gọi là *polder*, và cũng là xứ của những đôi giày gỗ (*klompen, clogs* hay *sabot*).

Tôi đã được biết đến vương quốc này từ những năm 70 – 80 thế kỷ trước, trong những năm 1990 - 2000, tôi lại có nhiều chương trình làm việc ngắn hạn nơi đây. Nhưng tôi thật sự mến vương quốc này khi được công ty tôi làm việc thuyên chuyển tôi từ Pháp sang sống và làm việc tại Hòa Lan từ đầu năm 2007

đến nay. Đất nước này là nơi tôi, một "pigeon voyageur" (người du hành), tạm dừng chân hơn 12 năm qua. Để đánh dấu sự kiện này, bà xã tôi vẽ tặng tôi hai bức tranh: "Blauwborst" và "Ijsvogel", những loài chim định cư, không đòi đổi chỗ ở như các loài chim thiên di (*migrator birds, oiseaux migrants*).



Blauwborst



Ijsvogel

HÒA LAN, MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA HẠNH PHÚC NHẤT THẾ GIỚI

Vương quốc này được gọi là Hòa Lan hay Holland vì thói quen, nhưng thật ra Holland chỉ là tên của hai tỉnh, Bắc Holland và Nam Holland, trong mười hai tỉnh của vương quốc này. Tên thật của vương quốc này là Nederland hoặc Netherlands hay Pays-Bas và Niederlande v.v... Chúng ta nên nhắc lại rằng trước 1975, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa sử dụng danh từ

Hòa Lan, sau 1975 trong nước dùng danh từ Hà Lan do dịch từ tiếng Trung Hoa.

Nhiều năm qua, Hòa Lan được xếp vào 10 quốc gia hạnh phúc nhất thế giới, và năm 2017 đứng hạng 6. Hạnh phúc không có nghĩa là giàu nhất, nhưng là nơi người dân được chánh quyền quan tâm về việc làm, sức khỏe, giáo dục, an ninh, đời sống tâm linh v.v...

Nhưng sự hạnh phúc này không phải do một đấng quyền năng nào ban cho, mà là do sự cố gắng của cả một dân tộc.

Là một vùng đất thấp, hơn 1/3 diện tích Hòa Lan thấp hơn mặt biển, điểm thấp nhất *Nieuwerkerk*, thấp hơn mực nước biển 6,76 m và điểm cao nhất «núi» *Vaalserberg* trong vùng ba biên giới Hòa Lan, Đức, Bỉ, có cao độ 323 m. Lũ lụt là một nghiệp duyên mà thiên nhiên dành cho người dân đất nước này, từ nhiều thế kỷ người dân phải chiến đấu với thiên nhiên để sinh tồn. Tiền bán thế kỷ 20, người Hòa Lan thường nói họ phải xoay đồng 10 xu nhiều lần trước khi chi tiêu, để khỏi phải thiếu hụt. Điều này khiến cho nhiều dân tộc Âu châu cho rằng người Hòa Lan hà tiện! Tuy rằng ngày nay, Hòa Lan trở nên một quốc gia thịnh vượng, nhưng nhiều gia đình Hòa Lan vẫn giữ truyền thống tiết kiệm này.

POLDER VÀ HỆ THỐNG ĐÊ ĐIỀU

Từ nhiều thế kỷ người Hòa Lan phải chiến đấu với thiên nhiên để sinh tồn, hệ thống đê điều luôn luôn là điều quan tâm lớn của chánh quyền và người dân, với sự điều hành của một cơ quan mang tên «*Rijkswaterstaat*» (Quốc gia thủy cục, thuộc bộ Môi Trường). Họ lập nhiều «polder», tức là những đê ngăn biển tránh lụt đồng thời tạo lập nên vùng đất mới. Điển hình là *Afsluitdijk* tạm dịch là «đê ngăn chặn» hoàn thành năm 1932,

con đê này ngăn biển để tạo nên một vùng đất mới, *Flevoland*, tỉnh thứ 12 của Hòa Lan với 2413 km vuông và hồ nước ngọt 13 triệu mét khối cho nông nghiệp. Nơi đây là một vùng đất nông nghiệp phì nhiêu như đồng bằng Nam phần Việt Nam.

Bên bờ *Afsluitdijk* có bức tượng với hàng chữ «*Een volk dat leeft bouwt aan zijn toekomst*» (một dân tộc sống và xây dựng tương lai của họ).



Een volk dat leeft bouwt aan zijn toekomst

Tuy vậy con lụt do biển trào dâng ngày 01-02-1953 ở *Zeeland*, nam Hòa Lan đã cướp đi 2.000 sinh mạng và hàng chục ngàn mẫu ruộng đất hư hại vì nước mặn, cùng vô số thiệt hại khác. Ngày 04-02-1953, ông bộ trưởng đương thời *Drees* tuyên bố trước Quốc hội thành lập Hội đồng *Delta* và lập dự án *Delta* gồm 13 hệ thống đê, đập chống lụt do bão biển. Dự án này tốn nhiều công sức nhưng đã mang lại nhiều lợi ích cho Hòa Lan. Trong số 13 hệ thống này có cửa đập di động *Maeslantkering*,

một kỳ quan của thế giới, ở cửa sông Maas, dẫn vào hải cảng lớn nhất thế giới *Rotterdam*. Đến nay, chương trình Delta ở nam Hòa Lan đã hoàn chỉnh, tất cả các đảo ở vùng Zeeland được nối liền nhau bằng một hệ thống đường bộ và xa lộ, tất cả được bảo vệ bằng những con đê. Tuy nhiên, để đối phó sự thay đổi nhiệt độ địa cầu, làm mực nước biển dâng cao, người Hòa Lan dự trù xây đê cao hơn.



Cửa đập di động Maeslantkering ở cửa sông Maas

Hệ thống đê điều ở Hòa Lan rất hoàn chỉnh, không thể diễn tả qua vài trang giấy. Với tất cả các công trình này người Hòa Lan thường nói một cách tự hào: «*Đấng tạo hóa đã tạo nên thế giới này, nhưng người Hòa Lan tạo dựng nên đất nước của họ.*» Những chánh sách dưới đây giúp chúng ta hiểu rõ sự thành công của đất nước này:

- *Gedoogbeleid*, chánh sách khoan dung

Nói đến Hòa Lan phải nói đến chánh sách "*Gedoogbeleid*" của chánh phủ, tạm dịch là "*sự khoan dung theo luật định*", một

chính sách của chính phủ áp dụng cho một hành vi vi phạm pháp luật mà không bị truy tố. Khoan dung, trong vài trường hợp, là do sự khó khăn trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan thực thi. Chánh sách này được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Các loại ma túy bị cấm khắp thế giới. Ở Hòa Lan, được phân biệt hai loại: nặng và nhẹ. Loại nặng bị cấm hoàn toàn, vi phạm sẽ bị xử theo luật pháp. Loại nhẹ như cannabis (drug), được phép sử dụng theo một số quy định của luật pháp, dưới sự kiểm soát của chính quyền.
- *Euthanasia*, tạm dịch là "*Quyền tự tử dưới sự kiểm soát y khoa*", các bác sĩ thực hiện theo yêu cầu của bệnh nhân không bị truy tố, nếu áp dụng đúng theo luật pháp quy định.
- Trường hợp thứ ba, một điểm hứ ký khó nói đến, tuy là một sự thật không thể né tránh: mãi dâm! Một "nghề" xưa nhất trái đất, nhưng rất khó kiểm soát hoặc bài trừ. Cuộc chiến chống mãi dâm, luôn luôn là mối quan tâm lớn của chánh phủ nhiều quốc gia, vì nó đưa đến việc buôn bán sắc đẹp mà đức Phật đã từng giảng trong phẩm thứ 14 "An lạc hạnh" trong kinh Pháp Hoa. Nhưng Hòa Lan không thành công trong việc giải quyết vấn đề, do đó họ hợp thức hóa "nghề nghiệp" này theo luật định để dễ kiểm soát!
- Một trường hợp hứ ký khác là vấn đề hôn nhân "đồng tính", nếu không khoan dung, chánh thức hóa thì vẫn diễn ra trong âm thầm, lén lút!

Các chính sách của Hòa Lan về ma túy nhẹ và mãi dâm được kiểm soát là ví dụ tốt nhất được biết về chính sách khoan dung. Tuy nhiên, khoan dung là tốt, nhưng giáo dục là biện pháp tốt nhất để giải quyết các vấn đề nêu trên và chánh sách này chỉ có thể áp dụng cho các quốc gia có trình độ dân trí và đạo đức cao.

Theo một số nhà đạo đức học, khái niệm về khoan dung là sự liên kết các khái niệm tuyệt đối về cái tốt và cái xấu. Khoan dung được áp dụng khi một việc được nhận ra là một điều xấu, nhưng chống lại điều này sẽ tạo nên kết quả xấu hơn hoặc phức tạp hơn.

Khoan dung thường được xem là một đức hạnh, bởi vì nó có khuynh hướng tránh xung đột. Do đó, ông Kofi Annan, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc 1997 – 2006, đã nói rằng: "*Khoan dung theo luật định (toleration in law) là một đức hạnh, nó làm cho nền hòa bình có thể đạt được.*"

Trong một số lý thuyết về triết lý, chẳng hạn như trong triết lý Phật giáo, khoan dung là bước đầu tiên hướng tới sự khoan hồng và độ lượng, tức là chấp nhận mà không cần nỗ lực. Sự khoan dung cho những người tấn công chúng ta, là một bài tập thực hành cho chính mình.

Tuy nhiên, chánh sách khoan dung *Gedooogbeleid* của Hòa Lan chỉ giải quyết vấn đề thực tế trong cuộc sống hiện đời. Theo thuyết luân hồi trong Phật giáo, những quả hiện đời đều do nhân đã tạo trong các đời trước. Một người mang bệnh nan y không chữa trị được, đó là nghiệp quả do nhân đã tạo trước đó, phải vui vẻ chấp nhận, nếu tự tử dù là hợp theo luật pháp, tức là chưa trả hết nghiệp, phải luân hồi trong sanh tử để tiếp tục trả nghiệp.

Trong giáo pháp của Phật có nói: "*Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân.*" Luôn luôn nghĩ đến nhân quả, vì giáo pháp của Phật chỉ cho chúng sanh rõ nhân gì sẽ sanh ra quả gì, nghĩa là cứu nhân, không thể cứu quả, khi quả trở ra thì quá muộn.

Cũng vậy, rượu và các chất ma túy hay dâm dục là nhân sẽ đưa đến quả xấu trong hiện đời hay đời sau, cho dù có được chấp nhận bởi luật pháp hiện hành.

- *Gross domestic production (GDP)*

GDP trên đầu người Hòa Lan năm 2016, theo thống kê *International Monetary Fund (IMF)*, chỉ ở vào hạng 13 toàn cầu. Tuy nhiên, theo cơ quan *World Economic Forum (WEF)* 2017, Hòa Lan được xếp hạng 4 trong 10 quốc gia có *Global Competitiveness Index* cao nhất và hạng 6 trong 10 quốc gia hạnh phúc nhất thế giới. Điều này chứng tỏ rằng việc quản trị kinh tế, chính trị của chính phủ và ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, tình yêu tổ quốc của người dân rất cao.

Để nhận thấy rõ điều này, một câu hỏi được nêu ra: «Tại sao đội túc cầu quốc gia Hòa Lan luôn luôn xuất hiện trên sân cỏ với đồng phục màu cam, dù ở bất cứ nơi nào trên thế giới, hoặc vào ngày lễ vua hay hoàng hậu (*koningsdag, koninginnedag*), mọi người đều dùng màu cam?» Câu trả lời: «Vì màu cam là màu của hoàng gia "*Oranje-Nassau*", với William I, vị hoàng tử họ *Oranje-Nassau* đã dành độc lập cho Hòa Lan trong chiến tranh "Tám mươi năm 1568 – 1648" với Tây Ban Nha, và dòng họ này làm vua Hòa Lan đến nay.» Màu cam là màu của hoàng gia, là biểu tượng của tổ quốc, mà tổ quốc là trên hết, lòng ái quốc đã ăn sâu vào tâm trí dân Hòa Lan vì dù cho vua có thay đổi, tổ quốc còn, tất cả còn.

- *Tôn giáo và đời sống xã hội*

Từ năm 1880 đến năm 1960, xã hội Hoà Lan đã "*đóng khung*" trong ba «*khuy nh hướng tổ chức chiều dọc*»: tổ chức Công Giáo, tổ chức Chính Thống Giáo - Tin Lành và tổ chức Xã Hội. Ba tổ chức này điều hành các tổ chức phụ thuộc như trường học, bệnh viện, phát thanh, truyền hình, báo chí, các đảng chính trị, nghiệp đoàn, các tổ chức thanh thiếu niên, theo khuy nh hướng của họ.

Trong những năm 1960, hệ thống ba «*khuy nh hướng tổ chức chiều dọc*» này sụp đổ. Kể từ đó, ba xu hướng nổi lên trong sự

phát triển của các tổ chức xã hội: xu hướng phân mảnh, xu hướng chuyển đổi và xu hướng hình thành các «*khuyh hướng tổ chức chiều dọc*» mới. Xu hướng chiếm ưu thế là phân mảnh các tổ chức kể trên và hợp nhất với các tổ chức khác để tạo một khuyh hướng mới. Một ví dụ là sự hòa nhập của *Nederlands Verbond van Vakverenigingen* (NVV, Liên hiệp nghiệp đoàn Hoà Lan) với *Nederlands Katholiek Vakverbond* (NVK Nghiệp đoàn Công Giáo Hoà Lan) để thành lập *Federatie van Nederlandse Vakverbonden* (FNV, Liên minh nghiệp đoàn Hòa Lan).

Trong những năm 1970 và 1980, người ta thường cho rằng Hoà Lan sẽ nhanh chóng trở thành một quốc gia hoàn toàn phi tôn giáo, trong đó tôn giáo sẽ không còn đóng vai trò trong cuộc sống xã hội. Một kỳ vọng không thành sự thật. Mặc dù các nhà thờ trống rỗng không còn tín đồ, nhưng nhiều người Hoà Lan tiếp tục tự định hướng theo những khuyh hướng mới thực tế, thích hợp với thời đại. Đáng chú ý là trong các lĩnh vực phi tôn giáo, chẳng hạn như y tế hoặc giáo dục, và ngay cả trong giới kinh doanh, tôn giáo vẫn là một đề tài hợp thời. Thay vì phi tôn giáo hóa, thực sự chỉ là sự biến đổi, tôn giáo vẫn là một lực lượng văn hoá quan trọng dưới mọi hình thức mới mẻ và tiếp tục chiếm vị trí của nó trong xã hội Hoà Lan, như CDA (Christen-Democratisch Appèl - Đảng Dân Chủ - Công Giáo) đảng phái cầm quyền trong nhiều thập niên qua ở Hòa Lan, được hình thành do sự kết hợp của ba đảng phái ARP, CHU và KVP.

Ngoài ra, Hồi giáo đã phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ ở Hòa Lan. Phật giáo cũng đang phát triển nơi đây, điển hình là hội «*Leven in Aandacht* (Tập trung vào cuộc sống)», một tổ chức tu tập thiền theo phương pháp Làng Mai của Hòa Thượng Nhất Hạnh, dành cho người Hòa Lan, và đã có không ít tăng, ni người bản xứ. Người Hòa Lan gốc Việt đã xây dựng được hai ngôi chùa trên quê hương mới này.

Nhờ truyền thống tôn giáo này mà người Hòa Lan có đời sống luân lý đạo đức tốt, lòng tôn trọng và sự tin tưởng lẫn nhau khá cao, trong một thế giới hiện đại mà luân lý đạo đức đang có phần thoái hóa!

Một thí dụ nhỏ, ở Hòa Lan khi một nhân viên bị cảm sốt phải nghỉ vài ngày, họ chỉ cần điện thoại báo cho sớ biết, hết bệnh sẽ đi làm lại. Không cần chứng nhận của bác sĩ, vì bác sĩ Hòa Lan không cấp giấy nghỉ bệnh khi không cần thiết, sự tin tưởng tuyệt đối được tôn trọng trong các trường hợp này.

Sự giao dịch hằng ngày giữa người và người như sự phục vụ trong các lãnh vực thương mại, giao thông, y tế, giáo dục, hành chánh, v.v... rất tốt và luôn luôn với nụ cười.

Vrijwilligerswerk (việc làm tình nguyện). Tại Hòa Lan có rất nhiều tình nguyện viên làm việc thiện nguyện, một trụ cột kinh tế quan trọng ở Hòa Lan mà chính phủ ngày càng muốn phát triển. Tình nguyện viên tham gia việc xã hội, mặc dù là tự nguyện, nhưng không phải không trách nhiệm.

Theo một thống kê của Movisie vào năm 2015, nhóm tình nguyện viên lớn nhất là từ 35 đến 45 tuổi. Những người có khả năng và có cuộc sống sung túc, nhưng cũng có những người vì có con thường làm tình nguyện viên liên quan đến trẻ em, gồm các hoạt động tình nguyện tại trường học, câu lạc bộ thể thao hoặc trong các hoạt động khu phố liên quan đến trẻ em. Nhưng cũng có công việc tự nguyện không liên quan đến trẻ em, như chăm sóc người lớn tuổi v.v... Tình nguyện viên cũng được thực hiện nhiều ở thôn quê hơn ở các thành phố. Tình nguyện viên nói chung là những người có thể tự tổ chức và thực hiện công việc, thường thì họ tự nguyện đóng góp vì sự hài lòng mà họ mang lại cho xã hội.

Trước 1975 chỉ có một số ít công chức Việt Nam được chính phủ gởi sang Hòa Lan tu nghiệp, trong số này có anh Lưu mà

tôi được biết. Sau 1975 có nhiều thuyền nhân Việt đến định cư và rất thành công trên quê hương thứ hai này. Thế hệ trẻ thứ hai, thứ ba, tiến hơn thế hệ đầu, góp mặt trong mọi ngành nghề trong xã hội Hòa Lan, kể cả trong quân đội, đã có một bác sĩ đại tá người Hòa Lan gốc Việt.

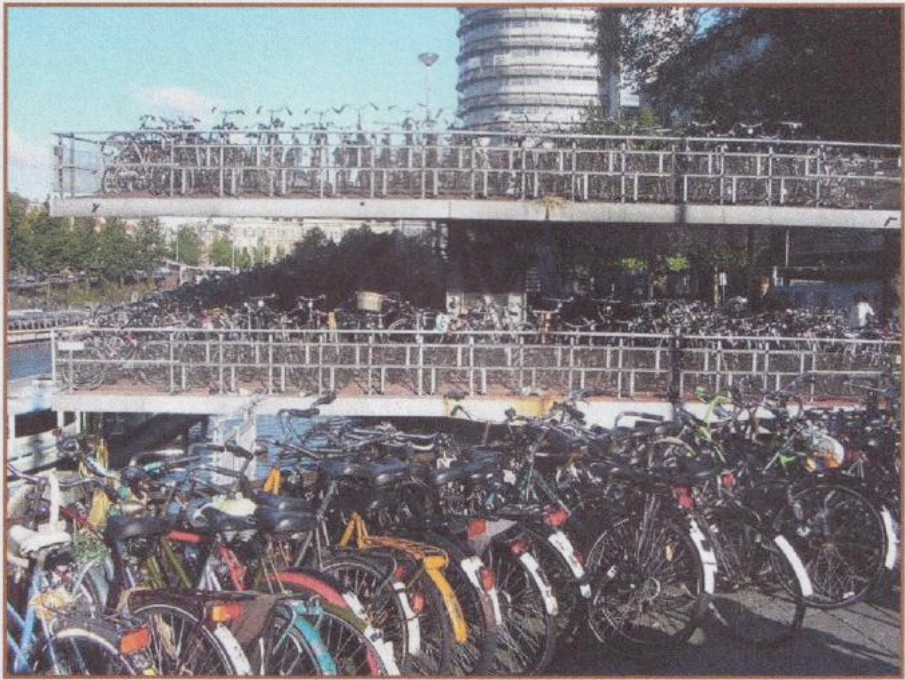
- Xe đạp và người Hòa Lan

Khi đến Hòa Lan, hình ảnh đầu tiên nhìn thấy trên đường phố là... xe đạp, đủ loại, đủ kiểu, những kiểu chỉ có ở Hòa Lan, với phần ngăn chở trẻ em hay hàng hóa. Dù là nắng hay mưa, kể cả lúc mưa to, nhiều người Hòa Lan vẫn vượt qua đường phố trên lưng «con ngựa sắt hai bánh» trung thành, cũ kỹ và đôi khi rỉ sét của họ. Chúng ta không thấy những chiếc xe đạp hào nhoáng, kỹ thuật tân tiến, với sườn xe bằng titanium và hệ thống nhún. Đúng vậy, người Hòa Lan ưa chuộng xe đạp không bộ đổi tốc độ, cũ kỹ, rỉ sét. Tại sao? Bởi vì, thực tế và tiết kiệm đã thấm sâu vào mạch máu của người dân Hòa Lan! Xe đạp với động cơ điện trợ giúp chỉ được sử dụng bởi người cao niên.

Với 18 triệu xe đạp và 35.000 km đường an toàn dành riêng cho xe đạp, nối liền các thành phố hoặc liên tỉnh, các bãi đậu xe đạp miễn phí, hoặc bãi xe đạp nhiều tầng chi phí nhẹ v.v... Hòa Lan là thiên đường của xe đạp.

Tôi gặp một số người Việt trẻ, du lịch Hòa Lan, họ nói: «Dân Hòa Lan có vẻ nghèo, họ chỉ đi toàn xe đạp.» Tôi không biết phải trả lời họ thế nào, đành im lặng! Chỉ thầm mong rằng Việt Nam được «nghèo» như họ.

Nhớ lại đầu những năm 70 thế kỷ trước, các thành phố Hòa Lan có những trạm xe đạp công cộng, ai cần cứ đến đó mượn miễn phí, dùng xong trả lại chỗ cũ hoặc trả ở một trạm khác. Sau này có thể vì chánh phủ không tài trợ hay vì quá nhiều người mượn mà «quên» trả lại nên không còn thấy các trạm xe đạp công cộng nữa!

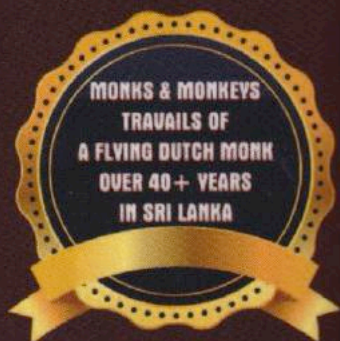


Parking dành cho xe đạp trước nhà ga Amsterdam

Nhìn chung Hòa Lan còn nhiều ưu điểm khác đáng cho chúng ta noi theo, nhưng bài viết có giới hạn, xin tạm ngưng nơi đây. Mong rằng Việt Nam rút tỉa các kinh nghiệm tốt, xấu của các quốc gia trên thế giới, để vạch cho mình một hướng đi «*dân giàu, nước mạnh trong luân lý và đạo đức*», như Nhật Bản đã thực hiện từ gần ba thế kỷ qua, hay gần đây như Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan.

40 NĂM

BƯỚC CHÂN CHƯA MỎI



OLANDE ANANDA

**Chặng đường tìm đạo và tu tập
của một vị Du Hành Tăng Hòa Lan tại Tích Lan**



«...một ngày nào đó vào tháng 5 năm 1975, một chàng trai trẻ về mặt thông minh trong trang phục màu trắng, tên là Rudy Hammelburg đến gặp tôi. Tôi cảm thấy ngay giữa anh ta và tôi thật không xa lạ, anh ta không phải ai khác mà chính là con trai của tôi từ kiếp trước đã trở lại với tôi. Mắt tôi đắm lệt. Trái tim tôi tan chảy vì cảm động.»

Đây là lời thuật lại của 'guru hamuduruwa' của tôi - Ngài Agga Maha Pandita Davuldena Gnanissara Mahanayaka Thera với cha mẹ tôi, khi ông bà đến gặp ngài trong chuyến thăm Sri Lanka, và đến tham dự buổi lễ thọ giới Cụ Tu của tôi vào năm 1977.

Ven. Olande Ananda Thera



NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHÁT HỘI
UNITED BUDDHIST FOUNDATION

www.unitedbuddhist.org

www.lienphathoi.org

www.rongmotamhon.net

ISBN 978-1-777-84974-4



9 781677 784974